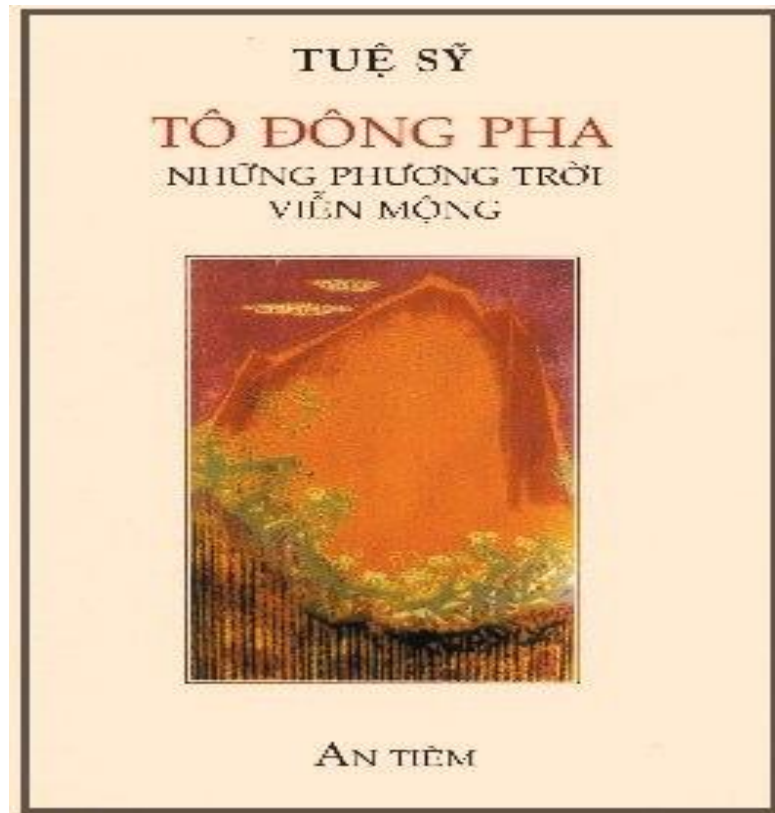


TÔ ĐÔNG PHA: NHỮNG PHƯƠNG TRỜI VIỄN MỘNG

Tuệ Sỹ



**Trong ta là núi là rừng
Là trăm tiếng hát đã dừng trên môi**
(Tuệ Sỹ – THÂN PHẬN)

Tựa

Kinh Thi và Kinh Dịch như đôi cánh của con chim nhận mang chở định mệnh lịch sử của Trung Hoa bay lượn suốt mấy mươi thế kỷ trên vòm trời Viễn Đông. Dịch trải rộng con đường cho những bước đi lịch nghiệm trong cuộc tồn sinh; Thi là tâm nguyện khẩn thiết và trung thực từ giữa chỗ sâu thẳm của tình người và lòng người, được mang ra để lịch nghiệm cuộc Lữ mà Dịch đã phơi bày ra đó. Âm hưởng của Thi là tiếng vang của nhịp bước trong cuộc Lữ.

Nhưng thảm họa lịch sử, vì những tham vọng cuồng dại si ngốc của con người, càng lúc càng đổ dồn lên cuộc Lữ. Thi đã đổi cách điệu trở thành những âm vang thống thiết của Ly tao kinh. Cuộc Lữ trở thành cuộc đày ải; Thi cũng trở thành ẩn tình hoài vọng Quê Hương; hoài vọng những phương trời viễn mộng của Quê Hương. Một lúc nào đó, Cuộc Lữ bị vây phủ trong trận đồ mù mịt của tư tưởng, Thi là chứng tích sa đọa của một thời. Buổi thịnh triều rầm một nhà Đường, Thi như một con thuyền biểu diễn tất cả tài hoa của nó trên ba đào lịch sử, giữa một

đại dương rập rình hiểm họa. Nó vẫn đủ khả năng đưa người vào lục địa, hay lướt sóng đi về vô tận khơi voi hoàng viễn. Nhưng cũng có thể âm thầm xô ngã vô số người say sóng. Lý Bạch là một trong những tay lái cự phách, và có thể là nhất. lãng đãng với tài hoa vừa lãng mạn vừa kiêu hùng, nên quyến rũ và tạo ra một trường say sóng. Say trong một buổi tiệc, lượm lặt những vật phế khí của trời đất, để thống ẩm cuồng ngôn. Gậy lục ngọc của Lý Bạch được mượn để gõ lên đầu lịch sử, đẩy lịch sử đi vào mê cung bát trận đồ. Chỗ hay không bù lại chỗ dở; cái được không thấm vào đâu với cái mất. Thi ca khai diễn một trường hưởng thụ cho những tay đầu cơ lịch sử có hạng.

Cái đó chỉ là dự tưởng về những chuyện có thể có cho Thơ mà thôi, nên khỏi phải nói dài dòng.

Thơ vẫn là một cuộc lịch nghiệm Riêng và Chung, của Thời đại và Lịch sử. Từ cuộc Riêng, Thơ nương theo đôi cánh Thi và Dịch để đi về nơi Hoàng viễn, dẫn Lịch sử Uyên nguyên tụ hội với Thời đại. Hình như những sự này tôi nghe được từ nơi thơ của Đông Pha, có nghe lộn hay không, thì không biết. Nhưng cứ xin lấy chỗ nghe được đó ra để bố trí cho quyển sách này.

Tuệ Sỹ

NHỮNG PHƯƠNG TRỜI VIỄN MỘNG

I

KHUYẾT NGUYỆT QUẢI SƠ ĐỒNG

缺月掛疏桐

Trong ta là núi là rừng
Là trăm tiếng hát đã dừng trên môi
(THÂN PHẬN)

1.

Khuyết nguyệt; đó là mảnh trăng non, là con trăng sơ huyền. Trăng của thời kỳ vừa chớm, và thơ cũng sẽ bắt đầu từ một cõi mộng đơn sơ. Những cái u sầu hay hoan lạc trong mỗi cuộc giao tình, phảng phất một ẩn ngữ cao kỳ. Ân tình cùng giao thoa trong tương ứng, nó đơn giản như hai với hai là một. Rồi từ đó sẽ mở ra một phương trời đọa đày viễn mộng. Cuộc tình tan rã, thì cuộc chơi đột ngột phơi bày trong tuệ nguyệt. Bấy giờ là mùa thu; và tóc trắng tung bay trong cõi mộng kiêu hùng. Mùa đó, nước lũ ào ạt đổ xuống Trường giang; rầm rộ tràn qua những đống loạn thạch, lũ lướt trôi phẳng như mây ngàn bạt đỉnh, sóng kinh hoàng xé

đôi hai bờ bến, dâng cao như đống tuyết bay: Giang sơn như họa, Anh hùng hào kiệt một thời!

Thế thì, trong cõi thơ, trăng cũng kiêu hùng như gió ngàn bạt đỉnh. Từ đó, nhìn lại con trăng như sợi lông mày vắt ngang trên con mắt sầu mộng đăm chiêu; mảnh trăng non tro vơ trên ngọn ngô đồng thưa lá: thơ là ẩn ngữ hay không là ẩn ngữ? Vừa ẩn ngữ, vừa không là ẩn ngữ: Trôi viễn mộng đọa đày đi mấy thuở; Mộng kiêu hùng hay muối mặn giữa mù khơi?

Thơ không là ẩn ngữ. Trong cuộc giao tình vừa khởi sự, cuộc thơ cũng phơi bày lộ lộ những nét thanh kỳ tú lệ; cũng lãng đãng như màn trăng trong những giọt sương lóng lánh; cũng tươi như nụ hồng vừa chớm nở; cũng trong ngọc trắng ngà như băng tuyết; và cũng tro vơ như chiếc sao Hôm trong buổi hoàng hôn, tư lự như sao Mai giữa trời khuya ngất tạnh. Vậy, những cái đó không là ẩn ước hay ẩn mật; mà chính là những tâm tình được thổ lộ phơi trần, hoặc bằng lân la nay khóm trúc mai chồi lan; hoặc đột ngột như gió dục mây Tần. Tâm tình đã thổ lộ, thì cuộc giao tình thấm thiết mở ra. Bây giờ mới là lúc:

Vén thanh sắc đổ mù khơi về đối diện
Cuộc ân tình loi là vội chia phôi
Trăng nằm xuống ruỗi dài hai bến hẹn
Một dòng sông vồn vã động chân trời

Từ tâm tình đến cuộc tình, từ cuộc tình đến cuộc chơi, rồi từ cuộc chơi đến cuộc hẹn; thế là, đang lân la, bỗng đột ngột phát hiện một phương trời viễn mộng, xa xôi. Trong cõi đó, lũ khách bao giờ cũng thấy mình đang bươn bả ra đi, đi biên biệt, đi triền miên, tưởng như không bao giờ có bến bờ để đổ lại; nhưng, đi và đi mất, trong từng khoảnh khắc, cái đến và nơi đến, đã đến tự bao giờ. Cuộc tình chia phôi từ đó. Bên này là những dòng tuế nguyệt cứ mãi trôi đi, và bên kia là một chân trời đồng vọng không có đến. Bóng chiều rủ lên tàng đá bên đường, đọng trong mắt của người một mối sầu cô lữ. Không vì ẩn ngữ, nhưng vì đã phơi bày tất cả ra đó, nên cuộc tình và cuộc chơi hay cuộc lữ cuộn tròn trong ẩn ngữ thiên thu. Đó là một tình tự hoang đường? Hoặc giả:

Đá mòn phơi nẻo tà dương
Nằm nghe nước lũ khóc chùng cuộc chơi
.....?

2.

Đó là tình thơ trong cuộc thơ và cõi thơ; không quyết là của Đông Pha hay không là của Đông Pha. Nhưng người chơi thơ, mở cuộc giao tình với cuộc thơ, ban đầu chỉ như đi tìm một cõi mộng đơn sơ; rồi đột ngột, và sững sờ, cảm khái như một mối sầu cô lữ, thấy mình lưu lạc ở một phương trời đọa đày viễn mộng

*

**

Bây giờ bắt đầu bằng con trăng sơ huyền, mảnh trăng non treo trên ngọn ngô đồng thưa lá. Trăng trên đôi xuân cỏ mượt, hay trăng trong mùa thu tóc trắng. Nói chung, là trăng trong cõi mộng đơn sơ. Trong đó, tình thơ đồng vọng từ mùa xuân, từ lúc hoa bắt đầu rã những cánh hồng xơ xác:

Hoa thốn tàn hồng thanh hạnh tiếu
Yến tử phi thời
Lục thủy nhân gia nhiều
Chi thượng liễu miên xuy hựu thiếu
Thiên nhai hà xứ vô phương thảo

花褪殘紅青杏小
燕子飛時
綠水人家遶
枝上柳綿吹又少
天涯何處無芳草

Hoa đang rã những cánh hồng xơ xác, và cây hạnh xanh gầy. Khi con én liệng, dòng nước biếc lượn quanh. Lốp bụi phấn bông liễu trên cành, gió thổi rồi vui dần. Ven trời hàng vạn nẻo, nơi nào không là cỏ non?

Đồng vọng xuân mà cũng là đồng vọng thu; đôi cỏ non và tóc trắng. Ân tình một nỗi mà chia hai. Tình thơ là tình xuân, nhưng tình người đã quá xế muộn, của tuổi già, cái tuổi gần 60, trong những ngày bị đày ải, lưu lạc nơi cảnh man dại Nam hoa.

Lúc đó, và năm đó, Giáp tuất (1094), ông 59 tuổi, đang từ chức Đoan minh điện kiêm Thị độc học sĩ, ngoại nhiệm ở Định Châu, bị giáng chức, đày đi Hải Nam. Đó là đoạn đường gian nan hiểm trở. Trên đoạn đường đó, thơ ông vang lên những tiếng dội lạ lùng. Khổ đau cùng cực, trợn lẫn với hào khí ngất trời; nhưng lại đượm những chân tình hoài vọng xa xôi.

Đường đi xuống Hải Nam, ngang qua Cống châu; sông Cống chảy qua 18 ghềnh thác đổ. Ngày mùng 7 tháng 8 (âm lịch) năm đó, bắt đầu vào Cống châu, và ngang qua một thác nước ào ạt, được mệnh danh là thác Hoàng khủng. Cái tên đó cũng đủ thấy các thế tuôn trào của nó. Trong cái kinh hoàng nơi khách địa đó, thơ ông vọng về cố quận khơi khơi. Nơi quê ông, có phố chợ, được gọi là phố Hỉ hoan. Hỉ hoan và Hoàng khủng, tình trong một mà cảnh tượng đôi bờ. Bên này là những nét kiêu hùng man dại của đất khác; bên kia là tình nồng đượm của quê hương. Chỗ đó, ông gọi là “lao viễn mộng”, là đọa đày viễn mộng. Bốn chữ ấy, vừa kiêu

sa vừa cô quạnh, mùa thu và tóc trắng hiện ra những nét vừa khốc liệt vừa man mác. Bài thơ của ông làm lúc đó

Thất thiên lý ngoại nhị mao nhân
Thập bát than đầu nhất diệp thân
Sơn ức Hỉ hoan lao viễn mộng
Địa danh Hoàng khủng khắp cô thân
Trường phong tống khách thêm phạm phúc
Tích vũ phù chu giảm thạch lân
Tiện hiệp dữ quan sung thủy thủ
Thử sinh hà chỉ lược tri tân

七千里外二毛人
十八灘頭一葉身
山憶喜歡勞遠夢
地名惶恐泣孤臣
長風送客添帆腹
積水浮舟減石鱗
便恰與官充水手
此生何止略知津

Hai thứ tóc, người đi ngoài bảy nghìn dặm;
Một thân côi, thác đổ xuống mười tám ghềnh.
Núi nhớ Hỉ hoan đọa đày viễn mộng;
Đất tên Hoàng khủng lệ khóc cô thân.
Gió ruổi khách cánh buồm mở rộng,
Mưa đầy sông thuyền nhẹ lên đênh.
Góp sức quan thử làm thủy thủ,
Đòi trôi xuôi bờ bến là đâu?

Con đường đó còn mở rộng bát ngát những hùng ca và bi ca. Thơ ông bấy giờ như cánh chim hồng lẻ loi bạt gió.

Ngày 3 tháng 10 năm đó, đến Huệ châu, thuộc tỉnh Quảng đông ngày nay. Ông ở đây gần 4 năm, rồi bị đày xa xuống nữa.

Tháng 11 năm đó (giáp tuất), ông làm bài thơ đưa Triệu Vân. Ông tự viết lời dẫn cho bài thơ, nói:

“Đời bảo Lạc Thiên (bạch Cư Dị) có bài từ Chúc lạc mã phóng theo điệu Dương liễu chi, khen con ngựa lúc chủ già bệnh không nỡ bỏ. Nhưng tôi nằm mộng có làm mấy câu thơ:

Xuân tận như phi lưu bất đắc
Tùy phong hảo khứ lạc thùy gia

春盡絮飛留不得
隨風好去落誰家

“Thơ Lạc Thiên cũng nói:

Bệnh dữ lạc Thiên tương bạn trụ
Xuân tùy Phàn tử nhất thời qui

病與樂天相伴住
春隨樊子一時歸

“Nhà tôi có vài thị thiếp; bốn, năm năm đã nối nhau bỏ đi; chỉ một mình Triệu Vân theo tôi đày sang Nam. Nhân đọc thơ Lạc Thiên, làm bài thơ đùa đó. Triệu Vân họ Vương, người Tiền đường, có con tên Cán, chưa đầy năm đã yếu”

Bài thơ đó:

Bất tợ dương chi biệt Lạc Thiên
Hiệp như Thông Đức bạn Linh Huyền
Ả nô Lạc Tú bất đồng lão
Thiên nữ Duy Ma tổng giải Thiên
Kinh quyển dục lô tân hoạt kế
Vũ xam ca phiến cự nhân duyên
Bất tác Vu dương vân vũ tiên

不似楊枝別樂天
恰如通德伴伶玄
阿奴絡秀不同老
天女維摩總解禪
經卷藥爐新活計
舞衫歌扇舊因緣
丹成逐我三山去
不作巫陽雲雨仙

Gọi là đùa, mà kỳ thực là để tạ cái chân tình thắm thiết của Triệu Vân hầu ông. Nàng cốt cách như thiên nữ, dù không là sắc nước hương trời, nhưng cũng trang nhã thanh cao. Trước kia, nàng chỉ biết ca hát và múa. Từ khi theo ông đi đày, nàng làm bếp; tợ như ngọc nữ quạt lò thuốc luyện đan. Khi nào tiên đan luyện thành rồi, sẽ đuổi ông chơi xa ngoài năm non bảy núi, không làm tiên nữ mây mưa trên đỉnh Vu dương nữa.

Một ngày nhàn hạ, ông ngồi với Triều Vân. Lá ngô đồng vừa bắt rơi vài ngọn, gió heo may vừa thổi, và sương thu lạnh. Ông bảo Triều Vân cầm cốc rượu làm phách đánh nhịp, hát bài từ của ông, theo điệu Điệp luyện hoa:

Hoa thốn tàn hồng thanh hạnh tiếu.
Yến tử phi thời,
Lục thủy nhân gia nhiều.
Chi thượng liễu miên xuy hựu thiếu.
Thiên nha hà xứ vô phương thảo
Tường lý thiên thu tường ngoại đạo,
Tướng ngoại hành nhân,
Tường lý giai nhân tiếu.
Tiểu tiệm bất văn thanh tiệm tiếu,
Đà tình khước bị vô tình nào.

Ca và Triều Vân sụt sùi khóc, nước mắt đầm áo. Ông hỏi tại sao khóc. Nàng chỉ vào bài từ, chính là ở chỗ

Chi thượng liễu miên xuy hựu thiếu.
Thiên nha hà xứ vô phương thảo

Trên cành liễu, bông liễu đã kết trái, trên hạt của nó có những sợi lông như lông tơ của cái kén, gọi là liễu miên, hay bụi bông liễu. Ngọn gió muộn của mùa thu thổi qua, bông liễu bay đi; ngoài kia bông liễu tản mạn triền miên, tản mạn bay đi, ngoài kia ven trời vạn nẻo, đâu không là cỏ non!

Nàng khóc là ở chỗ đó. Ông cười lớn: Chính là chỗ ta ngâm ngùi mùa thu, mà nàng khóc với mùa xuân.

Mùa xuân và mùa thu, cùng trong một tình thơ đó. Tình đậm bạc như bông liễu; và cũng tình đó, triền miên như bụi bông liễu. Mịn như tơ trời và lầy lất triền miên theo gió thổi; trên cành liễu và ngoài kia mấy vạn ven trời điệu vợi. Càng đơn bạc, càng nồng nàn.

Tình vương vấn như sợi tơ trời, triền miên và thấm thiết. Triền miên và triền miên, một thứ triền miên kỳ lạ. Triền miên đó là cái bện rịn, cái dây dưa, cái vương vấn, cái quyến luyến, của bụi bông liễu như tơ trời. Lồ lồ trong cơn gió thanh xuân, mà e ấp trong một tình thơ sâu vạn đại.

Cuộc giao tình đồn lại rồi chia phôi:
Tường lý thu thiên tường ngoại đạo
Tường ngoại hành nhân,
Tường lý giai nhân tiếu.

Tiểu tiệm bất văn thanh tiệm tiểu
Đa tình khước bị vô tình nã

牆裏鞦韆牆外道
牆外行人
牆裏佳人笑
笑漸不聞聲漸小
多情卻被無情惱

Bên trong tường là cái xích đu và bên ngoài tường là con đường cái. Bên ngoài tường là lũ khác đi và bên trong tường là người đẹp đang cười. Cười càng lúc càng nhỏ và tiếng cười càng lúc càng ngậm ngùi. Cái đa tình đã thường bị cái vô tình làm ray rứt.

Tình thơ, và cuộc tình trong thơ, thắt chặt rồi buông lơi; gió thổi cuộc tình ra ngoài một vạt phương trời viễn mộng. Hùng ca hay bi ca? Mòn con mắt sâu đưa từ cổ độ:

Bụi thu mờ ai phủ với hai tay
(Bùi Giáng)

Bụi thu mờ và bụi thu bay. Trời thu cao ngất tạnh trong bụi thu mờ. Rừng thu rỗ biếc ố hồng vì bụi thu mờ. Chiều mùa thu đổ xuống trong bụi thu mờ. Mờ và xa,

Em về rủ áo mù sa
Trút quần phong nhụy cho tà huy bay
(Bùi Giáng)

Chẳng bao lâu, Triều Vân bệnh và mất. Nàng mất lúc tuổi mới 34, và ông đã 61 tuổi. Rồi từ đó, sâu cô quạnh tung trời lên Bắc đẩu, dải Ngân hà tan tác bụi thu bay.

Từ đó trở đi, ông không bao giờ còn nghe lại:
Hoa thốn tàn hồng thanh hạnh tiểu

....

Chi thượng liễu miên xuy hựu thiếu
Thiên nhai hà xứ vô phương thảo
Ông viết “Mộ chí minh”:

“Thị thiếp của Đông Pha tiên sinh là Triều Vân, tự Tử Hà, họ Vương thị; người Tiền đường. Thông minh và thích việc nghĩa, thờ tiên sinh 23 năm, một mực trung và kính. Năm Thiệu thánh thứ 3 (1096), tháng 7, ngày nhâm thìn, mất ở Huệ châu, 34 tuổi. Tháng 8, ngày canh thân, táng trên Phong hồ, phía đông nam chùa Thê hiều. Sinh con tên Độn, chưa đầy năm đã yếu. Nàng thường theo tì khuru ni Nghĩa

xung học Phật pháp, cũng hiểu biết sơ qua đại ý. Lúc chết, tụng 4 câu kệ trong kinh Kim cương rồi tuyệt. Bài minh rằng:

Phù đồ thị chiêm
Già lam thị y
Như nữ tức tâm
Duy Phật chi quy

浮屠是瞻
伽藍是依
如汝宿心
唯佛之歸

(Hương về đức Phật. Nương về cửa chùa. Theo tâm nguyện đó. Nay Phật đón đi).

Ông làm bài thơ truy điệu, và tự viết lời dẫn:

“Thiệu thánh nguyên tiêu (1094), tháng 11, làm bài thơ đưa Triều Vân. Năm Thiệu thánh thứ 3, tháng 7, ngày 5, Triều Vân mất vì bệnh ở Huệ Châu, táng phía đông nam trong rừng thông chùa Thê hiền, kề tháp Đại thánh. Tôi làm bài Minh khắc lên mộ nàng; nay làm bài thơ học vận bài trước.

“Ban đầu, Triều Vân không biết chữ. Lớn tuổi, bỗng học viết; viết hơi có ngay ngắn. Lại thường theo bà từ khuru ni Nghĩa Xung ở Tứ thượng học Phật pháp, cũng có biết sơ qua đại nghĩa. Lúc chết, tụng 4 câu kệ trong kinh Kim cương rồi tuyệt”

Bài thơ:

Miên nhi bất tú khởi kỳ thiên
Bất sử Đồng Ô dữ ngã huyền
Chú cảnh hận vô thiên tuế dục
Tặng hành duy hữu Tiểu thừa thiên
Thương tâm nhất niệm thường tiền trái
Đàn chỉ tam sinh đoạn hậu chuyên
Qui ngọa trúc căn vô viễn cận
Dạ đăng cần lễ tháp trung niên

苗而不秀豈其天
不使童烏與我玄
景恨無千歲藥駐
贈行唯有小乘禪
傷心一念償前債
彈指三生斷後緣

歸臥竹根無遠近
夜燈勤禮塔中仙

Nàng như đám mạ đã xanh chưa kịp trở đòng đòng. Đó là mệnh trời ư? Miêu nhi bất tú, hữu hỉ phù? Tú nhi bất thật, hữu hỉ phù: mạ đã xanh chưa kịp trở đòng đòng, có điều đó sao? Lúa đã trở đòng đòng nhưng lại chưa kịp kết hạt, có vậy sao? Đó là những lời Đức Không Tử khóc Nha Hôi, một người đệ tử tài hoa nhưng yếu mệnh.

Hoặc giả, sao nàng không như cậu Đồng Ô, chồi non chưa kịp trở thành mạ xanh? Dục nhi bất miêu giả ngô gia chi Đồng Ô hồ? Cửu linh nhi dữ ngã huyền văn hồ?

Triêu Vân mất tháng 7. Tháng 10 năm đó, hoa mai nở rộ nơi đất Huệ châu, ông làm bài từ theo điệu Tây giang nguyệt, như âm thầm hoài vọng Triêu Vân. Nàng tiên nữ từ cõi Bồng lai đến.

Bài từ đó vịnh hoa mai như sau:

Tây giang nguyệt
Ngọc cốt na sâu chương vụ
Băng cơ tỵ hữu tiên phong
Hải tiên thời khiển thám phương tông
Đảo quái lục y yêu phượng
Tổ diện thường hiềm phấn uyển
Tảo trang bất thốn tàn hồng
Cao tình dĩ trực hiểu vân không
Bất dữ lê hoa đồng mộng

西江月
玉骨那愁瘴霧
冰肌自有仙風
海仙時遣芳叢
倒掛綠依幺鳳

素面常嫌粉
洗妝不褪殘紅
高情已逐曉雲空
不與梨花同夢

Trong đó có cả hoa và chim. Hoa mai và chim lục y yêu phượng; loại chim mỏ đỏ, lông xanh, mỗi khi đậu thì treo ngược trên cành. Chúng là sứ giả của thần tiên trên đảo Bồng lai, ngoài khơi Đông hải.

Huệ châu ở mãi vùng cực nam Trung hoa; đất Lĩnh nam nhiều chướng khí. Hơi núi và sa mù nướm nượp trong những tháng lạnh. Mùa đó, từ tháng 10, hoa mai đã nở. Nhưng cốt cách của mai là tuyết ngọc nên không ngại ngùng sa mù và chướng khí ở đó; và da trắng như bằng giá, hoa mai đã sẵn cái phong vận thần tiên. Là hoa mai, và cũng có thể là Triều Vân, cái đó chưa cần vội vã. Thơ không ngụ ý, người đọc thơ khỏi cần đi tìm ngụ ý của thơ.

Hoa mai đất Lĩnh nam nở nụ màu hồng. Nụ hồng và lá xanh, có giống như những con lục y yêu phượng? Hoa và chim, có thể là một, có thể là hai; tùy cảm hứng của người đọc.

Nhưng bấy giờ là mùa mà các thần tiên ngoài hải đảo sai sứ giả đi tìm các cụm cây non trong đất liền; cho nên trên cành thấy treo ngược những con lục y yêu phượng:

Ngọc cốt na sầu chương vụ
Băng cơ tỵ hữu tiên phong
Hải tiên thời khiển thám phương tòng
Đảo quả lục y yêu phượng

Cả bốn câu của bài từ tuyệt không một lời nào để ngụ một ẩn tình nào đó. Cái đó tạm thời hãy cứ cho nằm đó. Bây giờ nên đọc chơi những bài thơ vịnh hoa mai của ông. ba bài thơ làm dưới đình Tùng phong, mùa mai nở rộ, đề ngày 26 tháng 11 năm giáp tuất, ông 59 tuổi. trước Triều Vân mất ba năm.

Bài thứ nhất.

Xuân phong lĩnh thượng Hoài nam thôn
Tích niên mai hoa tăng đoạn hồn
Khởi tri lưu lạc phục tương kiến
Man phong Đản vũ sầu hoàng hôn
Trường điều bán lạc lệ chi phố
Ngọa thọ độc tú quang lang viên
Khởi duy u quang lưu dạ sắc
Trực khủng lãnh diễm bài đông ôn
Tùng phong đình hạ kinh cực lý
Lưỡng chu ngọc nhụy minh triều thôn
Hải nam tiên vân kiều đọa thế
Nguyệt hạ cỏ y lai khẩu môn
Tửu tỉnh mộng giác khởi nhiều thọ
Diệu ý hữu tại chung vô ngôn

Tiên sinh độc âm vật thán tức
Hạnh hữu lạc nguyệt khuy thanh tôn

春風嶺上懷南村
昔年梅花曾斷魂
豈知流落復相見
蠻風雨愁黃黃昏
長條半落荔枝浦
臥樹獨秀光榔園
豈惟幽光留夜色
直恐冷豔排冬溫
松風亭下荊棘裏
兩株玉蕊明朝暎
海南仙雲嬌墮砌
月下縞衣來扣門
酒醒夢覺起繞樹
妙意有在終無言
先生獨飲勿嘆息
幸有落月窺清樽

Thôn Hoài nam gió ngàn bạt đỉnh
Từng năm xưa hồn rụng mai vàng
Rồi lưu lạc ai ngờ là ước hẹn
Gió Mùng mưa Mọi phủ chiều hoang

Phổ lệ chi cảnh dài nghiêng đổ nửa
Vườn quang lang cây tú lệ nằm không
Còn ngại lắm bởi màu đêm ủ rũ
Và lạnh lòng xưa chút ấm tàn đông

Đình Tùng phong với rừng gai dưới đó
Hai nàng mai ngà ngọc đón hừng đông
Tiên mấy Hải nam yêu kiều xuống độ
Choàng áo the gỗ cửa dưới màn trắng

Rượu tình mơ tàn vòng cây tản bộ
Ý tình tuyệt diệu lời ẩn toàn không
Tiên sinh độ ẩm đừng than thở
Một mảnh trăng rơi đáy rượu nồng

Bài thứ hai

La phù sơn hạ mai hoa thôn
Ngọc tuyết vi cốt băng vi hồn

Phân phân sơ nghi nguyệt quái thọ
Cạnh cạnh độc dữ Sâm hoàng hôn
Tiên sinh sách cư giang hải thượng
Tiểu như bịnh hạc thê hoang viên
Thiên hương quốc diễm khảng tương cố
Tri ngã tửu thực thi thanh ôn
Bồng lai cung trung hoa điệu sử
Lục y đảo quái phù tang thôn
Bảo tông khuy ngã phương túy ngọa
Cố khiển trác mộc tiên xao môn
Ma cô quá quân cấp sái táo
Điều năng ca vũ hoa năng ngôn
Tửu tỉnh nhân tán sơn tịch tịch
Duy hữu lạc nguyệt khuy không tôn

羅浮山下梅花村
玉雪為骨冰為魂
紛紛初疑月掛樹
耿耿獨與參黃昏
先生索居江海上
悄如病鶴栖荒園
千香國豔肯相顧
蓬萊宮中花鳥使
綠衣倒掛扶桑暎
抱叢窺我方醉臥
故遣啄木先敲門
麻姑過君及洒掃
鳥能歌舞花能言
酒醒人散山寂寂
惟有落月窺空樽

Dưới núi La phù mai hoa thôn
Tuyết ngọc là xương băng là hồn
Phoi phới ngõ chừng trăng gác ngọn
Trơ vợ như sao Hâm hoàng hôn
Tiên sinh lênh đênh đòi sông biển
Rầu như hạc ốm đậu vườn hoang
Hương trời sắc nước không buồn ngó
Biết ta rượu mùi thơ ấm trong
Trong cung Bồng lai hoa chim làm sứ

Áo xanh treo ngược cây dâu hừng đông
Ôm cây liếc ta đang say nằm đó
Mổ cây gõ cửa nhẩn đợi sẵn sàng
Tiên bà qua đây hãy lo quét tước
Chim hay ca múa hoa biết nói năng

Rượu tình người tan non vắng vẻ
Hững hờ nhị rụng đáy ly không

Bài ba, không trích ở đây.

Trong các bài thơ đó, hoa mai khi lộ liễu, khi e dè; khi bát ngát, khi điều hiu. Kỳ thực, ở đây là cả một cuộc đời, xa và rộng; một trời thơ mở rộng vô ngần. Nhưng hoa mai đã lên nguồn cảm hứng; vì cốt cách tuyết ngọc, vì phong vận thần tiên. Gương mai không cần tô điểm phấn son; cánh rã mà nụ hồng còn thắm. Tình nơi hoa mai bốc lên cao vút tận trời, đẹp như những đám mây trong nắng sớm:

Tố diện thường hiềm phấn uyển
Tẩy trang bất thốn tàn hồng
Cao tình dĩ trực hiểu vân không
Bất dữ lê hoa đồng mộng

Tình hoa mai trắng lệ và huy hoàng là như thế. Mà chân tình một thuở của Triệu Vân cũng là như thế. Tình không là cõi mộng; không là những cánh hoa lê nướm nượp như mây trời trong mộng. Cuộc tình chưa rã, thì cuộc tình như giấc mộng đắm chiêu. Khi cuộc tình bỏ đi, mộng sẽ bốc thành mây trời trong nắng sớm. Tình và mộng; đến và đi như chưa từng có. Duyên và nợ; có như chưa từng đến và đi. Nợ ân tình trong một thuở, đem cái tấm lòng đầy đọa truân chuyên ra để đền bù. Duyên tình mộng của nghìn năm, trong thoáng chốc, trong một cái búng tay, đã trở thành không không trong vĩnh cửu:

Thương tâm nhất niệm thường tiền trái
Đàn chỉ tam sinh đoạn hậu duyên

Duyên nàng là duyên của Phật. Nàng đến, để làm thiên nữ tán hoa, rải hoa trời lên cõi thơ lồng lộng. Trước Triệu Vân mất một năm, lúc đó ông đã 60 tuổi, làm tặng nàng bài Từ theo điệu “Nê nhân kiều”:

Bạch phát thương nhan
Chính thị Duy Ma cảnh giới
Không phương trượng tán hoa hà ngại
Chu thân trợ điểm
Cánh kế hoàn sinh thái

白髮蒼顏
正是維摩境界
空方丈散花何礙
朱唇箸點
更髻還生彩

Da mồi tóc trắng, chính là cảnh giới của Duy Ma. Cảnh giới đó là cõi đối biện thượng thừa; cõi im lặng vô ngôn bát ngát của cư sĩ Duy Ma Cật. Và cũng là cõi tịch mặc nhưng tráng lệ của thi ca. Căn nhà của Duy Ma Cật là khoảng rộng vuông vức một trượng; và là một phương trượng trống trải, nhưng đã chứa cả ba nghìn tòa sư tử; khách từ ba nghìn thế giới tụ lại để nghe một lời không nói của Duy Ma.

Và thiên nữ tại đó đã rải hoa trời tán thưởng một lời không nói; cũng tán thưởng luôn những lời có nói. Thiên nữ đó là Triệu Vân? và cõi của một lời không nói đó là cõi thơ của ông?

Chu thần trợ điểm

.....

Một nụ son, nụ của hoa mai bé bỏng

Kết trên quán tóc trở thành điểm lệ...

Tình nợ và tình thơ, giao nhau trong cõi tình mộng của những lời, hay của một lời, không nói.

Rồi tình nợ theo xác người trở về với cát bụi; tình thơ theo cõi mộng bốc cao:

Cao tình dĩ trực hiểu vân không.

Nàng gửi thân cát bụi nghìn đời dưới gốc thông; ban đêm, hồn sẽ theo ánh đèn lên diện kiến với tiên trong cõi Phật:

Qui ngọa trúc căn vô viễn cận.

Dạ đăng cần lễ tháp trung tiên

*

**

Nghìn năm sau, mùa xuân, rồi mùa thu, và một cánh én liệng mùa xuân ngang qua con nước mùi thu, và

Chi thượng liễu miên xuy hựu thiếu

Thiên nha hà xứ vô phương thảo

Bông liễu cứ triển miên vương vấn như tơ trời, lại bắt đầu từ một cõi mộng đơn sơ; rồi lân la nay khóm trúc mai chồi lan, nửa chiều tà nửa nắng quái, lần hồi từ phố chợ đến đồng quê, từ ân tình đầm ấm của quê hương đến phương trời đọa đày

viễn mộng, để đến một cõi có hoa trời, có thiên nữ, và “dạ đăng cần lễ tháp trung tiên” để xin nghe một lời trong tịch mặc vô ngôn. Sơn cùng lộ tuyết, thơ của ông ở đây ư? Có thể ở đó, hoặc ở chỗ

“Chết từ sơ ngộ màu hoa trên ngàn”

(Bùi Giáng)

3.

Thập niên sinh tử lưỡng mang mang

Bất tư lương,

Tự nan vong.

Thiên lý cô phần

Vô xứ ngoại thê lương

Túng sử tương phùng ưng bất thức,

Trần mẫn diện

Mãn như sương.

Dạ lai u mộng hốt hoàn hương

Tiểu hiên song

Chánh sơ trang.

Tương cố vô ngôn

Duy hữu lệ thiên hàng.

Liệu đắc niên niên trường đoạn xứ,

Minh nguyệt dạ

Đoản tòng cương.

十年生死兩茫茫

不思量

似難忘

千里孤墳

無處話淒涼

縱使相逢應不識

塵滿面

鬢如霜

夜來幽夢忽還鄉

小軒雙

正梳妝

相顧無言

唯有淚千行

料得年年腸斷處

明月夜

短松岡

Mười năm trôi đi, hai ngã sống và chết chia đôi biên biệt.
Dù không nghĩ tới,
Mà cũng không sao quên được.
Nấm mồ đơn chiếc xa xôi,
Lạnh lẽo nói làm sao cho xiết;
Dù có gặp nhau rồi cũng chẳng nhận ra nhau:
Gương mặt đầy cát bụi,
Tóc mai đã bạc trắng như sương.

Đêm qua trong giấc mộng triền miên, chợt thấy trở về quê cũ.
Đứng tựa cánh cửa sổ.
Lúc đó bà đang gỡ tóc
Nhìn nhau không nói,
Chỉ có nước mắt tuôn trào.
Tuởng chừng năm năm đứt ruột,
Mỗi lúc đêm trăng sáng,
Trên đời thông bóng ngả

Trên đây là bài Từ làm theo điệu “Giang thành tử”. Ông có ghi chú nhỏ: “Năm ất mão (1074), tháng giêng, ngày 20, ban đêm, ghi lại giấc mộng” Năm đó ông 40 tuổi, làm quan ở Mật châu; vợ chánh thất của ông, Vương thị, Thông Nghĩa Quận quân, mất đã đúng 10 năm:

Thập niên sinh tử lưỡng mang mang

Bà đối với ông, tình duyên và tình nợ thì có; mà tình thơ thì không. Nhưng, bà mất 10 năm, mà tình nhớ nhung của ông vẫn còn cay đắng. Rồi tình đó phát hiện thành lời thơ, thì cũng là tình thơ vậy.

Bảy năm sau đó, khi xuôi dòng Trường giang, dạo chơi Xích Bích, vẫn thấy còn phảng phất một mối ngậm ngùi hoài vọng:

Cố quốc thần du
Đa tình ưng tiếu ngã
Tảo sinh hoa phát

故國神遊
多情應笑我
早生花髮

Hồn thả về chơi cố quận
Bạn tình chung có lẽ cười ta
Chưa chi đâu đã bạc

Bạn tình chung, hay khách đa tình nơi cố quận là vong hồn bà Vương thị.

Nước Trường giang ào ạt đổ xuống: “Đại giang đông khứ”, bài Từ đó là cả một phong độ kiêu hùng nơi ông

Đại giang đông khứ
Lãng đào tận
Thiên cổ phong lưu nhân vật

.....

Loạn thạch băng vân
Kinh đào liệt ngạn
Quyển khởi thiên đôi tuyết
Giang sơn như họa
Nhất thời đa thiếu anh hùng

大江東去
浪濤盡
千古風流人物

.....

亂石崩雲
驚濤洌岸
捲起千堆雪
江山如畫
一時多少英雄

Giữa cái kiêu hùng đó còn có vấn vương một sợi tơ trời. Thì đó cũng là một cõi mộng đơn sơ, trong con mắt hùng thị tất cả anh hùng vạn đại.

4.

Những tháng cuối năm canh thân (1080), ông ngồi tù trong ngục Ngự sử. Miệng ông nó đầy đọa thân ông. Ngồi tù trên ba tháng, được thả ra; bị cách chức, cho làm Hoàng châu Đoàn luyện phó sứ; đòi Tống, đó là một chức hờ. Rồi bị an trí, tức là bị đày, ở Hoàng châu. Vừa đến Hoàng châu, ông làm bài thơ tự trách:

自笑平生為口忙
老來事業轉荒唐

Tự tiêu bình sinh vị khẩu mang
Lão lai sự nghiệp chuyển hoang đường

Bình sinh vì cái miệng mà mang họa; càng về già, sự nghiệp càng trở nên hoang đường.

Ông bị đày ở Hoàng châu từ đầu năm ông vừa 45 tuổi cho đến hết năm 49 tuổi. Trong 5 năm trời đó, Hoàng châu không khổ đày đọa như ở Huệ châu và Đàm nhĩ

(tức Hải nam) sau này. Nhưng cái cảnh làm ruộng của ông cũng qua nhiều khổ nhọc. Ông tự bảo, bình sinh đi kiếm ăn bằng cái nghiên mễ; hận là đã không học nghề làm ruộng. Cũng trong thời gian đó, thơ ông lại phiêu bồng bát ngát.

Khi vừa đến Hoàng châu, ông ngụ cư tại chùa Định huệ trong một thời gian ngắn, chưa đầy một năm, thì dời sang Lâm cao đình. Lúc ngụ tại chùa Định huệ, ông có bài thơ vịnh Hải đường, giữa các thứ hoa rừng đại thô tục. Bài thơ đó quả tình là một cảm hứng trác việt (đọc ở phần Những phương trời lữ thứ). Cũng trong thời gian đó, ông làm bài Từ được trích ở dưới đây, mà người ta đã bàn bạc phân vân về ngụ ý của ông. Bài Từ làm theo điệu “Bốc toán tử”. Đầu bài Từ, có ghi chú nhỏ của ông: “Làm khi ngụ cư tại chùa Định huệ ở Hoàng châu”. Bài Từ đó như sau:

Khuyết nguyệt quái sơ đồng,
Lậu đoạn nhân sơ tỉnh
Thùy kiến u nhân độc vãng lai,
Phiêu diễn cô hồng ảnh

Kinh khởi khước hồi đầu
Hữu hận vô nhân tĩnh
Giản tận hàn chi bất khăng thê
Tịch mịch sa châu lãn

缺月掛疏桐
漏斷人初靜
誰見幽人獨往來
飄渺孤鴻影

驚起卻回頭
有恨無人省
簡盡寒枝不肯栖
寂寞沙洲冷

Trăng sơ huyền treo trên ngọn ngô đồng thưa lá.
Trời khuya, người bắt đầu thưa vắng, chỉ nghe tiếng tí tách của đồng hồ canh chừng giờ đêm
Chỉ thấy ẩn sĩ một mình đi lui đi tới
Thấp thoáng như bóng chim hồng lẻ loi

Giật mình quay đầu nhìn lại
Ngậm ngùi giữa lúc mọi người đang say ngủ
Lần lựa hết những cành cây trơ trọi, mà không chịu đậu,
Một mình bơ vơ trên cồn cát.

Dịch dài dòng luộm thuộm như thế, để tìm thử có ngụ ý hay thác ý gì không. Bài Từ hoàn toàn vịnh con chim hồng. Cánh chim hồng lẻ loi, lang bạt. Từ cảnh này đến cảnh cây khác, mà không bao giờ chịu đậu lại. Xưa nay, chim hồng có lúc nào lại chịu đậu trên cành cây? Nó đứng trơ vơ trên cồn cát:

Giản tạn hàn chi bất khăng thê
Tịch mịch sa châu tĩnh

Nhưng câu chuyện xung quanh bài Từ đã kể khác.

Tại Hoàng châu, có người con gái của bà Vương thị. Nàng tên là Siêu Siêu, cũng khá có nhan sắc, 16 tuổi mà không chịu lấy chồng. Đông Pha bị biếm trích ra ở Hoàng châu. Biết tin ông đến, nàng mừng lắm. Ông ngụ tại chùa Định huệ. Đêm đêm nàng lén đến núp ngoài cửa sổ, bồi hồi nghe ông ngâm thơ. Ông thường chong đèn đêm, đi qua đi lại ngâm thơ một mình. Khi ông hay có người rình nghe ngoài cửa sổ, ông đẩy cửa sổ ra, nàng trèo tường bỏ chạy. Ông đuổi theo, bảo: Sẽ gọi Vương lang đến làm sui gia.

Thế thì, lời trong thơ là thác ý cho nàng Siêu Siêu. Nhưng bóng con chim hồng trong đó vẫn là bóng của ông:

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời
Đã mòn con mắt phương trời đăm đăm

Đó thực là cõi phiêu bồng của phương trời viễn mộng. tình thơ nồng đượm, nhưng tình duyên hay tình nợ thì không không.

LÔ SƠN CHÂN DIỆN MỤC

Ngược xuôi nhớ nửa cung đàn
Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về
(T.S.)

1.

Lô sơn là một danh thắng kỳ tuyệt. Núi non hùng vĩ, cảnh trí u trầm, mây trắng và sương mù quanh năm bao phủ, từ bao nhiêu đời, nơi đó ẩn tích những cao nhân đắc đạo. Tìm đến đó, để nhìn thẳng vào chân diện mục của Lô sơn, là đã quyết tâm đoạn tuyệt với những vương vấn, buông lơi và thắt chặt, từ mấy vạn đời trước. Thấy chỗ đó, là thấy Tâm Thiên. Nhưng Tâm Thiên thì tịch mặc không nói. Một khi đưa lưỡi dao lên cắt đứt móng tóc, đoạn tuyệt hồng trần, thì cõi thơ sẽ mất một ngọn sao trời rọi sáng, cho khách tục tử đang còn cặm cụi làm thơ. Nhà thơ phát tâm đại nguyện thượng thừa vác lên vai vô số khổ lụy đoạn trường. Đại nguyện đó sẽ làm sáng lên cái chân lý Dị và Đồng. Dị biệt và Đồng nhất là những con đường chia rẽ phân đôi; nhưng đạt tới công án hiểm hóc của tử sinh, thì đã xóa tan chân lý Dị Đồng. Đó là chỗ ta và người, tình và cảnh, đều trở thành tịch

mặc Không Không. Từ đó, nhà Thơ hẹn với nhà Thiền, mở ra cánh cửa bắc, cất đầu nhìn lên 36 ngọn núi xanh kia.

Những lời dài dòng lời thôi trên đây quảng diễn từ những câu thơ này của ông:

Vị văn Lô nhạc đa chân ẩn
Cố tỵ cao nhân đoạn túc phan
Dĩ hỉ thiên tâm vô biệt ngữ
Thương hiềm thế phát hữu thi ban
Dị đồng mặc vấn nghi Tam ngữ
Vật ngã chung đương phó Bát hoàn
Đáo hậu dữ quân khai bắc hộ.
Cử đầu tam thập lục thanh sơn

為聞盧嶽多真隱
故就高人斷宿攀
已喜禪無別語心
尚嫌沕髮有詩班
異同莫問疑三語
物我終當赴八還
到後與君開北戶
櫟頭三十六青山

(Nghe nói trên Lô sơn có nhiều bậc chân ẩn. Vì vậy, tôi tìm đến cao nhân để xin cắt đứt những vấn nhiều đời nhiều kiếp. Tôi đã vui với cái lẽ rằng Tâm Thiền thì không có ngôn ngữ gì khác biệt với ngôn ngữ thường tình. Nhưng còn ngại rằng khi đã cạo tóc mà tình thơ vẫn còn. Thôi thì, thiền đạo và thi ca là đồng hay là khác, cũng chớ nên nghi ngờ mà tra hỏi. Hãy quên đi những sự phân biệt Ta và Người. Cuối cùng, tôi với anh mở cánh cửa bắc, ngẩng đầu nhìn lên ba mươi sáu ngọn núi xanh.)

Nói như vậy, bằng lời lẽ như vậy; người ta gọi là bộc bạch, là thổ lộ tâm tình. Ở đây cứ tạm nói chắc là tình thơ và tình đạo, một cuộc giao tình để xé chiếc chiếu làm hai. Còn ẩn tình nào sau đó, nó đã ẩn thì vĩnh viễn là nó ẩn, không thể cưỡng bức để kéo nó ra.

Chỉ thẳng không quanh co, gãy gọn và khúc chiết, bài thơ có chương pháp như một bản tường trình. Những người đang ruổi ngựa chạy như bay, đang đi giữa phố chợ ồn ào, vừa nghe một lần là hiểu; và có thể diễn lại tràng giang đại hải, như một bài thuyết trình của một nhà thực học đúc kết mười năm trời nghiên cứu sách vở. Nhà thơ bất chợt đến nghe, ôm bụng cười. Ông sẽ về Hàn lâm viện thảo chiếu đề nghị và quyết định bổ nhiệm, rồi sau đó, trở lại Lô sơn, đẩy cánh cửa bắc, nhìn ra 36 ngọn thanh sơn. Nhưng khi trở lại Hàn lâm viện, ông sẽ chứng kiến một cảnh

tượng hải hùng: tên người được bổ nhiệm là Ông. Thì người bộc bạch là nhà thơ, người đi quảng diễn là nhà thơ; nhà thơ và nhà thơ, bóng dáng nhà thơ trùng trùng điệp điệp, ẩn hiện giữa mây trắng và sương mù như đỉnh núi Lô sơn. Vậy, đâu là chân diện mục của Lô sơn?

Cái đó có thể là đề tài cho Trang Tử và Huệ Thi bàn cãi về lẽ Đồng và Dị: “anh và con cá lội dưới ao là Đồng hay Dị?” Họ bàn cãi nhau, từ thế hệ này đến thế hệ khác. Ông lại đứng ra làm trọng tài; làm một đại quan của triều đình chứ không là một nhà thơ, vì lời lẽ khúc chiết:

Mạc tương đồng dị giáo tri thù

.....

Nhược tín vạn thù qui nhất bản

Ngã kim tri nhữ nhữ tri ngư

Ông bảo họ đừng cãi nhau, chớ so đo về lẽ Dị Đồng nữa. Vạn thù qui nhất bản, muôn vạn sai biệt cùng quy về một gốc, cho nên, ông này biết ông kia, ông kia biết cá. Nếu Huệ Thi mà có thể hiểu được Trang Tử, thì Trang Tử cũng có thể hiểu được rằng đàn cá đang lội nhón nhơ kia là đang vui đấy.

Nhưng kỳ cùng, ai dám bảo đó không là thơ? Đó cũng là một công án hiểm hóc (của thiền sư Vô Trước trên Ngũ đài sơn): Tiên tam tam hậu diệc tam tam, trước ba ba sau cũng ba ba, là gì?

Nói trắng ra, người ta muốn hỏi, chỗ sơn cùng lộ tuyệt nơi thơ của Ông là gì? Hay nói gọn lại, thơ Đông Pha nói gì trong đó? Ông nói những tình cố quận, sâu tha hương, những mùa thu tóc trắng, những thanh xuân và mộng tưởng; Ông nói những thứ vân vân đó ư? Thì quả nhiên, thơ Ông chỉ nói vân vân như vậy. Nhưng khi nghe ra những khổ lụy kỳ cùng trong đó, người ta tự hỏi, đồng vọng của một phương trời đọa đày viễn mộng nào đây? Đọa đày tức viễn mộng; viễn mộng tức đọa đày. Cái đó nó phơi trần lộ liễu, nên một người thô lỗ vội vàng cũng có thể nhận ra. Sau lớp mây trắng và sương mù, là Lô sơn, ai lại không biết. Đã biết là như vậy; còn chân diện mục của Lô sơn thì sao?

2.

Trong những ngày tháng bị đày ải ở Hoàng châu; ngày thiếu cơm, chiều thiếu gạo; (ông làm ruộng), trời nắng ruộng khô, lúa mọc không nổi; (ông kêu trời), trời mưa thì xối xả, nhà dột như mảng bè trôi. Ông làm một bài thơ dài gởi cho bạn. Mấy câu đầu như sau:

Đông Pha tiên sinh vô nhất tiền

Thập niên gia hỏa thiêu phạm duyên

Hoàng kim khả thành hà khả tắc

Chỉ hữu sương bính vô do huyền
Long Khâu cư sĩ diệc khả liên
Đàm Không thuyết Hữu dạ bất miên
Hốt văn sư tử Hà đông hống
Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên

.....

東坡先生無一錢
十年家火燒凡緣
黃金可成河可塞
龍丘居士亦可憐
談空說有夜不眠
忽聞獅子河東吼
拄杖落手心忙然

Đông Pha tiên sinh không một tiền
Mười năm đèn lửa xin hai bên.
Hoàng kim làm được, sông lấp được;
Chỉ có tóc sương không chịu đen.
Long Khâu cư sĩ cũng vô duyên.
Bàn Không bàn Hữu thức suốt đêm.
Bỗng nghe sư tử Hà đông rống;
Hốt hoảng tâm thần rơi gậy thiền.

Bài thơ làm gởi tặng Trần Quý Thường. Có lẽ trong số những người bạn, Thường là người được ông mến chuộng và kính phục nhất, về cốt cách cũng như về đời sống.

Trần Tháo tự Quý Thường, hiệu Long Khâu cư sĩ; cũng được gọi là Phương Sơn Tử. Đọc bản tiểu sử của Quý Thường do ông viết cũng có thể thấy sự mến phục của ông như thế nào. Bản tiểu sử được viết:

“Phương Sơn Tử, người ẩn cư trong khoảng Quang Hoàng. Thiếu thời, hâm mộ Chu Gia và Quách Giải. Bọn hào hiệp trong làng xóm đều qui phụ theo. Hơi lớn, biết chiều lụy người, và đọc sách; muốn lấy việc đó mà chen chân với đời. Nhưng rồi không gặp thời. Đến tuổi xế, về ẩn lánh trong khoảng Quang Hoàng, nơi chỗ gọi là Kỳ đình. Ở nhà tranh, ăn rau trái, không giao thiệp với người đời. Bỏ xe ngựa, vứt áo mào, đi bộ. (.....)

“Tôi bị biếm trích ở Hoàng châu, qua Kỳ đình, thì thấy. Mới kêu: ‘Hỡi ôi! Đó là cố nhân của tôi, Trần Tháo Quý Thường đó. Sao lại ở đây?’ Phương Sơn Tử cũng kinh ngạc, hỏi tôi tại sao đến đây. Tôi nói duyên cớ. Ông cúi đầu không đáp; rồi ngựa lên trời mà cười. Gọi tôi ngủ lại nhà. Tường vách xơ xác, nhưng vợ con trông chừng có vẻ thỏa ý. Tôi giật mình lấy làm kinh ngạc.

“Tự nghĩ, Phương Sơn Tử khi thiếu thời, ưa rượu và thích kiếm, xài tiền như đất cát (....)

“Tôi nghe nói trong khoảng Quang Hoàng có nhiều dị nhân, thường thường giá bộ ngây dại, do bản, khó gặp được. Phương Sơn Tử cũng trong hạng đó ư?”

Trong cái được mển phục đã ẩn hiện một phần cốt cách và cuộc đời của mình. Phần đó nằm ngoài ven trời viễn mộng.

Đông Pha tiên sinh và Long Khâu cư sĩ, mỗi người ở mỗi ven trời, cùng nhìn nhau qua một cõi mộng, và cũng mang những khổ lụy hình hài như nhau. Khổ lụy của hình hài, mà lại khôi hài. Đông Pha tiên sinh có tài làm ra vàng, có thể lấp được sông, nhưng không thể làm cho tóc của mình đừng bạc trắng. Long Khâu cư sĩ say sưa đạo lý thượng thừa, nhưng không giữ nổi cây gậy của đạo đó trong tay, khi nghe tiếng sư tử Hà Đông rống:

Hốt văn sư tử Hà Đông hống

Trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên

Tâm mang nhiên, tâm sững sờ ngơ ngác, là lúc sắp tỏ ngộ, sắp hoát nhiên đại ngộ. Thế thì, là chuyện đùa hay chuyện thật, mà chân tướng của nó, của cõi mộng đó, ra sao? Chân diện mục của Lô Sơn không dễ gì khám phá.

Bất thức Lô sơn chân diện mục

Chỉ duyên thân tại thử sơn trung

(Không biết được chân diện mục của Lô sơn, tại vì mình đang ở trong đó, hay tại vì mình không ở trong đó?)

3.

Từ thượng cổ, Lô sơn đã quyến rũ những người tiêu dao thế ngoại. Tương truyền, trong buổi giao thời giữa nhà Thương và nhà Chu, trên một nghìn năm trước Tây lịch, có người tên Khuông Tục, trốn đời, hay lánh đời, đến ẩn dưới núi, lập nhà tranh (lô) ở đó, và sau đắc đạo tiên. Vì vậy, núi được gọi là Lô sơn, hoặc Khuông sơn.

Đời Tam quốc, có đạo gia Đông Phụng chân nhân đến tu tiên và luyện đan tại đây. Bấy giờ Thái thú Giao chỉ là Sĩ Nhiếp mất đã ba ngày; tiên ông cho một hoàn thuốc, cạy răng đổ vào miệng, đổ nước vào, rồi nâng đầu lên cho thuốc chạy xuống cổ. Trong khoảng bữa cơm, nhan sắc tươi lại như thường. Một nửa ngày, đứng dậy, đi lại được. Bốn ngày sau, nói năng như bình thường. Đến đời Đường, có Từ Tri Chương làm bài ký cho miếu thờ của Chân nhân. Đến thời Đông Pha, người ta vẫn còn đọc được bài ký đó.

Thời Đông Tấn, tăng Tuệ Viễn cất am tu ở đó, nơi sườn núi bắc; phía dưới có khe Hồ Khê, nơi Tuệ Viễn dừng chân mỗi khi tiễn khách; và trọn đời thề không bước qua khe đó. Sư cùng mười tám người bạn cùng ẩn cư tại chùa Đông lâm, đời sau kính trọng, gọi họ là “Đông lâm thập bát hiền”.

Trải qua nhiều đời, Lô sơn càng quyến rũ, từ đạo gia, tăng lão, công khanh, văn sĩ, thi sĩ, vân vân. Từ Tấn cho đến Đường, Tống, đã có rất nhiều bài thơ lưu đề rất nổi tiếng, từ Tạ Linh Vận, Bảo Chiêu cho đến Mạnh Hạo Nhiên, Lý Bạch, Hàn Dũ, Bạch Cư Dị, vân vân....

Ở đây, xin trích một ít bài để thưởng thức cảnh trí Lô sơn.

Thơ của Mạnh Hạo Nhiên, buổi chiều thuyền đỗ bến Tâm dương, vọng về Lô sơn:

Quải tịch kỷ thiên lý
Danh sơn đô vị phùng
Bạc châu Tâm dương quách
Thủy kiến Hương lô phong
Thường đọc Viễn Công truyện
Vĩnh hoài trần ngoại tung
Đông lâm tinh xá cận
Nhật mộ đàn văn chung

挂席幾千里
名山都未逢
泊舟尋暘郭
始見香盧峯
嘗讀遠公傳
永懷塵外蹤
東林精舍近
日暮但聞鐘

Lang thang mấy vạn dặm;
Lô sơn vẫn tí mù.
Bến Tâm dương thuyền đỗ,
Chợt thấy đỉnh Hương lô.
Từng đọc truyện Tuệ Viễn;
Hoài mộ gót phiêu du.
Chùa Đông lâm gần đó;
Sớm tối nghe chuông đưa.

Từ bến Tâm dương, nhìn lên thấy một ngọn trong dãy Lô sơn, mây vần vũ như khói bốc từ lò hương, ngọn núi đó gọi là Hương lô phong.

Lý Bạch có đến sáu bài thơ về Lô sơn. Bài được truyền tụng rất nhiều là “Lô sơn dao”, bài ca từ Lô sơn: “Ta vốn là người cuồng nước Sở, cuồng ca cười Không Khâu. Tay cầm gậy lục ngọc, sớm từ Hoàng hạc lâu... đi tìm khắp các núi non, vân vân...” Bài thơ đó dài quá, không tiện trích ra ở đây.

Dãy Lô sơn núi non trùng trùng, mây bay điệp điệp. Sông hồ in bóng Lô sơn như từng chấm nốt ruồi xanh xanh trên mặt nước trong xanh kiêu diễm. Những thác nước từ chóp đỉnh cao tuyết mù đổ xuống, như giải Ngân hà treo chênh vênh bên cầu Tam thạch. Từ giả sư tăng chùa Đông lâm, Lý Bạch lưu đề bài thơ:

Đông lâm tống khách xứ
Nguyệt xuất bạch viên đề
Tiếu biệt Lô sơn Viễn
Hà phiền quá Hổ Khê

東林送客處
月出白猿啼
笑別 廬山遠
何煩過虎溪

Đường Đông lâm tiễn khách
Vượn trắng gọi trăng ngàn
Chào Lô sơn ở lại
Khe Cọp cách hồng trần

Lô sơn ba mặt là nước, một mặt đất liền. Trước mặt, phía nam, là sông Trường giang đổ vào khúc Cửu giang. Phía tây là bến Tầm dương, phía đông là bến Bành lái. Núi có bảy ngọn lớn chập chùng, chân núi chiếm một khoảng rộng chừng năm trăm dặm. Cảnh trí hùng vĩ được ông ghi lại trong hai bài thơ, vịnh hai nơi: đình Thấu ngọc chùa Khai tiên và cầu Tam giáp chùa Thê hiền. Đại khái như sau:

Đình Thấu ngọc, nói theo nghĩa đen của nó là đình “đánh răng”. Thác nước từ đỉnh cao chót vót đổ xuống, mà Lý Bạch nói là trông giống như giải Ngân hà đổ xuống; thác đổ đến phía đông chùa Khai tiên, chảy thành dòng suối; hai bên đá nhấp nhô như những hàng răng ngọc, có lẽ vì thế mà gọi là Thấu ngọc đình:

Cao nham hạ xích nhật
Thâm cốc lai bi phong
Phách khai thanh ngọc giáp
Phi xuất lưỡng thanh long
Loạn mặt tán như sương
Tuyết đàm dao thanh không
Dư lưu hoạt vô thanh

Khoái tả song thạch hồng
vân vân...

高岳下赤日
深谷來悲風
擘開青玉峽
飛出兩白龍
亂沫散如霜
餘流滑無聲
快瀉雙石洪

Sườn cao tuôn nắng đỏ
Hang sâu động gió rầu
Chẻ đôi mồm thanh ngọc
Hai rồng bạc đổ ào
Bọt nước bay sương trắng
Đầm tuyết rung trời cao
Dòng suối tuôn lạng lẽ
Chảy xiết qua hang sâu

....

Rời đến cầu Tam giáp, phía đông chùa Thê hiền. Những tảng đá qua hàng vạn năm thi đua kêu gào với những dòng nước vỗ ầm như sấm sét. Cầu bắc ngang qua một khe nước sâu hun hút không thấy đáy. Sóng cuốn những con cá trôi nổi bập bênh; tiếng sóng kinh hoàng cho đến vượn khi leo lên cây cũng rụng rời rớt xuống đất. Hoi lạnh thấm vào sương tủy của núi. Cỏ và cây cứng, và gầy. Giữa lớp mây mù kéo qua các hốc trống, khua lên những âm thanh như tiếng nhạc tấu lên từ những tiếng kim tiếng thạch. Chiếc cầu uốn cong treo lơ lửng trên suối như mảnh trăng vòng cung...

Núi non bên trong râm rộ với những tiếng reo hò, gào thét như thác nước, của gió ào ạt và mây vần vũ. Nhưng ở ngoài xa, chỉ thấy chập chùng một dãy núi, ẩn hiện mờ hồ giữa đám mây trắng và sương mù. Thế thì, đâu là chân diện mục của Lô sơn?

4.

Trong thời kỳ bị biếm trích ở Hoàng châu, ông mới có dịp lên dạo Lô sơn. Ông nói, khi mới đến Lô sơn, thấy cảnh núi non thanh kỳ tú lệ, quả là điều mơ ước được thấy từ trước. Tăng và tục trong núi thấy ông, ai cũng nói: “Tô Tử Chiêm đến rồi đó”.

Ông tự cho là mình có duyên rất đậm đà với Lô sơn. Trước ngày ông đến, ngài viện chủ Viên thông thiền viện đã được báo mộng; cho đến chiều hôm sau thì ông

lên. Sư nói: “Hôm qua nằm mộng thấy bửu cái bay xuống, chỗ đó liền có lửa cháy sáng lên. Há không là điềm báo tốt đẹp cho ngày hôm nay sao?” Ông cảm động, làm tặng ngài viện chủ một bài thơ thất luật, có hai câu 5 và 6 như sau:

Tự lý bửu thơ do vị xuất

Mộng trung phi cái dĩ tiên truyền 袖裡著寶由未出

夢中飛蓋已先傳

Bửu thơ trong tay áo chưa lôi ra, mà bửu cái từ trời đã bay xuống báo mộng trước.

Ông ghé lại đề thơ nơi sơn phòng của Lý Thường, tại Bạch thạch tăng xá. Lý Thường, tự Công Trạch, vốn là bạn của ông. Thường trước khi ra làm quan, đọc sách tại đây. sách vở chất chứa hàng vạn quyển. Sau khi Thường ra làm quan, chỗ đó được dọn thành thư viện, lấy tên là “Lý thị sơn phòng”. Ông có viết bài ký cho sơn phòng này. Ông lưu đề tại đây một bài thơ tứ tuyệt:

Ngẫu tầm lưu thủy thượng thùy ngôi

Ngũ lão thương nhan nhất tiểu khai

Nhược kiến Trích tiên phiến ký ngữ

Khuông sơn đầu bạch tảo qui lai

偶尋流水上崔嵬

五老蒼顏一笑開

若見謫仙煩記語

匡山頭白早歸來

Ông nói, ngẫu hứng lần theo dòng suối mà lên đến chỗ cao chót vót đó. Ngọn Ngũ lão, như năm ông lão da mồi, cùng nở nụ cười chào đón. Nếu có gặp Trích tiên Lý Bạch, nhớ nhắn hộ là bao giờ đầu tóc bạc trắng hãy trở về Khuông sơn, tức Lô sơn. Ông nhắc đến Lý Bạch, có lẽ gợi hứng từ bài thơ “Trông về ngọn Ngũ lão trên Lô sơn” của Lý Bạch với lời hẹn trong hai câu thơ:

Cửu giang tú sắc khả lãm kết

Ngô tương thử địa tảo vân tùng

九江秀色可攬結

吾將此地鎖簷松

Lô sơn với dòng Cửu giang thanh kỳ tú lệ, sẽ chọn nơi này để khóa cửa tùng cao vút tận mây.

Đến chùa Đông lâm, ông đề một bài tứ tuyệt lên vách, và kể từ đó, Lô sơn trở thành một ẩn ngữ kỳ lạ cho thi ca:

Hoành khan thành lãnh trác thành phong
Viễn cận cao đê các bất đồng
Bất thức Lô sơn chân diện mục
Chỉ duyên thân tại thử sơn trung

橫看成嶺側成峰
遠近膏低各不同
不識廬山真面目
只緣身在此山中

Lô sơn, được nhìn ngang, nó như một dải núi dài; nhìn nghiêng, lại thấy nó là một ngọn núi cao. Nhìn thấy gần, hay xa, thấy núi cao hay núi thấp. Lô sơn ẩn hiện thiên hình vạn trạng. Vậy thì, chân diện mục của Lô sơn làm sao mà biết cho nổi? Cứ vào trong núi thì biết.

Một bài thơ khác, được truyền tụng thịnh hành trong giới Thiên tông, nói là của ông. Nhưng không rõ ông làm lúc nào. Trong các tập thi văn của ông, không thấy có. Bài thơ nói khá tinh tế về đạo Thiên, cũng khó biết rõ chân diện mục như Lô sơn.

Lô sơn yên tỏa Triết giang triều
Vị đảo sinh bình hận bất tiêu
Đảo đảo hoàn lai vô biệt sự
Lô sơn yên tỏa Triết giang triều

廬山湮鎖浙江潮
未到生平恨不遒
到得還來無別事
廬山湮鎖浙江潮

Bài dịch thơ bằng tiếng Việt hay nhất (không nhớ dịch giả):

Mù tỏa Lô sơn sóng Triết giang.
Khi chưa đến đó hận muôn vàn.
Đến rồi về lại không gì lạ.
Mù tỏa Lô sơn sóng Triết giang.

Sách Tục Truyền đăng lục chép:

“Dòng thiền Huệ Năng, đời thứ 14, pháp tự của Đông Lâm Chiếu Giác Thường Tổng thiền sư: Nội hàn Tô Thức cư sĩ.

“Nội hàn, Đông Pha cư sĩ, Tô Thức, tự Tử Chiêm. Nhân ngủ đêm tại chùa Đông lâm (trên Lô sơn), cùng với Chiếu Giác luận về đề tài “vô tình”, rồi tỉnh ngộ. Sáng ra, làm bài kệ trình sư:

Khe thanh tiện thị quảng trường thiết
Sơn sắc khởi phi thanh tịnh thân
Dạ lai bát vạn tứ thiên kê
Tha nhật như hà cử tợ nhân

溪聲便是廣長舌
山色豈非清淨身
夜來八萬四千偈
他日如何舉似人

Suối reo vẫn Pháp âm bất tuyệt
Màu non kia Chân thể Như lai
Đêm đó tám vạn bốn nghìn kê
Ngày sau nói lại làm sao đây?

“Ít lâu sau, đến Kinh nam. Nghe đồn thiền sư Ngọc Tuyền Thừa Hạo, biện luận sắc bén đùng không nổi. Ông mới thay đổi y phục, trá hình tìm đến xin ra mắt. Hạo hỏi:

” – Tánh danh của tôn quan?

“Ông đáp:

” – Tôi tên Cấn; tức là Cấn hết thầy các cái Cấn trưởng lão trong thiên hạ.

“Hạo hét lên một tiếng, rồi hỏi:

” – Nặng bao nhiêu?

“Ông không đáp được. Rồi từ đó khâm phục.

Về sau, qua Kim sơn; ở đó có bức chân dung của ông. Ông đề giỡn vào đó:

Tâm tợ dĩ hôi chi mộc
Thân như bất hệ chi châu
Vấn nhữ bình sinh hà nghiệp
Hoàng châu Quỳnh châu Huệ châu

心似已灰之木
身如不繫之舟
問汝平生何業
黃州惠州瓊州

Tâm như thanh củi tro tàn
Thân như thuyền lỏng theo ngàn nước trôi

Hỏi ông công nghiệp một đời
Hoàng châu, Quỳnh, Huệ, những ngày những năm.

..."

Hoàng châu, Quỳnh châu, Huệ châu, vân vân châu; những đoạn đường đầy ải; những ngày tháng đoạn trường. Cuộc đời ông như một con thuyền buông lỏng, thả trôi cho nước cuốn. Nhưng cuộc thơ của ông thì sao: khổ lụy? Phiêu bồng? Đọa đầy? Viễn mộng? Đây là chân tướng, chân thể, chân tâm? Chân diện mục của Lô sơn, không phải là dễ thấy.

Ông bị biếm trích ở Hoàng châu, rồi sau qua Thường châu; 51 tuổi, được ân xá, chiếu hồi về triều. Cuộc đời ông bây giờ sẽ bắt đầu một đoạn đường danh vọng gần mức tột cùng. Sau năm năm trường đầy ải, trên đường trở về triều, ngang qua Tiền đường, ông gặp Dương Kiệt. Dương Kiệt, tự Thứ Công, hiệu Vô Vi cư sĩ, bấy giờ đang làm quan ở bộ Lễ, Kiệt vâng mạng triều đình hộ tống vương tử Triều tiên, đạo hiệu Nghĩa Thiên tăng thống, đi du lãm các danh thắng vùng đất Giang nam. Ông làm bài tiến Dương Kiệt và tự viết lời dẫn cho bài thơ:

"Vô Vi cư sĩ đã có lần phụng sứ lên Thái sơn tuyết đỉnh, được thấy mặt trời lúc gà bắt gáy nửa đêm. Lại đã có lần hữu sự ngang qua Hoa sơn, ngày trùng cửu (ngày lễ hoa cúc, mồng 9-9), uống rượu trên ngọn Liên hoa phong. Nay ông lại phụng chiếu cùng Tăng thống Cao ly sang chơi Tiền đường. Tất cả đều là do vương sự mà lại được cái vui thế ngoại. Quả là kỳ diệu, chưa từng có."

Lời dẫn hé cho thấy một góc trời trong cõi thi ca của ông; một góc cạnh nào đó của Lô sơn chân diện mục. Cuộc chơi trong cõi mộng của thi ca còn có phong độ phiêu bồng của những cuộc giao tình phương ngoại; cuộc giao tình với ngoài kia những phương trời diệu vợi. Lô sơn hùng vĩ, phiêu bồng, nhưng u ẩn. Lòng núi dấu kín những tâm sự nghìn năm không nói; lòng núi ủ kín những cuộc đời trầm mặc; những thân thể khô gầy như hạc như trúc, những tâm hồn ngụi lạnh như tro tàn mùa đông. Núi âm thầm, cho gió ngàn gào thét, cho mây trời vẩn vù, và những dòng thác từ trên tuyết đỉnh cao mù đổ ào xuống. Lô sơn đồng vọng một cõi thi ca bát ngát. Cõi thi ca trùng trùng điệp điệp những ẩn ngữ kỳ diệu. Khách phàm trần buơn bả, thuyền đỗ bến Bành lãi hay Tâm Dương, chỉ thấy đó là một cõi đẹp của khói mờ sương phủ; chỉ thấy đó là một bầu trời trong chiều tà rồi nắng quái, trong nắng quái rồi chiều tà. Làm sao thấy và nghe những tình tự u trầm trong đó? Hoặc u trầm, hoặc cuồng nộ, Lô sơn có thiên hình vạn trạng. Những chiếc nón hoàng quan của đạo sĩ, những chiếc áo phá nạp của thiên tăng; đầu này vắng tiếng Huỳnh đình, đâu kia dội tiếng chuông triều mộ. Những hình bóng và những âm hưởng đó, từ thế kỷ này đến thế kỷ khác, bên dòng lịch sử trường mộng của nhân sinh đổ ầm xuống; có những cuộc thi gan tuế nguyệt diễn ra trong lạnh lùng, cô

tịch. Ngày và đêm, đầy đọa hình hài và tâm trí, đứng trơ vơ, kinh đảm hãi hùng, trên chiếc cầu độc mộc, bắc ngang qua ghềnh sinh tử. Phương ngoại là cõi của ngày tháng phiêu bồng, có trăng thanh gió mát, có nắng quái tà dương, có xuân lan thu cúc, có đủ tất cả mọi thứ thanh nhàn, tiêu sái, phóng dật... mà người đời mong ước. Nhưng đó chỉ là Lô sơn từ bến Tâm dương nhìn lại, hay từ bến Bành lái trông sang. Xa hay gần, cao hay thấp, Lô sơn đẹp trong thiên hình vạn trạng. Giữa lòng Lô sơn, ngày tháng u trầm trôi qua trong một phương trời đọa đầy viễn mộng. Phải chăng đây đã là nơi sơn cùng thủy tận của một cõi thi ca bát ngát?

Từ khi bước ngang qua:

Một vùng cỏ mọc xanh rì

Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu

(Kiều)

Và từ đó đã bước ngay vào một trường thiên lịch sử đọa đầy, khổ lụy:

Mối tình đòi đoạ vò tơ

Giấc hương quan luống lẫn mơ canh dài

Song sa vò võ phương trời

Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng

(Kiều)

Tình cố quận, tình tha hương, trong những ngày lưu lạc, và chân trời phương ngoại cho những ngày tháng tiêu dao, hồn thơ bay cao vút đến mấy vạn trời mây, vẫn còn đồng vọng Lô sơn; một chiếc cầu độc mộc cheo leo, bắc ngang qua bên này và bên kia, hai bên bờ của một cõi sống và chết, mà bên dưới là vực thẳm tuyệt mù, dội lên những ẩn ngữ kỳ lạ của dòng lịch sử kinh hoàng, trôi ào ạt trong cái lặng lẽ vô thanh vô tức. Ẩn ngữ cùng tuyệt của thi ca đồng vọng từ đó, hay từ đâu? Lô sơn đẹp trong thiên hình vạn trạng, và chân diện mục của Lô sơn ra sao?

Ông viết về Sâm Liêu Tử, một người bạn trong mối giao tình thi ca, và trong cuộc giao tình phương ngoại:

“Đông Pha cư sĩ nói: Thừa! Sâm Liêu Tử, có cái thân lạnh mà đạo giàu. Văn thì rành rồi mà nói năng chậm chạp. Bên ngoài mềm nhũn mà bên trong cứng cõi. Đối với người thì không ganh đua mà đối với cái quấy của bạn bè thì hay châm chọc. Hình khô tâm tro lạnh mà thích nói lời cảm khái với thời, thường ngạo với vật, và không thể vong tình. Đó là chỗ mà tôi gọi là Sâm Liêu Tử có năm điều không thể hiểu.”

Xưa kia, Lý Bạch cũng có một người bạn tên Sâm Liêu Tử. Đông Pha cũng có một người bạn như vậy. Sâm Liêu Tử của Đông Pha là biệt hiệu của tăng Đạo Tiềm,

một sư tăng tu ở Tiên đường. Đạo Tiềm rất thích thơ. Trước khi Đông pha đảo nhiệm Tiên đường hai người đã biết nhau, qua giấc mộng. Nên khi tới Tiên đường, Đông Pha liền đi tìm gặp ngay Đạo Tiềm, rồi viết Ứng mộng ký (?). Hai người qua lại và làm thơ với nhau. Thơ của họ được khắc nhiều nơi các vách đá trong vùng Giang Triết.

Năm Nguyên hựu thứ 6 (1091), từ Tiên đường, ông được lệnh gọi trở về triều, ông để lại bài từ, theo điệu “Bát thanh cam châu”, tặng Sâm Liêu Tử:

Hữu tình phong vạn lý quyền triều lai,
Vô tình tống triều qui.
Vấn Tiên đường giang thượng,
Tây hưng phố khẩu
Kỷ độ tà huy.
Bất dụng tư lương kim cổ,
Phủ ngưỡng tích nhân phi,
Thùy tợ Đông Pha lão,
Bạch thủ vong ky.
Ký thủ Tây hồ tây bạn,
Chánh xuân sơn hảo xứ
Không thúy yên phi
Toán thi nhân tương đắc,
Như ngã dữ quân hi.
Uớc tha niên đông hoàn hải đạo,
Nguyện Tạ công nhĩ ý mạc tương vi.
Tây châu lộ,
Bất ung hồi thủ,
Vị ngã triêm y.

有情風萬里卷潮來，
無情送潮歸。
問錢塘江上，
西興浦口，
幾度斜暉？
不用思量今古，
俯仰昔人非。
誰似東坡老：
白首忘機。

記取西湖西畔，
正春山好處，
空翠煙霏。

算詩人相得，
如我與君稀。
約它年東還海道，
願謝公雅志莫相違。
西州路，
不應回首，
為我沾衣

Hữu tình thì ngọn gió từ một vọn dậm cuộn sóng tới. Vô tình thì đưa con sóng trở về. Thử hỏi, trên sông Tiền đường, và phố khẩu Tây hưng, qua mấy độ tà huy? Không kể gì kim hay cở; cúi và ngược, thấy người xưa đã khác. Xem chừng lão Đông Pha, đầu bạc dửng dưng đời.

Nhớ lấy cảnh bờ tây của Tây hồ, sắc xuân lồng lộng, trời xanh thăm thẳm, khói mưa mù. Người thơ tương đắc, như tôi với Ngài, phỏng được bao nhiêu? Hẹn sang năm, vượt bỏ dậm ngàn trở lại đây, giữ mãi tấm lòng hoài vọng không bao giờ thôi. Đường Tây châu, đừng có quay đầu, vì tôi mà đắm áo.

Đó là cuộc giao tình tương đắc của những người bạn thơ. Ngoài cuộc đó, còn là cuộc giao tình phương ngoại. Phương ngoại du, là cuộc chơi của những mặt công hầu rám nắng, trong một thuở tạm thời rửa mặt đi bàn chuyện Không hư, bàn cái Không và cái Hữu của tử sinh trường mộng. Thì ở đó, một tấm lòng thơ đã mở ra bao trùm cả hai cõi. Lời thơ sẽ lai láng cho tình thơ nồng nàn. Lời thơ sẽ điềm đậm cho trời thơ nghiêm nghị. Lời thơ sẽ phiêu bồng cho trời thơ lãng đãng. Lời thơ sẽ ngậm ngùi cho trời thơ cô tịch. Lời thơ sẽ cay đắng cho trời thơ đầy đọa. Lời thơ vắn vủ, và trời thơ trùng trùng điệp điệp bao la. Làm sao để mở rộng tấm lòng của mình cho thành tấm lòng của trời thơ lồng lộng, nhìn thẳng vào chân diện mục của Lô sơn, ba mươi sáu ngọn núi xanh cao ngất?

Thơ ông tiến Đạo Tiềm nói:

Thượng nhân học Khổ Không
Bách niệm dĩ hôi lãnh
Kiếm đầu duy nhất quyết
Tiêu cốc vô tân đỉnh
Hồ vi trực ngã bối
Văn tự tranh ủy bính
Tân thi như ngọc tiết
Xuất ngữ tiện thanh kính
Thối Chi luận thảo thơ
Vạn sự vị tường bính
Ưu sầu bất bình khí

Nhất ngụ bút sở sính
Phả quái Phù đồ nhân
Thị thân như khâu tỉnh
Đồi nhiên ký đạ m bạc
Thùy dũ phát hào mẫnh
Tế tư nãi bất nhiên
Chân xảo phi ảo ảnh
Dục linh thi ngữ diệu
Vô áp Không thả Tĩnh
Tĩnh cố liễu quần động
Không cố nạp vạ cảnh
Duyệt thế tẩu nhân gian
Quán thân ngộ vân lĩnh
Hàm toan tạp chúng hảo
Trung hữu chí vị vĩnh
Thi Pháp bất tương phương
Thử ngữ đương cảnh thỉnh 上人学苦空，

百念已灰冷。
剑头唯一映，
焦谷无新颖。
胡为逐吾辈，
文字争蔚炳？
新诗如玉屑，
出语便清警。
退之论草书，
万事未尝屏。
忧愁不平气，
一寓笔所骋。
颇怪浮屠人，
视身如丘井。
颓然寄淡泊，
谁与发豪猛？
细思乃不然，
真巧非幻影。
欲令诗语妙，
无厌空且静。
静故了群动，
空故纳万境。
阅世走人间，
观身卧云岭。

成酸杂众好，
中有至味永。
诗法不相妨，
此语当更请。

Đó là một bài thơ, hay một bài văn luận về phép làm thơ, gọi nó là thế nào cũng được. Lô sơn có thiên hình vạn trạng, nhìn ngang hay nhìn dọc, tùy. Ông nói, đại khái như thế này:

Thượng nhân học về cái lẽ Khổ Không; một trăm thứ niệm tưởng đã thành tro lạnh hết. Cũng tợ thế vung lưỡi kiếm một cái là y như gió thổi chẻ hạt thóc lép, không còn chút bụi cám. Tại sao ngài lại phải chạy theo bọn tôi, tranh đua cái vẻ rực rỡ của văn tự? Bài thơ bọn tôi mới làm, nó đẹp như tán vụn viên ngọc lóng lánh; lời thơ vừa ra là đã trong veo kỳ lạ. Hàn Thối Chi (Hàn Dũ), luận cách viết chữ thảo, mà chưa hề bỏ bê mọi việc. Cái u sầu, cái khí bất bình, nội một nét bút là hàm tất cả.

Lạ thay, những người đi tu Phật, coi thân này như là gò, như là giếng, chật hẹp và tù túng, nên chịu cảnh đấm bạc trơ vơ, thì đi bịch bịch cái hào, cái mãnh với ai?

Tuy nhiên, suy nghĩ kỹ thì không phải thế. Cái ảo diệu không phải là cái ảo ảnh. Muốn cho lời thơ tuyệt diệu, thì phải là đừng gò ép, vừa Không và vừa Tĩnh. Tĩnh cho nên thâm tóm hết mọi vọng động. Không cho nên bao hàm vạn cảnh. Ngắm nhìn sự đời, bên ba giữa đời, mà thấy mình như nằm trên chóp đỉnh mây cao. Đủ hết các thứ mặn nồng, chua chát; trong đó có cái hương vị tuyệt vời.

Thơ và Pháp (Đạo) không chống trái nhau, không hại nhau. Cái đó lại nhờ Thượng nhân hạ quyết.

Nhờ hạ quyết? Không nhờ, cũng đã quyết. Người học Thiền, học từ cái khổ đau, hư ảo; học cho thân tâm ra là thứ tro tàn nguội lạnh. Học như thế là học để mà đọa đày. Sở đạt của sở học đó, là buông thả, hóa thành cái Không và trở thành cái Tĩnh. Buông thả, thì không câu chấp, không còn bị ràng buộc. Cũng tiêu dao như hồn thơ thoát sái và lãng mạn. Tâm Tĩnh, thì trầm lặng như mặt nước không gợn sóng, phản chiếu trọn vẹn ngoại cảnh. Tâm Không, thì Tâm rộng như mặt biển bao la, dung nạp tất cả ngân hà tinh đẩu. Người học Thiền chịu đọa đày cho thân mình gầy, cho tâm mình nguội, trong đó có cái diệu dụng phi thường của nó. Người làm thơ, cuộc đời bị đày ải truân chuyên, trong đó cũng có cái ảo diệu của vị chua, vị mặn. Suốt đời học Thiền; suốt đời vẫn đày đọa thân tâm; đày đọa trong cái Không và cái Tĩnh. Đày đọa đó, mà kỳ thực không là đày đọa. Cũng vậy, suốt đời làm thơ, thì suốt đời khổ lụy lao đao; nhưng không là khổ lụy lao đao. Chỗ ảo diệu đó, chưa đạt đến cõi thượng thừa của thi ca, làm sao hiểu nổi?

Nhưng, ai nói người học Thiền phải chịu đày đọa thân tâm? Họ nhàn hạ, họ thông dong, họ tiêu sái; họ lãng đãng như Lô sơn thấp thoáng giữa mây trắng và sương mù. Tuy nhiên như thế, nhưng ai quyết rằng tâm hồn đó trầm mặc như nước hồ không dao động? Giữa lòng Lô sơn, giải Ngân hà trên bầu trời cô tịch không ngừng đổ xuống âm âm như sấm sét.

Thi sĩ và Thiền sư cùng lao đao, và cùng tiêu sái, trong cùng một cõi trầm mặc phiêu bồng, vừa Không vừa Tĩnh. Ngọc đường kim mã hay Giang bắc Giang nam; hay lão thần cô quạnh nơi Hoàng châu, Huệ châu... , đày ải hay không đày ải, hồn thơ vẫn điem đạm bao la trong thơ huy hoàng bát ngát.

Thế thì, cái chỗ đọa đày viễn mộng nghe chừng như là phải kinh hoàng táng đẫm, nó làm cho đất liền cũng trở thành sa mạc, với nóng cháy và với gió rét kinh hồn. Thế mà lại khác hẳn. Đó là cái Không Không và Tĩnh Tĩnh, cõi của mây trời trên đỉnh núi. Khách phàm trần chưa bước tới nổi, nên cứ tưởng là nơi khổ lụy tột cùng, hoặc huy hoàng tráng lệ. Cả hai, vừa phải vừa không phải. Lô sơn có thiên hình vạn trạng. Cõi thơ có trùng trùng ẩn ngữ.

Đạt tới cõi thượng thừa của Thơ, như người học Thiền chứng chỗ Không tịch của Đạo; cái đó vừa khó vừa dễ. Học Thiền ba mươi năm, ba mươi năm đày đọa thân tâm, mà không thành. Phần chí, bỏ đi; bất chợt thấy một cánh hoa rơi, cõi Không tịch cũng hoá nhiên, đột ngột mở ra. Chỗ ảo diệu đó, khó giảng cho thông. Cho nên, không thể nào lấy tay chỉ thẳng vào cõi thơ, rồi bảo đây là chân diện mục của nó. Nói được một cách dễ dãi, hay không dễ dãi, như thế chẳng khác nào đàn bà con nít cũng biết giảng chỗ ảo diệu của Ngô Thiên. Ông viết trong bài bạt của khắc kinh Lăng già như thế này:

“... Chỉ lấy theo chỗ giản tiện; được một câu kinh, một bài kệ, tự cho là liễu chứng. Cho đến cả bọn đàn bà, con nít, dong tay cười giỡn, đua nhau bàn bạc hương vị Thiền. Kê cao thì vì danh, kê thấp thì vì lợi. Cái dư ba mặt lưú đó không đâu không chảy tới. mà cái vi diệu của Phật Pháp đã mất rồi. Chẳng khác nào thầy lang què mùa... (may mà chữa lành bệnh nhẹ)...”

Đại khái, nơi cõi Thiền cũng có cái khó phân biệt Chân và Ngụy. Cõi thơ há lại không? Nhưng chỉ thẳng vào chỗ đó, không thể được. Nó không phải là chỗ dị đồng giữa con chó và con cọp, hay giữa cọp thực và cọp giấy.

Quả nhiên, điều thấy rõ là ông đã giảng giải thế nào là Thơ, và thế nào là Thiền. Và cũng thấy rõ là trong đó có chỗ đồng và chỗ dị. Nhưng chỉ thẳng vào những chỗ đó, thiên nan vạn nan.

Có thể đọc lại bài thơ ông tặng Đạo Tiềm, đã dẫn ở trên kia. Bài thơ:

Vị văn Lô nhạc đa chân ẩn
Cố tỵ cao nhân đoạn túc phan
Dĩ hỉ Thiên Tâm vô biệt ngữ
Thượng hiềm thế phát hữu thi ban
Dị đồng mặc vấn nghi tam ngữ
Vật ngã chung đương phó bát hoàn
Đáo hậu dữ quân khai bắc hộ
Cử đầu tam thập lục thanh sơn.

Tống Triết tông, năm đầu niên hiệu nguyên hựu (1086), vương tử Cao li, Tăng thống Nghĩa Thiên, sang thăm Trung Hoa, tìm hiểu Phật giáo Hoa Nghiêm tông. Vua sắc chỉ Đông kinh Giác nghiêm Thành thiên sư ứng đối. Thành đề cử sư Tịnh Nguyên ở Tiền Đường, thay thế mình. Vua mới lệnh cho Dương Kiệt hộ tống Nghĩa Thiên tăng thống đến Tiền đường. Các tự viện làm lễ đón và đưa rất rầm rộ.

Khi Nghĩa Thiên mới đến Kinh sư, vua sắc Lễ bộ Tô Thức tiếp đón. Rồi đến yết Viên chiếu. Bàn thiên sư, thảo luận về tông chỉ Phật Pháp. Sau đó, đến Kim Sơn. Ở đó, Phật Ấn ngồi mà đón và nhận lễ cúng nạp. Dương Kiệt kinh ngạc hỏi. Phật Ấn đáp: Nghĩa Thiên là tăng nước ngoài, nhưng luật của người xuất gia không phân biệt biên vực quốc gia, do đó, không vì Nghĩa Thiên đến với tư cách một vương tử ngoại quốc, được triều đình đãi như một thượng khách, mà sư phải theo cách tiếp đãi của triều đình. Triết tông biết việc đó, rất khâm phục thái độ của Phật Ấn. Về sau, vua mang chiếc áo nạp do Cao li tiến cống tặng cho Phật Ấn. Đông Pha viết bài nạp tán:

“TỰA:

“Trưởng lão Phật Ấn đại sư Liễu Nguyên, dạo chơi Kinh sư. Thiên tử nghe danh sư, đem chiếc áo Ma nạp do nước Cao lệ cống hiến ban cho sư.

“Khách có người thấy, khen rằng: Hỡi ôi! Đẹp thay! Chưa từng thấy vậy. tôi và con tôi đã thử nắm vật nó trải ra, theo cái chéo nó trương lên mà tung ra; từ phía đông tận đất Ngung di, phía tây tới Muội cốc, phía Nam Giao chỉ, phía bắc U đô, tất cả đều nằm trong lỗ kim khe chỉ của tôi cả.

“Phật Ấn cười hô hố, nói: Ăn thua gì! Cái ông nói còn quê mùa lắm. Tôi lấy con mắt Pháp mà nhìn nó, thấy trong mỗi lỗ kim có vô lượng thế giới. Rồi trong mỗi thế giới đó, có bao nhiêu chúng sinh, mà mỗi lỗ kim khe chỉ của mỗi chiếc áo chúng mặc đều là thế giới. Cứ lần lượt như thế cho đến tám mươi lần, mà quang minh của Phật tôi đều rọi tới, cùng với Thánh đức của Quân thượng tôi bao trùm như đem biển cả mà đổ vào một lỗ chân lông, như đổ cõi đất mà lấp một lỗ kim. Thì những Ngung di, Muội cốc, Giao chỉ, U đô, có gì đáng nói. Nên biết rằng, chiếc

áo nấp đó không phải lớn, không phải nhỏ, không phải vắn, không phải dài, không phải nặng không phải nhẹ, không phải mỏng, không phải dày, không phải Sắc không phải Không. Hết thấy thế gian chịu lạnh đến nứt da, rụng ngón mà áo nấp đó không lạnh; nóng đến độ đá tan, vàng chảy mà áo nấp đó không nóng; năm thứ dư bản lai láng của thế gian không làm nó bợn; lửa kiếp tận hừng hực đốt rụi thế gian mà áo nấp đó không hoại. Sao lại có tâm tư duy sinh ra nghĩa tướng hèn kém?

“Nhân đó, người đất Thục là Tô Thức nghe vậy mới làm bài tán rằng:

Xếp lại mà cất
Thấy nấp không thấy sư
Mặc mà không xếp
Thấy sư không thấy nấp
Chỉ sư với nấp
Phi một phi hai
Chột mắt mà nhìn
Rận rệp rờng voi.

...”

Phật Ấn Liễu Nguyên, hiệu Giác Lão. Lúc Đông Pha bị biếm trích ở Hoàng châu, thì sư trụ ở chùa Qui tông, Lô sơn. Hoàng châu và Qui tông đối ngạn, nên ông và sư thường hay qua lại giao thiệp, trao đổi làm thơ, đi ngoạn cảnh.

Sau sư dời sang ở chùa Kim sơn. Một hôm, ông đến thăm vào lúc sư đang giảng kinh cho tăng trong chùa. Họ đứng hai hàng để nghe. Ông đến, sư nói: “Nơi đây không có giường ghế. Cư sĩ đến, biết ngồi đâu bây giờ?” Ông bảo: “Vậy thì mượn đỡ tứ đại của Phật Ấn làm giường ngồi.” Nghĩa là, ông mượn cái thân tứ đại của Phật Ấn làm giường ngồi. Phật Ấn nói: “Sơn tăng này có một câu hỏi, nếu thí chủ đáp được, sẽ theo lời cho mượn thân tứ đại này làm giường ngồi. Nếu không, xin để lại sợi ngọc đá làm vật trấn sơn môn.” Ngọc đá là giải dây buộc ngang lưng của bậc thượng lưu thời đó, được đem ra đánh cuộc, để làm bửu vật trấn giữ cửa chùa. Ông liền cởi ngay giải dây đặt lên bàn. Sư hỏi: “Tứ đại giai không, ngũ uẩn phi hữu. Cư sĩ muốn ngồi vào đâu? ” Ông ngẫm nghĩ, chưa kịp trả lời, thì sư đã gọi gấp thị giả mang sợi đá đi cất, để làm vật trấn sơn môn. Ông làm ngay hai bài thơ tặng sư (trích một bài đọc chơi):

Bình cốt nan kham ngọc đá vi
Độn căn nhưng lạc tiền phong ki
Dục giao khất thực ca cơ viện
Cố dữ sơn vân cựu nấp y.

病骨難堪玉帶圍，
鈍根仍落箭鋒機。
欲教乞食歌姬院，
故與雲山舊衲衣

Xương gầy giải ngọc buộc sao vô?
Hồ đồ thấp trí chịu thua cơ.
Những mong kiếm chác trò con hát;
Nay để làm duyên với cửa chùa.

Chuyện đó trở thành cái giai thoại mà người ta truyền tụng là “Ngọc đai trấn sơn môn” rất thịnh hành.

Năm ông 49 tuổi. Kể từ khi bị biếm trích ra Hoàng châu đến bây giờ, là đã hơn bốn năm. Tháng 4 năm đó, Giáp tý (1084), ông được lệnh phải dời sang ở Nhữ châu. Trên đường đi Nhữ châu, ông gặp Tử Do ở Quân châu. Lúc này, Tử Do ở Quân châu; sư Vân Am ở chùa Động sơn; Thông thiền sư, người đất Thục, ngụ tại chùa Thọ thánh. Tối đó, cả ba người cùng thấy một giấc mộng giống nhau. Họ thấy đi đón Ngũ Tổ Sư Giới hòa thượng. Sư Giới là một thiền sư đời thứ 9 của dòng thiền Huệ Năng. Cả ba cùng vỗ tay cười lớn: “Thế gian quả có chuyện đồng mộng, lạ thay!” Ít lâu, thư của ông đến báo tin là ông đã tới Phụng tân, sẽ gặp nhau trong sớm tối. Ba người cùng ra ngoài 20 dặm chùa Kiến sơ thì gặp ông. Mỗi người lần lượt kể giấc mộng của mình. Ông mới nói: “Tôi hồi 7, 8 tuổi, có lần nằm mộng thấy mình làm tăng, qua lại bên Thiểm hữu.” Sư Vân Am cả kinh, nói: “Sư Giới là người ở Thiểm hữu. Tuổi về già, bỏ chùa Ngũ tổ đến đạo ở Cao an, sau mất tại chùa Đại ngu. Tính ngược lại, đã đúng 50 năm.” Bấy giờ ông 49 tuổi. Vậy, đại khái, đời trước ông là thiền sư Ngũ tổ Sư Giới. Nhưng nghe nói Sư Giới đã tỏ ngộ đạo thiên, đã đắc đạo, sao thác sinh ra ông lại phải trải qua một kiếp lao đao đầy ải như thế?

Ông bị đày xuống Quảng đông, rồi Hải nam, từ năm 59 tuổi, cho đến 66 tuổi thì được tha về.

Trong thời gian này, ông quen thân với sư Trùng Biện. Ông viết dật sự của sư Trùng Biện, tức Nam Hoa trưởng lão.

“Thiền sư Khế Tung thường sân; người ta chưa từng thấy sư cười. Sư Hải Nguyệt Biện thường vui, người ta chưa từng thấy sư giận. Tôi ở Tiền đường, chính mắt thấy hai vị đó đều ngồi kiết già mà hóa (chết). Khế Tung đã trà tì (thiêu xác), mà lửa không hủy hoại. Thêm củi cho lửa đỏ đến năm lần mới thôi. Hải Nguyệt đến khi táng mà gương mặt vẫn tươi như còn sống, lại còn cười nụ.

“Thế mới biết, hai người lấy cái sân và cái hỉ mà làm Phật sự vậy.

“Người đời coi thân hình như vàng ngọc, không để cho gót chân dính bụi. Bậc Chí nhân thì ngược lại. Tôi lấy đó mà biết rằng, hết thầy các Pháp đều do ái mà hoại; do xả mà thường. Há không phải vậy sao?”

“Tôi từ Hải nam trở về, thì Trùng Biện tịch đã lâu. Qua Nam hoa điếu. Hỏi chúng tăng ở đó về chỗ mộ tháp của Sư. Họ bảo: “Thầy tôi xưa đã có làm thọ tháp, về phía đông Nam hoa vài dặm. Có người không ưa thầy, nên táng ở mộ khác. Đã hơn bảy trăm ngày rồi. Nay Trưởng lão Minh Công ra sức một mình, dời về thọ tháp. Thay quan, đổi áo, thấy trọn cả thân thể vẫn như đang còn sống; áo vẫn tươi và thơm. Mọi người hổ thẹn và kính phục.”

“Đông Pha cư sĩ nói: Trùng Biện coi thân là vật gì? Vứt nó vào rừng Thi đà để nuôi chim, nuôi quạ, đâu có sự để ở thọ tháp cho an ổn. Vì là, Minh công là người biết rõ Trùng Biện, nên đặc biệt muốn lấy sự họa phúc đồng dị mà thôi.

“Tôi mới đem trà, quả đến cúng ở tháp sư, rồi viết lại sự việc đó để gởi cho thượng túc đệ tử của sư là sư Khả Hưng. Nam hoa tháp chủ.

“Bấy giờ, niên hiệu Nguyên phù thứ 3 (1100), tháng 12, ngày 19.”

Độ nửa tháng sau, ông viết bài “Nam hoa trưởng lão đề danh ký”

“Học giả lấy sự thành Phật làm khó ư? Con nít vọc đất, vẽ cát mà giỡn thôi, cũng đủ thành Phật; lấy đó mà cho là dễ ư?”

“Những bậc đã được thọ ký, đã đắc đạo, như các vị Bồ tát và các Đại đệ tử (của Phật Thích Ca) mà còn không dám đi thăm bệnh (cư sĩ Duy-ma-cật); cái nghĩa đó là thế nào?”

“Lúc đang mê loạn điên đảo, trôi lăn trong biển khổ, mà vừa có một niệm Chân thành, thì vạn pháp đều có đủ cả. Còn như, cần khổ dụng công, như đắp núi đã cao đến chín bậc, sau chỉ vì một chút sai sẩy còn con mà một nghìn đời không phục lại nổi.

“Hỡi ôi, Đạo vốn là như vậy đó!”

“Nhưng riêng gì Phật thôi ư? Thầy Tử Tư có nói: “Hạng phàm phu phụ không ra gì cũng có thể hành (đạo) được; còn như chỗ tột cùng, thì dù là Thánh nhân cũng có chỗ chưa đủ sức.” Mạnh Tử thì cho rằng Đạo của Thánh nhân bắt đầu ở chỗ không làm việc trèo tường khoét vách mà cái ác của việc trèo tường khoét vách đã hiện ở lời nói. Không nói người chưa có ý muốn làm việc trèo tường khoét vách, thì dù có việc trèo tường khoét vách cũng không muốn. Từ cái tâm mình không muốn làm mà đi cầu nó (đạo), thì việc trèo tường khoét vách đã đủ để làm Thánh nhân rồi.

“Đáng nói mà không nói. Không đáng nói mà lại nói: những điều như vậy, dù là Hiền nhân, Quân tử cũng không thể tránh khỏi. Nhân từ cái lỗi không thể tránh mà tiến tới, dù là Hiền nhân Quân tử cũng có lúc phải đi ăn trộm.

“Đó là hai Pháp ngược nhau, nhưng lạm dụng lẫn nhau. Nho và Thích cũng như nhau ở chỗ đó.

“Nam Hoa trưởng lão Minh Công, trước kia theo cái học của Tử Tư, Mạnh tử. Sau bỏ nhà theo Phật. Người không biết, cho là trốn Nho theo Phật, chứ không biết Sư vẫn còn Nho.

“Chùa Nam hoa này, từ Ngài Lục tổ Đại Giám (Huệ Năng) thị diệt, những người truyền Pháp đặc đạo đều phân tán tứ phương, cho nên Nam hoa lâu nay là chùa Luật (tông).

“Đến đời Tống ta, trong niên hiệu Thiên hi thứ 3 (1019) mới bắt đầu có chiếu cử Tri Độ thiền sư Phổ Toại làm trụ trì. Cho đến sư Minh Công bây giờ, đã được 11 đời.

“Minh Công nói với Đông Pha cư sĩ: “Tể quan hành pháp thế gian. Sa môn hành pháp xuất thế gian. Thế gian tức xuất thế gian, như nhau không khác. Nay các tể quan truyền nhau đều có đề danh ghi lên vách; chỉ riêng sa môn là không có. Và lại, đạo tràng tôi ở đây, sửa sang chỗ Phật Tổ thì được, nhưng sự truyền không nghiêm. Nhờ thầy viết hộ tôi bài ký.

“Cư sĩ thưa: Vâng.

“Rồi luận Nho và Thích không gặp nhau nhưng đồng nhau, lấy đó làm bài ký này.

“Năm đầu niên hiệu Kiến trung tinh quốc (1101), tháng giêng, ngày mồng 1.”

12

Trên đường về Kinh, Ông nằm mộng thấy làm một bài thơ gởi cho Chu Hành Trung. Hôm sau thức dậy, còn nhớ rõ cả. Và ông chép lại:

Thuấn bất tác lục khí
Thùy tri quý Dư Phiên
Ai tai Sở cuồng sĩ
Bảo Phác hào không sơn
Tương Như khởi nghề trụ
Đầu bích tương dữ hoàn
Hà như Trịnh Tử Sản
Hữu lễ quốc tự nhàn
Tuy vi Hàn Tuyên Tử
Bỉ phu diệc hoài Hoàn.

Chí kim bất tham bửu
Lâm nhiên siêu trần hoàn.

舜不作六器
誰知貴瓊蹕
哀哉楚狂士
抱撲號空山
相如起睨柱
頭壁相與還
何如鄭子產
有澧國自閑
雖微韓宣子
鄙夫亦懷還
至今不貪寶
凜然超塵寰

Ít hôm sau, ngày 28 tháng 7, ông mất. Bài thơ làm trong mộng trên đây được người đời truyền tụng là tuyệt bút của ông.

Nếu vua Thuấn không chế ra sáu thứ dụng cụ, ai biết ngọc Phiên, ngọc Dư của bậc quân vương là quý ?

Cường sĩ nước Sở có viên ngọc phác, nhưng trong đời không ai cho đó là ngọc, mà coi nó là đá cuội, nên thương thay! ôm ngọc mà kêu gào với núi hoang.

Khi người ta nhận được ngọc Bích là quý, thì Lạn Tương Như cầm nó trong tay, liếc nhìn cái trụ, quyết ý đầu và ngọc sẽ cùng nát cả, thế mà hăm dọa được vua Tần, mang được trọn vẹn cả đầu cổ và ngọc Bích trở về Triệu.

Trịnh Tử Sản hộ tống Trịnh bá sang Tấn. Tấn hầu vì có có tang, không chịu tương kiến. Tử Sản cho phá sập nhà cửa, tường vách của Tấn, cho là chỗ chật hẹp, không phải lễ đãi khách đối với chư hầu như vậy. Làm dữ, thế mà quốc gia nhờ đó lại được yên ổn, vì là có lễ. Nhưng có cần làm vậy ư?

Có gia bảo ngọc Hoàn như Hàn Tuyên Tử, dù đến khi nghèo kiệt, bọn đầy tớ trong nhà cũng có ngọc mà đeo.

Cho đến bây giờ, ta vẫn chưa hề tham đến những món quý, món báu. Cho nên, hiên ngang lâm liệt đứng cao vọi bên trên tất cả cõi đời.

Đó là những lời tuyệt bút? Được truyền tụng là như thế. Và tuyệt bút của một người trong mộng. Trong cõi mộng, tâm sự của khách tài hoa nó kiêu hùng trong phong độ lâm liệt hiên ngang. Tài hoa lãng mạn bát ngát như Lô sơn ẩn hiện giữa

mây trắng và sương mù. Lẫm liệt siêu trần hoàn cũng y thể như ngọn Lô sơn sừng sững giữa một cõi trời cô tịch.

Học thơ, và làm thơ, đạt đến cõi thượng thừa lẫm liệt của trời thơ, đến chỗ tài hoa tuyệt đỉnh của trời thơ; như viên ngọc quý giá vô tận. Đòi không biết tới, người có nó cũng khổ lụy kêu gào với ngọn núi hoang vắng cô liêu. Mà đòi biết đến nó, thì cũng khổ lụy kỳ cùng cho người có nó. Có, hay không có cái tài hoa tuyệt thế, cái lẫm liệt siêu trần, của một viên ngọc quý, vẫn là những cái làm khổ lụy cuộc đời. Khổ lụy, và triền miên khổ lụy, nó là thứ gì? Và tại sao lại có nó? chân diện mục của Lô sơn được gói trọn vào trong một câu hỏi này ư? Nếu thế thì, Lô sơn trùng trùng điệp điệp, không làm sao bước tới, cho thấy tường tận chân diện mục nó. Nhưng người dù đã bước tới, tận vào chỗ sơn cùng lộ tuyệt của nó, cũng không làm sao nói lại được một góc cạnh của cái thấy đó. Rồi từ đó, đột nhiên, trời Thơ trở nên là một, hay là những phương trời đọa đầy viễn mộng. Đọa đầy cho đến kỳ cùng, đọa đầy cho thành kỳ diệu tuyệt mức.

“Lao viễn mộng”, đọa đầy viễn mộng, của nhà thơ đó, một chân diện mục của Lô sơn mà khách trần tục lụy, nghìn đời không sao hé thấy.

Cõi thơ mở ra, và khép lại trong một cõi mộng không lời.

Từ bến Tâm dương, hay bến Bành lai nhìn lên, Lô sơn khói tỏa sương mù.

Chân diện mục của Lô sơn?

Chân diện mục của Lô sơn?

NHỮNG PHƯƠNG TRỜI LỬ THỨ

Thơ từ phế phủ ra
Lại làm sàu phế phủ

Nào chỉ có thể thôi ư? Thơ phát ra từ những khổ lụy và những nguyện ước khơi vơi của cuộc tồn sinh; từ đó, Thơ đi vào giữa những thảm họa hoành sinh của Lịch sử. Từ buổi bình minh, Thơ vang vọng những lời tình tự thiết tha, từ tiếng chim thư cưu nơi cồn cát, đến những đêm dài trần trọc, trong nguyện ước lứa đôi. Cho tới lúc, Thơ là Ly tao, là nỗi buồn cô quạnh của một lão thần nơi đất Trích, bên dòng sông Mịch la. Lịch sử đã gây nên những trường khốc liệt, cuộn sóng Thơ trôi mãi, trôi không bao giờ thấy lại được nguồn suối ban sơ; đừng nói chi đến việc trở về. Thơ bị đẩy trôi theo tuế nguyệt. Mà Tuế nguyệt đã đi là đi mất. Thế là, từ những phương trời viễn mộng ban sơ, Thơ dần bước đi vào Cuộc Lữ, kỳ cùng trong những phương trời của Cuộc Lữ. Nhưng Cuộc Lữ không bao giờ cùng tận. Vì tượng của cuộc Lữ là những ngọn lửa bốc cháy trên đỉnh núi, cháy liên miên

không hề gián đoạn. Núi vẫn đứng trơ ra đó, mà lửa thì cứ mãi bốc thẳng và mất hút trong bầu trời cô tịch. Tại sao lại phải từ cái có, muôn đời có đó, để đi vào cái không? Kiệt tận bình sinh, hay sống trọn đời với tuổi đời, hay sống cho tận cùng cuộc sống, thì tất cả đời sống đó đã không ngừng mang trọn tài hoa phong nhụy đổ vào khơi voi, vào cõi miền hư tịch, không hư, không hình tích, không bóng dáng và không lời. Cuộc Lữ nếu được đi trong mực Trung Dung, thì cũng đi như mũi tên bắn thẳng tới phía trước, dù có bắn được một con chim Trĩ, chim của biểu tượng văn minh, của lịch sử hiền hòa; nhưng mũi tên bắn đi không còn cách nào quay đầu trở lại. Nếu Cuộc Lữ được dẫn tới chỗ kỳ cùng của Cuộc Lữ, đấy là lúc con chim trên rừng đã đốt tổ bay đi. Có muốn về, cũng không còn tổ ấm bao dung của Quê Hương nguyên thủy nữa.

Thơ phát ra từ cuộc Lữ đọa đày, rồi trở lại đọa đày cuộc Lữ. Cuộc Lữ là trường thể nghiệm Lịch sử tồn sinh thảm họa của Thơ. Và Thơ mở rộng những phương trời Lữ Thứ. Quê Hương nguyên thủy chỉ là những âm vang của Lịch sử, vang dội ngân dài trong những phương trời viễn mộng. Cho nên, Đất của Thơ đất Trích, là những vùng đày ải; Đường của Thơ là Quán Trọ, là những bước đường ngược gió. Mặn nồng nơi Đất Trích, lân la nơi Quán Trọ, cuộc thể nghiệm dây dưa hằng triệu vấn vương, và cũng là cuộc thể nghiệm cho khước từ tuyệt đối. Cho nên lời Thơ càng lúc càng trầm trọng, như viên sỏi rơi vào lòng biển bao giờ cho tới đáy thì thôi. Biết bao giờ cho tới đáy, để lấy đó làm Quê Hương hằng cửu? Bởi cách điệu trầm trọng như thế, nên Thơ là phong vận tài hoa, đẹp như những cụm mây trời trong nắng sớm.

Từ đây trở xuống, Thơ của ông sẽ được công bố cho thành một Cuộc Đi, đi trong những đoạn đường Lữ Thứ, đi trong những phương trời Lữ Thứ. Bố trí cho Thơ lịch nghiệm trong cuộc Riêng, để thể nghiệm trong cuộc Chung của Lịch sử. Trong cuộc Riêng, Tình Thơ sẽ cũng chỉ là Tình Riêng. Một vài lời phụ chú, một ít chuyện bàn bạc của người soạn sách, từ cuộc Riêng đó, nỗ lực giới hạn, trên những trang lịch sử của phong trần cổ lục, để xem có thể dẫn tới được một cuộc Chung đồng vọng nào đó chăng?

I. TRỜI QUÊ HƯƠNG KHÓI MÙ BAY VIỄN MỘNG (1061 -1071)

LỜI DẪN

1061-1071, trong khoảng 10 năm này, ông làm quan tại các chỗ: Kiểm phán tại Phượng tường, rồi Giám quan cáo viện tại Sử quán ở Kinh đô, và sau đó xin ngoại nhiệm, được đổi ra Hàng châu vào năm 1071. Những chi tiết về sự vụ làm quan của ông, ở đây chỉ lược đại khái.

Bắt đầu với bài thơ Hoài Cự. Rồi chúng ta sẽ thấy, Đất Khách luôn luôn phảng phất bóng dáng Quê Hương; trời của quê hương là vang vọng của lịch sử. Sâu cổ quận hay tình tha phương là những tiếng ngân dài của lịch sử. Đó là đoạn đầu của một cuộc lịch nghiệm. Thơ được trích do bố trí dự định sẵn, thì những cách điệu khác nhau của chúng chỉ là những sai dị trong bước đi mà thôi. Cái Tình ẩn và cái Tình hiện trong mỗi bài thơ chỉ cùng chung một nỗi. Nỗi đó, tạm thời gói lại trong Trời quê hương khói mù bay viễn mộng ở đây. Gọi là trời quê hương, là muốn nói tới hoài vọng của người khách vừa bước ra đi, từ già quê hương, cho đoạn đầu của Lữ Thứ. Quê hương qua lớp khói mù, là muốn nói tới hoài vọng trẻ trung, vì quê hương là nơi ngụ ẩn tình của lịch sử. Bay viễn mộng, là đoạn đường Lữ Thứ đã mở ra rồi, nên cuộc lịch nghiệm thoáng hiện những nét đậm chiêu. Cũng có thể lưu ý rằng, những chữ này chỉ dùng theo nghĩa Riêng của đoạn này, để tương xứng với một cuộc Tình Riêng của Thơ

I.

Đôi mai ngơ ngác nụ cười
Cánh hồng là mộng của đời lưu ly
Tồn sinh thấp thoáng nẻo về
Dấu tro bãi tuyết ngoài tê cánh đồng
Sư già tháp mới hồn không
Tường rêu đổ xuống đâu đồng vọng Thơ
Gập ghềnh năm tháng hay chưa
Đường dài người mới gót lữ kê đau

Năm canh tý (1060), Ông làm chủ bạc tại huyện Phước xương, tỉnh Hà nam. Năm trước, sau khi mất tang mẹ, Ông và Tử Do theo cha, Lão Tô, dong thuyền Nam du. Thơ văn của hai anh em được gói thành “Nam hành tập”. Đó là những bài thơ của tuổi trẻ; người ta nói như vậy. Hồn thơ bộc phát tự nhiên, như cánh chim hồng đang ước hẹn với trời cao. Trong con mắt của người đời, cái cảnh giang sơn thanh kỳ tú lệ đã tô điểm cho phong cách tự phụ của thời niên thiếu:

Giang sơn dưỡng hào tuấn
Lễ số khốn anh hùng
Chấp bản nghinh quan trưởng
Xu trần bá hạ phong

Cốt cách đó chưa hiện rõ những nét cuồng ngạo. Sóng Trường giang vẫn ào ạt mùa nước lũ trong từng năm một; nhưng lịch sử vẫn mãi triển miên bất động trải dài thành hai bờ bến. Hồn thơ sẽ đến để mở cánh cửa trời, và rồi sẽ khép lại thành một cõi của từ sinh trường mộng. Lúc nào mở, và lúc nào đóng? Con chim trên rừng đột tổ bay đi, cuộc Lữ không tính được khoảng đầu và khoảng cuối.

Trên con đường của những ngày tháng đầu tiên từ già quê hương, thơ Ông đồng vọng tiếng hát này:

Đài thượng hữu khách ngâm thu phong
Bi thanh tiêu tán phiêu nhập cung
Đài biên du nữ lai thiết thính
Dục học thanh đồng ý bất đồng
Quân bi cánh hà sự?

.....

Trên gò cao, khách đứng hát với ngọn gió mùa thu. Âm hưởng trầm buồn hững hờ bay vào khung cửa kín. Bên gò có nàng du nữ đến nghe lén. Muốn học tiếng hát đó, nhưng chỉ có thể cùng âm vang mà không thể cùng đồng vọng. Thế thì, ngài buồn chuyện gì nhỉ?

Gió thu rồi cũng sẽ tới lúc thổi lên tóc trắng. Và cánh chim hồng rồi cũng sẽ để lại dấu vết trên bãi tuyết trắng... Ngẫu nhiên:

HOÀI CỬU

Nhân sinh đảo xứ tri hà tợ
Ứng tợ phi hồng đập tuyết nê
Nê thượng ngẫu nhiên lưu chỉ thảo
Hồng phi na phục kế đông tây
Lão tăng dĩ tử thành thân tháp
Hoại bích vô do kiến cự đề
Vãng nhật kỳ khu hoàn ký phủ
Lộ trường nhân khốn kiến lô tê

懷舊

人生到處知何似
應似飛鴻踏雪泥
泥上偶然留指爪
鴻飛那計東西
老僧已死成新塔
壞壁無由見舊題
往日崎嶇還記否
路長人困蹇驢嘶

Bài thơ của Ông được trích ở đây, nó là một tình tự trẻ trung; cái tình hoài cựu chưa đượm mùi sương gió. Mãi về sau, thơ và từ của Ông vẫn còn âm hưởng đồng vọng của một cánh chim hồng, lẻ loi và cao vút. Dù là tung cánh trong bình minh hay giữa nắng quái, nguồn thơ đó càng lúc càng ngời sáng phong vận cuồn cuộn

và phóng dật. Bắt được tiết điệu của bài thơ, và thấy ra phong vận của nó, thì cái dòng thơ triền miên bất tuyệt của Ông cũng được thấy ra từ đó.

Cuộc nhân sinh, rồi đây biết nó sẽ như thế nào? Có lẽ, nên coi như một cánh chim hồng dẫm chân lên bãi tuyết. Ngẫu nhiên mà trên bãi tuyết đó còn in nguyên vẹn những vết chân của cánh hồng. Cánh hồng sẽ bay bổng mù khơi, còn kể gì đến những dấu chân kia.

Sư già vừa chết, ngôi tháp mới cũng vừa được dựng lên. Tường rêu đã đổ xuống, không tìm đâu ra những bài thơ đề trên đó nữa. Một ngày qua, đường đời gập ghềnh, có biết chưa? Đường thì dài, người thì mới, con lừa khắp khiêng kêu đau.

2.

THẠCH TỊ THÀNH

Bình thời chiến quốc kim hà tại
Mạch thượng chinh nhân tự bất nhàn
Bắc khách sơ lai thí tân hiểm
Thục nhân tòng thủ tống tàn sơn
Độc xuyên ám nguyệt mông lung lý
Sâu độ bồn hà thương mang gian
Tiệm nhập tây nam phong cảnh biến
Đạo biên tu trúc thủy sần sần

石鼻城
平时战国今无在，
陌上征夫自不闲。
北客初来试新险，
蜀人从此送残山。
独穿暗月朦胧里，
愁渡奔河苍茫间。
渐入西南风景变，
道边修竹水潺潺

Thạch tị thành, không rõ địa danh này. Hoặc giả là núi Thạch thành; phía đông nam, huyện Tín dương, tỉnh Hà nam có một ngọn; phía tây huyện Nghi tân, tỉnh Tứ Xuyên, thấy một ngọn; đông bắc huyện Thiệu hưng, tỉnh Triết giang, một ngọn. Trong thơ có nói Thục nhân, tức người đất Thục, tỉnh Tứ xuyên ngày nay. Quê Ông, huyện My Sơn, cũng ở trong vùng này. Thơ cũng nói Bắc khách, người khách từ phương bắc đến; tất nhiên chỉ cho Ông. Có lẽ bấy giờ Ông từ Kinh đô về tại vùng này.

Năm tân sữu (1061), từ Hà nam, Ông được triệu về Kinh, rồi được bổ làm Kiểm phán phủ Phượng tường, trong hạt Tứ xuyên. Đến năm bính ngọ (1066), 5 năm sau

đó, Lão Tô mất. Ông về quê chôn cha. Vậy, bài thơ được làm trong khoảng thời gian này, từ 26 đến 31 tuổi.

Bấy giờ Ông còn trẻ, lời thơ sáng hoạt mà thanh thiết. Đó cũng là bản sắc độc đáo trong tiết điệu thơ của Ông. Hai câu 3-4, ngụ những ẩn tình nồng hậu, thấm thiết.

Thi tâm hiểm, thường thức cảnh lạ giữa những ngọn đá cheo leo; ứng với 4 chữ “Bắc khách sơ lai” ở trước, và đối với 3 chữ “tống tàn sơn” ở câu dưới. Ứng và đối trong một bút pháp tuyệt vời, nói được cái tình tự đậm đà của khách phương xa đến và đi, cùng tấm lòng đón và đưa của những gì ở đó.

Tống tàn sơn, đưa tiễn ngọn núi tàn, ngọn núi tro vơ. Thơ Đỗ Phủ có những câu:

Thặng thủy thương giang phá
Tân sơn kiệt thạch khai
Nước lũ sông đầy vỡ
Non tro đá chồm lên

Thặng thủy tàn sơn tả cảnh núi non không tề chỉnh; núi thì thấp xuống, nước thì tràn ra, chẳng hạn

*

* *

Dấu vết của một thời chiến quốc không thấy đâu đây nữa; nhưng người rong ruổi trên con đường qua đó vẫn còn phải bươn bả.

Khách phương bắc mới tới, đã tìm đến thường thức các lạ giữa những ngọn đá cheo leo;

Và từ đó, người đất Thục ở đó sẽ hằng ngày đưa tiễn những ngọn núi tro vơ kia.

Khi thì một mình len lỏi qua con trăng mờ trong cảnh mông lung. Khi thì ngậm ngùi vượt qua dòng sông chảy xiết giữa nước xanh mênh mang.

Càng về phía tây nam, phong cảnh càng thay đổi dần.

Ở đó, hai bên đường có những hàng tre thẳng tắp và những con nước dạt dào.

3.

Đá mòn phơi nẻo tà dương
Nằm nghe nước lũ khóc chùng Cuộc Chơi
Nghìn năm vang một nổi đòi
Gió đưa cuộc Lũ lên lời Viễn phương
Đan sa rã mộng Phi thường
Đào tiên trụ lá bên đường Từ Sinh

Đồng hoang Mục tử Chung tình
Đằm chiêu dư ảnh nóc đình Hạc khô

Tâm tình Hoài vọng của Lữ khách y nhiên là tâm nguyện chí thành được khơi dậy từ những bước đường ngược gió. Con đường của Lịch sử, của dòng sông trôi xuôi, và trôi ào ạt như nước lũ, cuốn trôi tất cả những giấc mộng bình sinh. Đó là lịch sử của tử sinh trường mộng. Trong cõi mộng đó, trên bước đường ngược gió của Lữ khách đó, nắng hiu hắt trời màu trầm tư tịch mặc giữa những tàn lụi, hoang phế, và băng hoại; là sự chung cục của tất cả trong sự hủy diệt nồng nàn. Hơi thở mòn mỏi tiêu pha; Người đã lãng phí trọn vẹn tinh thể của Người, để cho Thiên nhiên bày tỏ ân tình trợ trợ, như viên sỏi bên đường lay lắt với nắng và với gió. Nắng lên cùng với dấu hiệu của hao mòn và sụp đổ. Gió lên cùng với những ước nguyện thiên thu phảng phất ra ngoài khung trời Hoàng viễn và Tịch nhiên. Mộng Phi thường được ký thác trong đan sa, trong dấu hiệu của trường sinh bất tử; nhưng đường Sinh tử đi trong cõi Hoàng viễn Tịch nhiên, ấy thế mà không bao giờ dừng bước cho Lữ khách một lần ngụ cư ở đó. Sống và chết vẫn như một nỗi đời hư huyền, vẫn rầm rộ như một cuộc chơi. Giữa khoảng đồng rộng, đồng trống, đồng không mộng quạnh, Mục tử đằm chiêu tư lự những chuyện đường đời và Lịch sử qua bóng dáng con Hạc gầy; rồi tự hỏi: đâu là cõi Mộng Thiên Thu?

*

**

Năm đó, tân sửu (1061), ông 26 tuổi, làm kiểm phán tại phủ Phụng tượng. Trong bài ký viết cho “Phụng tượng bát quan thi”, những bài thơ về tám chỗ Ông đến thăm viếng tại phủ Phụng tượng, Ông, viết: “Phụng tượng nằm nơi chỗ giao tiếp của đất Tần và Yhục; các bậc sĩ đại phu, sớm chiều thường qua lại đó”. Và đoạn trước của bài ký, Ông viết: “Đây là buồn cho đời, cảm khái cho tục, và tự thương mình đã không thấy được người xưa mà lại muốn một lần xem thấy những di tích của họ.” Cái ý đó, được thấy hiện rõ nơi bài thơ dưới đây:

LÂU QUÁN

Môn tiền cổ kiệt ngọa tà dương
Duyệt thế như lưu sự khả thương
Trường hữu u nhân bi Tấn Huệ[1]
Cưỡng tu di miếu học Tần Hoàng[2]
Đan sa [3]cửu diếu tinh thủy xích
Bạch truyệt thủy triều trừ táo hương
Văn đạo thần tiên diệc tương quá
Chỉ nghi điền tẩu thị Canh Tang[4]

樓觀

門前古碣臥斜陽

閱世如流事可傷
長有幽人悲晉惠
強修遺廟學秦皇
丹砂久窖井水赤
白朮誰燒廚灶香
聞道神仙亦相過
只疑田叟是庚桑

Lâu quán, gác của đạo sĩ, tại phủ Phượng tường. Ông tự viết lời dẫn: “Tân Thủy Hàng lập miếu Lão tử phía nam của quán. Tấn Huệ đế mới sửa lại quán này”

Ngọa tà dương; “Môn tiền cổ kiệt ngọa tà dương”, trước cửa quán, hòn đá chòm nằm trơ trong nắng chiều. Có thể cùng bắt gặp một cảm hứng như vậy trong một bài từ của Ông, làm theo điệu từ “Hoán kê sa” (Toàn mặt hồng trang khán sứ quân), câu kết như vầy:

Đạo phùng túy tẩu ngọa tà dương

Giữa đường, người ta gặp ông cụ say nằm trơ giữa nắng chiều. Có lẽ đó là cảnh khi ông bị đày ra ở Hải Nam. Lúc đó đã già lắm rồi. Một già, một trẻ, cùng một quãng đời chìm nổi, cách xa nhau, mà vẫn cùng một tiết điệu, một cảm hứng, một phong vận tài hoa kỳ lạ, giữa những mòn mỏi tiêu dao của tuế nguyệt:

Đá mòn phơi nẻo tà dương.

Nằm nghe nước lũ khóc chùng cuộc chơi

Trước cửa quán, hòn đá chòm nằm trơ trong nắng chiều.

Ngắm sự đời, như nước chảy, trôi đi và đi mất, thấy mà đau.

Cho đến nay vẫn còn có người không thiết sự đời — tức Ông — ngậm ngùi cho Tấn Huệ đế — mộng trường sinh hóa thành bất đắc kỳ tử. Cũng có người vẫn còn bắt chước Tân Thủy Hoàng, gượng sửa lại cái miếu hoang.

Đan sa ngày đó luyện thuật trường sinh, nay không dùng nữa, chìm dưới giếng, làm đỏ cả nước giếng.

Bạch truyệt ngày đó, nay thấy có người lấy làm nhang đốt trong bếp.

Nghe đâu thần tiên cũng thường có giao thiệp với người đời. Vậy có lẽ cụ già cày ruộng kia chắc là lão tiên Canh Tang Sở.

4.

VI TUYẾT HOÀI TỬ DO

(I)

Kỳ dương [5]cửu nguyệt thiên vi tuyết

Dĩ tác tiêu điều tuế mộ tâm

Đoàn nhật tổng hàn châm xử cấp
Lãnh quan vô sự ốc lô thâm[6]
Sâu trường biệt hậu năng tiêu tửu
Bạch phát thu lai dĩ thượng trâm
Cận mãi điều cừ[7] kham xuất tái
Hốt tứ thặng truyền vấn tây sâm

(2)

Giang thượng đồng [8] chu thi mãn hiệp
Trịnh tây phân mã [9] thể thù ung
Vị thành báo quốc tầm thơ kiếm
Khởi bất hoài qui úy hữu bằng
Quan xá độ thu kinh tuế vãn
Tự lậu kiến tuyết dữ thù đặng
Điều tri độc Dịch đông song[10] hạ
Xa mã xao môn định bất ung

微雪怀子由

(1)

岐阳九月天微雪，
已作萧条岁暮心。
短日送寒砧杵急，
冷官无事屋庐深。
愁肠别后能消酒，
白发秋来已上簪。
近买貂裘堪出塞，
忽思乘传问西琛。

(2)

江上同舟诗满篋，
郑西分马涕垂膺。
未成报国惭书剑，
岂不怀归畏友朋。
官舍度秋惊岁晚，
寺楼见雪与谁登。
遥知读《易》东窗下，

车马敲门定不应。

Bây giờ là năm nhâm dần (1060), Ông 27 tuổi, làm một chức quan nhỏ tại phủ Phụng Tường. Chức quan Ông nhỏ, mà tài Ông cao, chí Ông lớn. Cho nên, người đời nói, trong hai bài thơ này, tình tự Ông ẩn hiện những uẩn khúc, cũng khá kỳ lạ. Đó là tâm sự của tuổi già với cái tuổi 27, thấy trong bài 1, các câu: từ 2-5; nhưng vẫn là phong vận trẻ trung, thấy được nơi bài 1 trong câu 6. Bài 2 mới thật sự tỏ rõ cái cao ngạo và thị tài của tuổi trẻ.

Tháng 11 năm trước, Ông chia tay Tử Do ở Trịnh Châu (thuộc tỉnh Hà Nam) để đi Phụng Tường; lúc chia tay ngoài cửa Tây, ngồi trên ngựa, Ông làm thơ gởi lại Tử Do, với 4 câu cuối:

Hàn đặng tương đối ký trừ tích
Dạ vũ hà thời thịnh tiêu sắt
Quân tri thử ý bất khả vong
Thận vật khổ ái cao quan chức.

Đại khái, hai anh em cùng đang ngồi dưới ngọn đèn mờ nhạt mà tính nhảm, biết bao giờ cùng ngồi nghe mưa đêm tiêu sắt? và Ông dặn em đừng bao giờ quên ý đó, nên đừng buồn bả đuổi theo chức quan cao.

Tháng 9, tại huyện Kỳ Dương, trời đổ tuyết nhẹ;
Cũng đủ làm cho tâm tình trong cảnh năm già trở nên vẻ xơ xác.
Ngày vắng, tiếng chày xua đuổi cái lạnh nghe như vội vã.
Viên quan nhỏ, không việc gì, ngồi trong nhà tranh hun hút
Gan ruột sầu héo có thể làm tiêu tan được rượu,
Tóc trắng, mùa thu tới, đã thấy như cài trâm.
Vừa mới bán chiếc áo lạnh lông điếu, nên không dám đi chơi xa.
Bỗng nghĩ đến việc ruỗi xe đi tìm cái lạnh.

Năm xưa, hai anh em cùng dong thuyền, xách theo những túi thơ đầy
Năm ngoái, chia tay nhau rẽ ngựa ngoài cửa tây Trịnh Châu, nước mắt ướt đầm
ngực.

Chưa làm nên sự nghiệp với đời nên thẹn cùng sách và kiếm.
Há không mong trở về; nhưng về lúc này hẳn là ngại với bạn bè.
Nhà quan qua mùa thu, kinh sợ cho năm đã quá xế
Trên nóc chùa đã đầy tuyết, nhưng không biết rủ ai cùng lên đó.
Tương chừng em hẳn ngồi đọc kinh Dịch bên cửa sổ mái tây.
Lúc đó, dù xe ngựa có đến gõ cửa, hẳn là không đáp lại.

5.

Cuối năm Nhâm Dần, bấy giờ Ông đang công tác tại Kỳ Dương; lúc mọi người đang sửa soạn ngày tết, nhớ nhà, Ông làm ba bài thơ gửi Tử Do: Quĩ tuế, Biệt tuế và Thủ tuế. Đây trích một bài. Phong tục ở đất Tây Thục, quê của ông, cuối năm người ta tặng đồ ăn cho nhau gọi là “quĩ tuế”; mang rượu và thức ăn tặng nhau thì gọi là “biệt tuế”; kể từ đêm trừ tịch cho đến rạng ngày nguyên đán mà không ngủ, gọi là “thủ tuế”, thức đêm để canh chừng một năm cũ rắp qua và một năm mới sắp đến.

Thủ pháp già dặn và lời thơ điềm đạm, tạo cho thành một khí vị rất cổ kính. Cái đó không những phản ánh một nỗi nhớ, hoài vọng quê hương, mà còn phản ánh cái ray rứt kỳ lạ của ngày tháng trôi đi biên biệt. Cảnh đưa đón cuối năm, coi cũng có vẻ tấp nập, nhưng không che dấu nỗi cái lạnh nhạt: nhà quan thì vắng bóng những người bạn cũ, mà làng xóm thì nhộn nhịp chờ đón những ngày mới sẽ đến. Tình dù có, cũng bằng không. mấy câu thơ cuối trong bài “Quĩ tuế”

Quan cư cố nhân thiếu
Lý hạng giai tiết quá
Diệp dục cử hương phong
Độc xướng vô nhân họa

Nhà quan người thừa bóng
Thôn ấp rộn ngày vui
Quê cũ tình dẫu đượm
Tình riêng nói với ai

Năm cũ sắp qua đi qua, như một con rắn đang chui vào lỗ, làm sao bắt nó lại?
Năm lấy đuôi, cũng bằng vô dụng. ngày tháng trôi đi như con rắn trườn đi; cái hoài vọng ở đó quá khắc nghiệt và độc hại.

BIỆT TUẾ

Cố nhân thích thiên lý
Lâm biệt phượng trì trì
Nhân hành do khả phục
Tuế hành na khả truy
Văn tuế an sở chi
Viễn tại thiên nhất nha
Dĩ trực đông lưu thủy
Phó hải qui vô thì
Đông lân tửu sơ thực
Tây xá trệ diệp phi
Thả vị nhất nhật hoan

Ủy thử cùng niên bi
Vật sai cữ tuế biệt
Hành dữ tân niên từ
Khứ khứ vật hồi cố
Hoàn quân lão dữ suy

别岁

故人适千里,

临别尚迟迟。

人行犹可复,

岁行那可追。

问岁安所之,

远在天一涯。

已逐东流水,

赴海归无时。

东邻酒初熟,

西舍彘亦肥。

且为一日欢,

慰此穷年悲。

勿嗟旧岁别,

行与新岁辞。

去去勿回顾,

还君老与衰。

Cố nhân lên đường đi xa

Lúc chia tay vẫn còn bịn rịn

Người đi còn mong có ngày trở lại;

Năm tháng ra đi, làm sao đuổi theo kịp?

Hỏi thử, “năm” đi đâu?

Đi xa đến một ven trời nào?

Hay đã theo dòng nước chảy xuôi về đông,

Đổ vào biển và không bao giờ trở lại?

Xóm đông, rượu vừa chín;

Nhà mé tây, lợn nái cũng vừa mập thêm ra

Hãy cứ vui cho hết trọn một ngày

Để bù lại trọn một năm đây sầu héo.

Đừng quên già từ một năm cũ,
Và hãy để cho năm cũ già từ năm mới.
Bảo nó hãy đi đi,
Đừng có quay đầu lại.
Gởi trả lại nó tuổi già và sức yếu kém.

6.

LÂU QUÁN[11]

Điều thảo viên hô trú bế môn
Tịch liêu thù thức Cổ hoàng tôn[12]
Thanh ngư[13] cửu dĩ từ viên ách
Bạch hạc lai thời phỏng tử tôn
Sơn cận sóc phong xuy tích tuyết
Thiên hàn lạc nhật đạm cô thôn
Đạo nhân ung quái du nhân chúng
Cấp tận giai tiền tỉnh thủy hồn

樓觀

鳥噪猿呼晝閉門，
寂寥誰識古皇尊。
青牛久已辭轅輅，
白鶴時來訪子孫。
山近朔風吹積雪，
天寒落日淡孤村。
道人應怪遊人眾，
汲盡階前井水渾。

Ông tự dẫn: “Từ Thanh Bình trấn, chơi tại các nơi: Lâu quán, Ngũ quận, Đại tần, Diên sinh, Tiên du. Vừa đi vừa về hết 4 ngày, làm được 11 bài thơ gửi xá đệ Tử Do”

Khí vị của thơ là hoài cổ, phảng phất âm hưởng thời Đường; đặc biệt là nơi hai câu 5-6.

Chim gào vượn hú; ban ngày vẫn đóng cửa.
Đìu hiu vắng vẻ, ai biết ngài Cổ hoàng tôn đi đâu?
Con trâu xanh của ngài, từ lâu đã cởi bỏ cái ách, cái gọng;
Và bây giờ, con hạc trắng bay đến hỏi thăm con cháu.
Núi gần đó, gió bắc thổi tung những đống tuyết.
Trời lạnh, mặt trời ngã bóng nhạt trên xóm vắng.
Có lẽ đạo nhân lấy làm lạ, sao du khách đông thế!
Họ uống sạch hết cả một giếng nước phía trước sân.

7.

THỌ KINH ĐÀI[14]

Kiểm vũ hữu thần thông thảo thánh[15]

Hải sơn vô sự tác cầm công

Thủ đài nhất lãm Tần xuyên[16] tiêu

Bất đãi truyền kinh ý dĩ không

授經臺

劍舞有神通草聖，

海山無事化琴工

此台一覽秦川小

不待傳經意已空

Những ngọn cỏ với dáng dấp cao kỳ như Thánh, khi đong đưa, trông như những ngọn thần kiếm đang vũ lộng.

Núi và sông, nhàn rồi vô sự, tự nhiên trở thành những tay thợ đàn.

Chỉ một lần nhìn thấy đài này rồi, cả một dãy Tần xuyên thành ra nhỏ bé.

Không phải đợi nghe được lời kinh, mà ý đã là không.

8.

THIÊN THƯỢNG TIỂU THI

Oa minh thanh thảo bạc

Thiên thảo thụ dương phổ

Ngô hành diệc ngẫu nhiên

Cập thử tân quá vũ

船上小詩

蛙鳴青草泊，

蟬噪垂楊浦。

吾行亦偶然，

及此新過雨。

Ếch kêu bên thanh thảo

Ve khóc bãi thụ dương

Ta đi cùng ngẫu nhĩ

Đến đó mưa qua đường.

[1] **TẤN HUỆ** Tấn Huệ đế, làm vua từ 290 -300, bị đầu độc mà chết. Sửa miếu lão Tử, là cốt ý muốn tìm học phép trường sinh. Rồi trường sinh và bất đắc kỳ tử: nghìn năm vẫn một nỗi đời

[2] **TẦN HOÀNG** Tần Thủy Hoàng, mộ phép trường sinh của Đạo gia. Nghe đồn ngoài khơi Đông hải có đảo Bồng Lai của tiên, có thuốc trường sinh; cho đóng thuyền và sai

bọn An Kỳ Sinh đi kiếm. Nhưng họ đi không về. Và cơ nghiệp đế vương của Tần Thủy hoàng cũng không lâu.

[3] ĐAN SA, BẠCH TRUẬT, các loại dược thảo làm thuốc luyện thuật trường sinh của đạo sĩ.

[4] CANH TANG. Canh Tang Sở, được nói đến trong thiên “Canh Tang Sở”. Nam hoa kinh của Trang Tử; ông là đệ tử đắc đạo của Lão Tử

[5] KỲ DƯƠNG, tên huyện ở phía đông huyện Phượng Tường. Ngày 20 tháng 9 năm Nhâm Dần, trời đổ tuyết nhẹ. Ông nhớ Tử Do, làm thơ

[6] ỐC LÔ THÂM, nhà tranh hun hút. Kỷ Hiểu Lam phê: ba chữ đó (tuyền thần). Ở đây bóng dáng Ông ẩn hiện trong cái không khí u trầm, phảng phất tâm trạng mùa thu tóc trắng. trời lạnh, tiếng chày nghe như rộn rã, gấp rút, xua đuổi cái lạnh đi xa.

[7] ĐIÊU CỬU, Áo lạnh làm bằng lông con điếu. Tử điếu Thiều Chửu: Điếu là một loài chuột to như con rái cá, đuôi to lông rậm dài hơn một tấc, sắc vàng và đen, sinh ở xứ rét, da nó làm áo mặc rất ấm, nên rất quý báu.

[8] GIANG THƯỢNG ĐỒNG CHÂU... Nhắc lại những ngày hai anh em cùng dong thuyền du lãm và làm thơ.

[9] TRỊNH TÂY PHÂN MÃ: Năm trước, hai anh em rẽ ngựa chia tay ngoài cửa tây thành Trịnh Châu.

[10] ĐÔNG SONG ĐỘC DỊCH: ngồi đọc kinh Dịch ở cánh cửa sổ dưới mái đông. Chỗ đó tỏ ý chờ đợi, và đọc Dịch tỏ chí lớn. Ở đây chỉ việc đang hoài bão chí lớn (Quản Ninh và Hoa Hâm cùng ngồi đọc sách. Xe ngựa đi ngang trước cửa, Hoa Hâm bỏ sách chạy ra xem. Từ đó Quản Ninh xẻ chiếu, dứt tình bạn vĩnh viễn)

[11] Lâu quán, xem chú dẫn ở trên

[12] Cổ hoàng tôn, chỉ Lão Tử (của Đạo gia). Ba chữ này làm cho cả bài thơ có tiết điệu và phong vận tiêu sái riêng của Ông.

[13] Thanh ngư, con trâu xanh. Tương truyền Lão Tử cưới con trâu xanh ra quan ngoại, sau khi viết để lại bộ “Đạo đức kinh” rồi đi mất.

[14] THỌ KINH ĐÀI, đài trao kinh. Ông tự chú: “Đó là một ngọn núi trong dãy Nam sơn chứ không phải là một cái đài được dựng lên”

[15] Thảo thánh, Thánh cỏ hay cỏ thánh; mô tả những ngọn cỏ đong đưa theo gió một cách tuyệt diệu. Nhưng cũng chính từ cái Thảo thánh này làm cho bài thơ trầm trọng ra.

[16] Tần xuyên, một dãy đất Thiểm tây.

II.

Trời thu cao cây lá ngủ mơ hồ (1072-1079)

LỜI DẪN

Trời mùa Thu, là trời cho nổi sâu Riêng Biệt của Thơ. Trời Thu thường quạnh ráo, nen cao vợi không cùng. Càng cao, càng trong, càng tĩnh lặng trong điệu buồn thiên cổ. Cũng ở chỗ đó mà trời Thu đẹp với cốt các điểm lệ kiều kỳ. Điểm lệ kiều kỳ như Nàng Tây Tử.

Tuy nhiên, trời Thu cũng thường có mưa gió, cũng có mùa nước lũ. Vậy thì, buồn tĩnh lặng của vòm trời nhưng cũng là nỗi buồn xôn xao của mặt đất. Tây Hồ và

Tây Tử, hoặc xô xao với mưa gió và xiêm y; hay tư lự khi quạnh ráo hay lộn hết trang phục, nét thanh tân tú lệ vẫn là cốt cách tài hoa:

Dục bả Tây Hồ tí Tây Tử

Đạm trang nùng diễm tổng tương nghi

Trong ngọn gió thu, bàng bạc có những cuộc giao tình. Tình của Thiên nhiên bủa rộng bao la và tình của những tao nhân tri ngộ. Ở đây Lịch sử hoá thân nơi mùa thu và tóc trắng. Cuộc lịch nghiệm nghe ra những thống thiết nguyên sơ.

I.

Mắt người mang cả quê hương

Lòng ta mang cả đoạn trường tháng năm

(HOÀI KHANH)

Năm Hi ninh thứ 5, nhâm tý (1072), Ông 37 tuổi, bấy giờ ra giữ chức thông phán tại Hàng châu. Trước đó, năm ất tỵ (1065), Ông được triệu về kinh sư, làm việc tại sử quán. Cho đến năm 36 tuổi, tân hợi (1071), lúc đang giữ chức Giám quan cáo viện; nhân việc Vương An Thạch muốn sửa đổi thể lệ thi cử, Thần tông đưa ra cho Lương chế và Tam quán nghị sự. Ông dâng lên Thần tông ba điểm, khiến đảng Vương An Thạch bất mãn, nên tìm có vu tấu những lỗi lầm của Ông. Ông không một lời biện hộ, xin đi ngoại nhiệm để tránh. Do đó được cử đi làm thông phán tại Hàng châu. Lúc mới đến được hàng châu, Ông làm hai bài thơ tuyệt cú gửi Tử Do, lời có 1 đôi chút than trách pha lẫn vẻ trào lộng. Đại để như 2 câu:

Thánh triều khoan đại hứa toàn thân

Suy bệnh tồi đời tự ý nhân

Ông nói đến bệnh hoạn của mình và làm như có vẻ sợ thiên hạ

Những bài thơ Ông làm kể từ năm 36 tuổi về sau, phong vận không thay đổi, nhưng tình tự hình như đã biến cách rất nhiều. Rồi ta sẽ thấy, càng già dặn phong trần, tình quê hương của Ông càng thấm thiết. Thơ Ông như là những đồng vọng từ phương trời diêu vợi vủa quê hương. Đó là một thứ tình cảm hoài vọng thoát trông có vẻ dung dị, bình thường, nhưng càng đọc thơ Ông, càng thấy cái tình đó mở ra một trời thơ bát ngát

Văn Trường lão, một nhà sư đồng hương với Ông, hình như là hiện thân cụ thể của một cõi nào đó trong thơ Ông. Cho nên, những bài thơ Ông làm tặng nhà sư này đều từ một cảm hứng tự nhiên và rất bình thường, nhưng cũng từ đó, thơ bỗng chuyển thành âm hưởng kỳ lạ, vọng tới một khát vọng u trầm nào đó. Cõi thơ có thể là nơi trường mộng của đêm dài sinh tử, mà cũng chính ở đó là cõi Hu Không tịch mặc, với một màu xanh thắm nhưng xa xôi không cùng tận.

Ba bài thơ trích ở dưới đây, Ông làm rải rác trong các thời gian khác nhau. Đọc chung một lần, sẽ thấy cốt cách của Ông, và đó là cốt cách cho suốt cả thời gian Ông làm thông phán tại Hàng châu.

Bài thứ nhất, sau khi đến Hàng châu một năm, trên đường đi Nhuận châu, Ông ghé thăm. Sáu năm sau, Ông đến thăm lần nữa, bấy giờ Văn trưởng lão bệnh. Mười năm sau, từ Hàn lâm học sĩ, Ông ra làm thái thú Hàng Châu, bấy giờ Văn đã tịch

BÀI THỨ NHẤT

秀州報本禪院
鄉僧文長老方丈

TÚ CHÂU[1] BÁO BẢN THIỀN VIỆN

HƯƠNG TẶNG VĂN TRƯỞNG LÃO PHƯƠNG TRƯỢNG

Vạn lý gia sơn nhất mộng trung
Ngô âm[2] tiệp dĩ bốn nhi đồng
Mỗi phùng Thục tẩu[3] đàm chung nhật
Tiện giác Nga mi[4] thúy tảo không
Sư dĩ vong ngôn chân hữu đạo
Ngã trừ sưu cú bách vô công
Minh niên thái dược Thiên thai[5] khứ
Cánh dục đề thi mãn Triết đông[6]

萬里家山一夢中，
吳音漸已變兒童。
每逢蜀叟談終日，
便覺峨眉翠掃空。
師已忘言真有道，
我除搜句百無功。
明年採藥天台去，
更欲題詩滿浙東。

Quê hương diệu vợi tưởng chừng như trong một giấc mộng.
Bấy giờ, giọng của ta đã dần dần bập bẹ như giọng trẻ nít
Nhưng mỗi lần gặp cụ Thục thì vẫn còn bàn bạc suốt cả một ngày.
Rồi bỗng thấy ra ngọn núi Nga Mi xanh mượt quét bầu trời
Sư đã quên lời, quả tình là sư đã có Đạo
Tôi thì ngoài việc tìm câu nổi chữ, hoàn toàn vô công.
Sang năm sẽ vào núi Thiên thai hái thuốc để cầu Đạo
Những vẫn còn muốn đề thơ đây cả Triết đông

**BÀI HAI:
DẠ CHÍ VĨNH LẠC VĂN TRƯỞNG LÃO VIỆN**

Dạ vãn[7] Ba tẩu[8] ngọa hoang đôn[9]
Lai đả tam canh nguyệt hạ môn
Vãng sự[10] quá niên như tạc nhật
Thử thân vị tử đắc trùng luân
Lão phi hoài thổ tình tương đắc
Bịnh bất khai đường đạo ích tôn
Duy hữu cô thê cụ thời hạc
Cử đầu kiến khách tợ trường ngôn

愁聞巴叟臥荒村，
來打三更月下門。
往事過年如昨日，
此身未死得重論。
老非懷土情相得，
病不開堂道益尊。
惟有孤棲舊時鶴，
舉頭見客似長言。

Ban đêm, Ông đến Vĩnh Lạc, thăm Văn trưởng lão. Bấy giờ trưởng lão ngọa bệnh không tiếp khách. Ông làm thơ tặng. Từ và ý của bài thơ cũng bình thường. Nhưng nếu đã đọc lại bài thơ Ông tặng Văn trưởng lão ở trên, và sẽ đọc một bài khác sau này nữa, ta sẽ thấy nơi Ông, tình thơ và tình quê hương là hai mối tình khăng khít. Tình quê hương thì thấp thoáng như những bóng hình trong mộng. Tình thơ thì hiu hắt như đồng vọng không lời của hư không.

Chừng đêm, hay cụ Ba thực ngọa bệnh nơi xóm vắng;
Canh ba đến gõ cửa dưới trăng
Chuyện qua năm trước, trông như vừa hôm qua;
May nhờ cái thân này chưa chết nên được cùng ngài chuyện trò nữa.

Cụ tuổi già mà không phải là hạng bo bo (khép kín miệng) cho nên tình lại càng tương đắc;

Nhưng lúc này cụ bệnh, không khai đường, không tiếp khách hay giảng đạo, thì cái đạo của cụ lại càng thêm cao. (Ông muốn nói, đến thăm, dù không được tiếp chuyện mà vẫn không có ý trách).

Chỉ có con hạc tự năm nào vẫn đứng lẻ loi ở đó.

Ngẩng đầu nhìn khách vẻ như đã nói rất nhiều.

BÀI BA:

過永樂文長老已卒

QUÁ VĨNH LẠC VĂN TRƯỞNG LÃO DĨ TỐT

Sơ kinh hạc sấu bất khả thức
Tuyền giác vân qui vô xứ tìm
Tam quá môn gian lão bệnh tử
Nhất đàn chỉ khoảnh khứ lai kim
Tồn vong quân kiến hồn vô lệ
Hương tỉnh[11] nan vong thượng hữu tâm
Dục hướng Tiên đường phỏng Viên Trạch[12]
Cát Hồng[13] xuyên bạng đãi thu thâm

初驚鶴瘦不可識
旋覺雲歸無處尋
三過門間老病死 一彈指頃去來今
存亡慣見渾無淚
鄉井難忘尚有心
欲向錢塘訪圓澤
葛洪川畔待秋深

Ban đầu, sừng sốt vì cánh hạc đã hao gầy mà không hay.

Nhưng vừa tỉnh cơn sừng sốt, thì cụm mây trời đã bay về nơi không vết tích.

Người đời có ba cửa ải: già, bệnh và chế (mà ngài đã đi qua hết cả ba).

Cuộc đời thoáng trong một cái búng tay là đủ cả cái đã qua, cái đang đó và cái sẽ đến (bây giờ ngài trong một thoáng đó mà đã là thiên thu)

Chuyện mắt còn nhìn đã quen, nên nước mắt ráo quạnh;

Nhưng cái tình hương lý khó nguôi được trong lòng.

Tôi muốn đến Tiên đường hỏi thăm Viên Trạch.

Tiên Cát Hồng đứng bên bờ suối đợi cái thu già.

2.

湖上飲

HỒ THƯỢNG ẨM

(I)

Triêu hi nghinh khách diễm trùng cương
Vãn vũ lưu nhân nhập túy hương

Thử ú tự giai quân bất hội
Nhất bôi đương chúc thủy tiên vương[14]

朝曦迎客艷重岡
晚雨留人入醉鄉
此意自佳君不會
一杯當屬水仙王

(II)

Thủy quang liễm diễm tình phương hảo
Sơn sắc không mông vũ diệp kỳ
Dục bả Tây hồ[15] tỉ Tây Tử[16]

Đạm trang nùng mặt tổng tương nghi.

水光潋灩晴方好
山色空濛雨亦奇
欲把西湖比西子
淡妝濃抹總相宜

Nguyên đề: “Âm Hồ thượng sơ tình hậu vũ nhị thử”. Uống rượu trên tây hồ, vừa tạnh sau cơn mưa, 2 bài.

Bút pháp trong bài vô cùng độc đáo, nên thường được truyền tụng. Khi trời mưa, hồ được bao phủ trong lớp bụi mờ như nàng Tây Thi khoác lên mình lớp áo lụa mỏng. Lúc trời tạnh ráo, cảnh hồ lộ liễu như nàng Tây Thi đẹp với vẻ trong ngọc trắng ngà. Có thể thấy cái tài hoa lãng mạn của Ông trong lối thơ ngoạn cảnh như bài này.

(Bài I)

Nắng mai đón khách rải vẻ tươi thắm trên những sườn núi chập chùng
Buổi chiều, cơn mưa cầm chân khách, rồi đưa khách vào làng say
Tình ý đó bộc lộ một cách nông nản mà tự nhiên cho những người ngoạn cảnh.
Vậy hãy nâng một chén mời ngài Thủy tiên vương.

(Bài II)

Mặt nước sáng lóng lánh, mưa vừa tạnh trông càng đẹp
Sắc núi quạnh ráo, mưa lại càng làm cho trông lạ ra.
Có thể đem Tây hồ mà sánh với nàng Tây Tử
Dù trang diễm sơ sài, hay rửa sạch hết phấn son, cả hai đều diễm lệ

3

DU TÂY BỒ ĐỀ TỰ

Lộ chuyển sơn yêu vị túc di
Thủy thanh thạch sáu tiện năng ký
Bạch vân tự chiếm đông tây lãnh
Minh nguyệt thùy phân thượng hạ trì
Hắc tất hoàng lương sơ thực hậu
Chu cam lục quất bán kiềm thì
Nhân sinh thử lạc tu thiên phó
Mạc khiến nhi lang thủ thứ tri

遊西菩寺
路转山腰足未移
水清石瘦便能奇
白雲自占东西嶺
明月谁分上下池
黑黍黄粟初熟候
朱柑绿橘半甜時
人生此樂須天付
莫遣兒曹取次知

Kỷ Hiếu Lam, nhà bình thơ Đông Pha khá nổi tiếng, nói, nội một bài này đã đủ mở ra thì phái Kiếm nam.

Kiếm nam là đất Tứ xuyên, phong thổ đó đã lôi cuốn được tay thi bá một thời: Tống Lục Du. Rồi tên đó trở thành tập sách bất hủ của Lục Du.

Niên hiệu Hi ninh thứ 7 (1074), theo lời chú của ông, ngày 27 tháng 8, ông cùng Mao Quan Bảo và Úy Phương Quân Vũ đi chơi ở Minh Trí viện trên núi Tây bồ; tương truyền thơ đề khắc vào đá nay vẫn còn (?). Chùa Tây bồ (đề) cách huyện Tiềm (?) 25 dặm.

Bài thơ tả những phong thổ và nhân tình. Cảnh trí thơ mộng với những con đường uốn lượn quanh co qua eo núi, với những dòng nước trong, những tảng đá gầy ngộ nghĩnh, những cánh đồng nức mùi lúa chín, những khu vườn đầy cam quít. Không cần ngụ tình mà tình vẫn đẹp, đó cũng là chỗ độc đáo trong lối thơ ngoạn cảnh của Ông.

Dịch nghĩa. _ Đường đã chuyển quanh eo núi mà chân chưa dời bước.

Nước trong, đá gầy, càng trông lạ.

Mây trắng chiếm trọn một giải từ ngọn núi đông sang tây.

Trắng sáng, như chia ao ra làm trên và dưới.

Lúa hắc thử, thóc hoàng lương vừa đến độ chín
Cam đỏ quít xanh đang nửa mùa ngọt
Cái vui đó của cuộc nhân sinh phải nói là của trời cho.

Đừng để lại cho con cháu coi thường điều ấy. (Có lẽ ông ngụ ý chê tân pháp của Vương An Thạch; cái thanh bình giả tạo của người không sao hơn nổi cái vui có sẵn của trời cho)

4.

Những bài thơ cảm hứng từ nhạc, ít khi được phô diễn trực tiếp. Âm thanh phát ra từ cung bậc của nhạc, vượt ra ngoài sự rung động bình thường; nó rung từ một chiều sâu bất tận. Do đó, tiếng nhạc khi kích động dòng cảm hứng của thơ, không còn là những tiếng có thể nghe bằng lỗ tai. Các thi sĩ Trung Hoa cũng thường làm các bài thơ gọi hứng từ nhạc, mà được truyền tụng nhiều nhất có lẽ là bài “Cầm sát” của Lý Thương Ẩn, với các câu độc đáo:

Trang Chu hiểu mộng mê hồ điệp
Vọng đế xuân tâm thác đổ quyên
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên.
Khúc đầu đằm ấm dương hòa
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh
Khúc đầu êm ái xuân tình
Ấy hồn Thục đế hay mình Đỗ quyên
Trong sao châu dạ duềnh quyên
Ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông

Một bài khác của Lý Hạ với những âm hưởng kỳ dị: Nghe Lý Bằng đàn Không hầu. Đàn này là một loại nhạc khí được chế từ đời Hán, có gốc ở rợ Hồ; hình gãy và dài, có 23 dây. Lý Bằng là tay đàn trong đám nhạc công của Đường Huyền Tôn. Những câu tiêu biểu trong bài thơ này của Lý Hạ:

Côn sơn ngọc toái, phượng hoàng khiếu
Phù dung khắp lộ, hương lan tiếu
Thập nhị môn tiền dung lãnh quang
Nhị thập tam ty động Tử hoàng
Nữ Oa luyện thạch bổ thiên xứ
Thạch phá thiên kinh đậu thu vũ
(.....)
Lộ cước tà phi thập hàn thổ

Tiếng đàn như tiếng ngọc rạn vỡ trên Côn sơn, quê hương của các loại ngọc. Tiếng đàn như tiếng phượng hoàng réo rắt. Long lanh như phù dung khóc sương sớm. Như hương lan vừa hé nụ. Mùi hai cổng thành Trường an như đẫm ánh sáng mờ lạnh lẽo. Hai mươi ba sợi tơ đàn ngân tiếng vang dội đến chín cung trời. Chỗ Nữ Oa luyện đá vá trời, tiếng đàn nghe đá vỡ, trời rung, tuôn mưa thu xuống.... Tiếng đàn như sương mù lảng vảng dưới chân; như sương mù đẫm ướt vầng trăng lạnh.

Nhạc mà nghe đến chỗ đó là đã đến mức thượng thừa. Nhưng vì lời thơ không nói thẳng vào lời nhạc được, mà luôn luôn phải thác lời vào những cái không phải là nhạc, cho nên, dễ trở thành sáo.

Một bài thơ khác của ông, gợi hứng từ cuộc nghe đàn tranh tại chùa Cam lộ, cũng chỉ phô diễn gián tiếp cảm hứng về nhạc:

Giang phi xuất thính vụ vũ sâu
Bạch lãng phiên không động phù ngọc
Hoán thủ ngô gia song phượng tào
Khiển tác Tam giáp cô viên hào

Ở đây, tiếng nhạc lên khơi vui cho bầu trời như thu mình trong lớp bụi mưa mù. Từng tiếng nhạc bành bồng như từng hạt ngọc lóng lánh trên lớp sóng. Đôi cánh phượng múa, và con vượn lé loi kêu gào giữa sườn núi vắng.

Chỗ tận cùng của nhạc là những đồng vọng không lời, mà lời thơ lại cảm hứng từ đồng vọng đó; nghe đã khó mà nghe qua lời thơ lại càng khó.

Bài thơ của ông được trích dưới đây cũng nằm trong chỗ khó này. Nó chỉ nói cái cảnh chung quanh chỗ tấu nhạc, mà không nói thẳng tiếng nhạc. Nhưng nghe được từ chỗ đó, thì thấy tình tự tài hoa của ông. Dĩ nhiên, không thể bàn cho thấu đáo nổi. Trừ phi muốn nói lai rai mà chơi.

THÍNH HIỆN SƯ CẨM

Đại huyền xuân ôn hòa thả bình
Tiểu huyền liêm chiết lượng dĩ thanh
Bình sinh vị thức cung dữ giốc
Đản văn ngư minh ảnh trung
Trĩ đang mộc môn tiền bác trắc
Thùy khẩu môn sơn tăng vị nhàn
Quân vật sân
Qui gia thả mịch thiên hộc thủy
Tĩnh tẩy tùng lai tranh địch nhĩ

聽賢師琴

大絃春溫和且平
小絃廉折亮以清
平生未識宮與角
但聞牛鳴盎中
雉登木門前剝啄
誰叩門山僧未閑
君勿嘖
歸家且覓千斛水
淨洗從前箏笛耳

Sư Hiền là ai thì không rõ, nhưng tài chơi đàn của sư có lẽ khá tuyệt vời. Nghe sư đàn, ông có cảm tưởng những tiếng nhạc được nghe trước đây chỉ như tiếng trâu rống trong ảng sành hay tiếng chim sẻ mổ cánh cửa gỗ; rửa sạch cái lỗ tai đó, cũng phải mất hết hàng nghìn thùng nước.

Tiết điệu thơ bắt nhịp với cảm hứng thơ, tạo cho bài thơ có phong vận tiêu sái đặc biệt.

* * *

Giây lớn tỏa hơi ấm mùa xuân, vừa thông thả vừa nhịp nhàng.
Giây nhỏ nghe thanh thót, gãy gọn, mà trong sáng
Bình sinh, tôi chưa biết cung và giốc là gì
Chỉ nghe tiếng trâu rống trong ảng sành
Hoặc con chim sẻ đậu trước cửa gỗ, mổ và rỉa
Rồi có ai đến gõ cửa, thầy không còn rảnh nữa
Ngài đừng giận!
Về nhà, hãy kiếm một nghìn thùng nước,
Rửa sạch cái lỗ tai vướng những tiếng tranh tiếng sáo trước kia.

5.

HỌA TỬ DO TỔNG XUÂN

子由送椿

Mộng lý thanh xuân khả đắc truy
Dục tương thi cú bạn dư huy
Tửu lan bệnh khách duy tư thụ
Mật thực hoàng phong diệc lại phi
Thược dược anh đào cu táo địa
Bính ti thiên sắp tưỡng vong ki
Bằng quân tá thủ pháp giới quán
Nhất tảo nhân gian vạn sự phi

夢裏青春可得追
欲將詩句絆餘暉
酒闌病客惟思睡
蜜熟黃蜂亦懶飛
芍葯櫻桃俱掃地
鬢絲禪榻兩忘機
憑君借取法界觀
一洗人間萬事非

Bài họa thơ Tống xuân của Tử Do

Bấy giờ là cuối mùa xuân năm ất mão (1075), Ông 40 tuổi, đã đổi sang làm quan ở Mật châu. Bài trích là một trong bốn bài họa gởi cho Tử Do. Ông với Tử Do, ngoài tình anh em, còn có mối giao tình thi tứ rất đậm đà, nên những bài thơ qua lại mang nỗi ngậm ngùi khôn tả.

Trong thời này, Ông phải ra đi một cách bất đắc dĩ, để tránh tai họa; ẩn tình đó còn thấy rõ ở bài khác: vị ung hời thủ yếm lung tù, chưa dám quay đầu, vì còn sợ tù đầy giam hãm.

Suốt tám năm đi thông thú các nơi: Hàng châu, Mật châu, rồi Từ châu, thơ Ông phần nhiều bị gò bó, rất ít bài có phong vận tài hoa cố hữu. Những bài thơ làm để thù tạc thì không đáng kể. Chúng vẫn hay về âm vận thanh tao, bút pháp điêu luyện, nhưng vẫn chỉ là thù tạc. Những bài khác, thường vương cái sầu héo, hiu hắt, của một người lữ khách bất đắc dĩ:

Thanh xuân thấp thoáng mộng dài

Muốn đem thi tứ dệt lời tà huy

Tuổi thanh xuân chỉ còn tìm thấy thấp thoáng trong giấc mộng.

Nên chỉ muốn mượn câu thơ kết dệt cái ánh tà huy còn sót lại của một đời người.

Rượu đã tàn, người mệt mỏi, chỉ tưởng đến giấc ngủ cho xong.

Mật đã chín, mà con ong vàng lại biếng bay.

Thược dược và anh đào rải đầy mặt đất.

Mái tóc bạc trắng và chiếc giường thiền, cả hai cùng lở cả.

Chi bằng mượn môn Pháp giới quán của nhà Phật,

Để một lần rửa sạch hết vạ sự trong nhân gian, tất cả là không cả.

8.

Năm đinh tị (1077), Ông 44 tuổi, từ Mật châu đổi sang Hà trung phủ, rồi đến tháng 4 năm đó lại đổi sang Từ châu. Trước khi đi, ông làm bài thơ lưu biệt này:

LƯU BIỆT THÍCH CA VIỆN

Xuân phong tiểu việc khước lai thì

Bích gian duy kiến sứ quân thi

Ứng vấn sứ quân hà xứ khứ
Bằng hoa thuyết dĩ xuân phong tri
Niên niên tuế tuế hà cùng dĩ
Hoa tợ kim niên nhân lão hỉ
Khứ niên Thôi Hộ khước trùng lai
Tiền độ Lưu Lang tại thiên lý

留別釋迦院

春風小院卻來時
壁間惟見使君詩
應問使君何處去
憑花說與春風知
年年歲歲何窮已
花似今年人老喜
去年崔護若重來
前度劉郎在千里

Nếu ngọn gió mùa xuân đi tới nơi chùa nhỏ,
Hẳn là chỉ thấy bài thơ của sứ quân đề trên vách.
Có lẽ sẽ hỏi sứ quân đi đâu
Nhờ hoa nói cho ngọn gió biết
Năm này rồi năm khác, bao giờ cùng tận nỗi;
Nhưng hoa vẫn còn như là hoa năm nay,
Mà người thì đã cần cõi ra rồi.
Nếu chàng Thôi Hộ năm xưa có trở lại lần nữa,
Thì chàng Lưu đã đi ngoài xa diệu vợi

Từ đầu đến cuối, ông hoàn toàn mượn ý cổ nhân. Nhưng vẫn giữ được bản sắc. So hai câu 5 và 6 của ông với hai câu Lưu Hi Di đời Đường:

Niên niên tuế tuế hoa tương tợ
Tuế tuế niên niên nhân bất đồng

Trong hai câu của Lưu Hi Di, những điệp ngữ muốn bắt theo cái nhịp vận hành, đi và đến rồi đi của tuế nguyệt, cùng cái đi mất của tuổi người. Nhưng lời còn pha nhiều vẻ tục.

Ông cũng dùng các điệp ngữ đó, nhưng cốt cách của chúng, cứ so lại sẽ thấy. Đem tài hoa mà trộn vào tục, thì cái tục trở thành thanh tao kỳ lạ!

9

ĐỘC MẠNH GIAO THI

(I)

Dạ độc Mạnh Giao thi
Tế tự như ngư mao
Hàn đăng chiếu hôn hoa
Giai xứ nhất thời tao
Cô phương[17] trạc hoang uest
Khổ ngữ dư thi tao[18]
Thủy thanh thạch tạc tạc
Thoan kích bất thọ cao
Sơ như thực tiểu ngư
Sở đắc bất thường lao
Hựu tợ chữ bành việt[19]
Cánh nhật trì không ngao
Yếu đương đấu Tăng thanh
Vị túc đường Hàn hào
Nhân sinh như triều lộ
Nhật dạ hỏa tiêu cao
Hà khổ tương lưỡng nhĩ
Thính thử hàn trùng hào
Bất như thả trí chi
Ấm ngã ngọc sắc giao.

(II)

Ngã tặng Mạnh Giao thi
Phục tác Mạnh Giao ngữ
Cơ trường tự minh hoán
Không bích chuyên cơ thử
Thì tùng phế phủ xuất
Xuất triếp sàu phế phủ
Hữu như Hoàng hà ngư
Xuất cao dĩ tự chữ
Thượng ái đồng đấu ca[20]
Bỉ lý phá cận cố
Đào cung xạ áp bãi
Độc tốc[21] đoản thoa vũ
Bất ưu đạp thuyền phiên
Đạp lãng bất đạp thổ[22]

Ngô cơ sương tuyết bạch
Xích cước hoán bạch trử
Giá dũ đập lãng nhi
Bất thức li biệt khổ
Ca quân giang hồ khúc
Cảm ngã trường cơ lữ

讀孟郊詩
細字如牛毛
寒燈照昏花
佳處一時遭
孤芳擢荒穢
苦語餘詩騷
水清石鑿鑿
湍激不受篙
初如食小魚
所得不償勞
又似煮彭虬
竟日持空螯
要當鬥僧清
未足當韓豪
人生如朝露
日夜火消膏
何苦將兩耳
聽此寒蟲號
不如且置之
飲我玉色醪

(II)

我憎孟郊詩
復作孟郊語
飢腸自鳴喚
空壁轉飢鼠
詩從肺腑出
出輒愁肺腑
有如黃河魚
出膏以自煮
尚愛銅斗歌
鄙俚頗近古
桃弓射鴨罷
獨速短蓑舞

不憂踏船翻
踏浪不踏土
吳姬霜雪白
赤腳浣白紵
嫁與踏浪兒
不識離別苦
歌君江湖曲
感我長羈旅。

Mạnh Giao, tự Đông Dã (751-814), người Lạc dương, ẩn cư Tung sơn, gần 50 tuổi mới đến Trường An thi tiến sĩ. Năm Trinh nguyên 12 (795), đậu tiến sĩ; năm sau được tuyển ra làm Phiêu dương úy. Tính cô độc đơn bạc; thơ thì khúc mắc, khắc khổ, bài nào cũng trầm buồn cùng độ; chúng như ẩn khuất một tâm sự nào đó mà lời không nói hết. Hàn Dũ rất thích thơ ông, kết bạn rất thân thiết. Mất năm 64 tuổi.

Hai bài trích ở trên, Đông Pha làm theo lối thơ khúc mắc của Mạnh Giao, gọi là thể thơ Đông dã. Kỷ Hiếu Lam phê rằng, thể đó, dù Hàn Dũ và Phàn Tông Sư đời Đường rất thích, nhưng chưa chắc đã làm nổi. Những Đông Pha cậy cái hùng tài quán triệt của mình nên không ngại.

Lối thơ này không cần giàu âm vận như các bài luật thi. Hai bài của Đông Pha rất giàu hình ảnh, mà hình ảnh nào cũng độc đáo, được gói trong các tiết nhịp khúc mắc, rất trầm buồn. Buồn một cách cô đơn kỳ lạ.

(I)

Đêm đọc thơ Mạnh Giao
Chữ nhỏ như lông trâu
Đèn nhạt rọi hoa tối
Cái hay lại gặp nhau
Khơi voi giủ cấu bợn
Khúc mắc thơ héo sầu
Nước trong đá vắng vặc
Bọt xoáy không chịu sào
Mới như ăn cá nhỏ
Cái được chẳng thấm đầu
Lại như bắt còng nấu
Trợn ngày ôm cua sao?
Có thể độ Tăng thanh
Chưa thể độ Hàn hào
Đòi người như sương sớm

Sáng tối lửa cạn dầu
Sao khổ hai tai vĩnh
Nghe sâu lạnh lẽo kêu?
Chi bằng bỏ quách đi
Mời uống chén rượu ngẫu.

(II)

Ta ghét thơ Mạnh Giao
Lại làm thể Đông dã
Bụng đói sôi sục reo
Chuột đói lẫn vách đá
Thơ từ phế phủ ra
Lại gây sâu phế phủ
Tựa như cá Hoàng hà
Phun dầu tạt nấu nó
Còn ham đồng đấu ca
Quê kệch mừng tượng cổ
Cung đào bắn con vịt
Lênh đênh múa áo lá
Không sợ đập lệch thuyền
Đập sóng chề đất thó
Vợ tở sương tuyết trắng
Chân trần giặt vải lụa
Làm vợ gã rong chơi
Không màng li biệt khổ
Hát khúc chàng giang hồ
Rầu ta mãi cô lữ

10

THỨ VẬN TẶNG TIỀM[23] KIẾN TẶNG

Đạo nhân hung trung thủy kính thanh
Vận tượng khởi diệt vô đào hình
Độc y cổ tạt chủng thu cúc
Yến bạn tao nhân xan lạc anh
Nhân gian để xứ hữu nam bắc
Phân phân hồng nhận hà tăng minh
Bế môn tọa huyết nhất thiên sáp
Đầu thượng tuế nguyệt không tranh vanh
Kim nhật ngẫu xuất vị cầu pháp
Dục dĩ tuệ kiếm gia long hình

Vân nam tân ma sơn thủy xuất
Sương tì bất tiên nhi đồng kinh
Công hầu dục thức bất khả đắc
Cố tri ý thị vô khuynh thành
Thu phong xuy mộng quá Hoài thủy
Tướng kiến quật dữ thù không đình
Cố nhân các tại thiên nhất giác
Tương vọng lạc lạc như thần tinh
Bành thành lão thú hà túc cố
Táo lâm tang dã tương yêu nghinh
Thiên sơn bất đạn hoang điểm viễn
Lưỡng cước dục sấn như nhu khinh
Đa sinh ý ngữ ma bất tận
Thượng hữu uyển chuyển thi nhân tình
Viên ngâm hạc lệ bản vô ý
Bất tri hạ hữu hành nhân hành
Không giai dạ vũ tự thanh tuyết
Thùy sử yểm ức đề cô quỳnh
Ngã dục tiên sơn chuyết dao thảo
Khuynh khuông tọa thán hà thời doanh
Bạc thơ tiên phố tận điền úy
Chữ minh thiêu lật nghi tiêu chinh
Khất thủ ma ni chiếu trực thủy
Cộng khan lạc nguyệt kim bồn doanh

次韻僧潛見贈

道人胸中水鏡清
萬象起滅無逃形
獨依古寺種秋菊
要伴騷人餐落英
人問底處有南北
紛紛鴻雁何曾冥
閉門坐穴一禪榻
頭上歲月空崢嶸
今年偶出為求法
欲與慧劍加礪硎
雲衲新磨山水出
霜髭不剪兒童驚
公侯欲識不可得
故知倚市無傾城

秋風吹夢過淮水
想見橘柚垂空庭
故人各在天一角
相望落落如晨星
彭城老守何足顧
棗林桑野相邀迎
千山不憚荒店遠
兩腳欲趁飛猿輕
多生綺語磨不盡
尚有宛轉詩人情
猿吟鶴唳本無意
不知下有行人行
空階夜雨自清絕
誰使掩抑啼孤惻
我欲仙山掇瑤草
傾筐坐歎何時盈
簿書鞭扑晝填委
煮茗燒栗宜宵征
乞取摩尼照濁水
共看落月金盆傾

Bi này vốn là một bài họa, do thơ của Đào Tiềm tặng Ông. Nói là họa, nhưng bút pháp và chương pháp của thơ rất ung dung. Đó là chỗ điêu luyện của người làm thơ. Cốt cách và đời sống của Đạo Tiềm được tả trong những nét rất linh hoạt. Ngay ở hai câu đầu, lời thơ và tứ thơ đã đi ngay vào chỗ độc đáo bằng biết nhịp và hình ảnh sống động. Thịnh thoảng trong thơ đột nhiên nổi lên với những hình ảnh rất đẹp được gói trong lời và tứ kỳ diệu. Đại để các câu:

Bế môn tọa huyết nhất thiên sáp
Đầu thượng tuế nguyệt không tranh vanh
Khép cửa hang sâu một giường thiên
Trên đầu năm tháng trôi chên vênh

Năm tháng là tuổi già, là mùa thu và tóc trắng, là những hoài vọng xa xôi của nhà thơ. Hoài vọng đó là hình ảnh hiu hắt khép kín cửa trong hang sâu giữa núi rừng xa vắng, và thâm lặng trôi qua trên đầu nhà sư cô quạnh. Cho nên, tấm lòng của sư như một mặt nước trong ngần, bao nhiêu chìm nổi thiên hình vạn trạng của cõi đời hiện rõ lên trong đó.

Rồi khi sư thả bộ rong chơi, màu áo còn pha màu sương khói của núi rừng. Sư mang cái tình đạo đó kết duyên với tình thơ của khách thơ, như ngọn gió mùa thu

thời những phương trời viễn mộng đến làng thơ, thì tình thơ bỗng ngọt ngào như cam quít đang mùa chín đỏ; một thứ ngọt ngào trầm lắng:

Thu phong xuy mộng quá Hoài thủy
Tưởng kiến quật dữ thù không đình

Gió thu đưa mộng qua Hoài thủy
Này cam nọ quít rữ sần buồn

Khách làng thơ lại muốn bỏ qua những ngày bươn bả, để cùng sự, trong những đêm dài xa xôi, đốt củi nấu trà, ngồi xem bóng trăng nghiêng xuống đáy cốc. Tình thơ sống động, nhưng xa xôi và đơn bạc.

Tấm lòng nhà đạo như nước phẳng;
Rọi bóng chìm nổi của cõi đời.
Chùa xưa lẻ bóng trồng thu cúc
Bạn với làng thơ thương chút tài
Cõi nhân gian có chia đường nam nẻo bắc
Mà cánh hồng cánh nhạn vẫn đơn độc lẻ loi
Trên đầu năm tháng trôi chên vênh
Nay hứng dậy tìm duyên cùng khách tục
Muốn đem kiếm tuệ miệt mài thêm
Áo mây vừa khoác vương màu non nước
Râu sương không cạo trẻ thấy mà kinh
Công hầu muốn quen, quen chẳng được
Mới biết nơi chợ không kẻ khuynh thành

Gió thu thổi mộng qua Hoài Thủy
Tưởng thấy cam quít rữ sần buồn
Bè bạn mỗi người riêng một cõi,
Trông nhau lác đác như sao mai
Người bạn việc quan thôi khỏi nói
Rừng tảo nương dâu mong đợi nhau
Đường xa quán lẻ không đáng ngại,
Gót vượn nhẹ nhàng bước như bay.
Lời đẹp mấy đời còn dệt mãi,
Tình thơ uyển chuyển còn nhau đây,
Vượn gào hạc réo thế là thế,
Nào biết người đi qua dưới này
Thềm vắng, mưa đêm, buồn da diết,
Nghe ngào cô quạnh khóc ai đây?
Tôi muốn núi tiên bút cỏ dao,

Nghiêng giỏ ngồi than, đầy đượ sao?
Chép sách, đánh roi, đã làm hết,
Nấu trà đốt củi hẹn đêm nào.
Xin hạt ma ni soi nước đục,
Cùng đội đày cốc trắng lao xao.

[1] TÚ CHÂU, một dãy đất chạy dài từ huyện Gia Hưng tỉnh Triết Giang đến huyện Tùng Giang tỉnh Giang Tô

[2] NGÔ ÂM, hay THANH GIANG, điệu nhạc Thanh thương khúc, thịnh hành tại các vùng Giang Nam, đất Ngô, qua các điệu dân dao. Đến đời Đường, điệu ca biến đổi về sau ít truyền tụng.

Ngô âm cũng chỉ cho giọng nói vùng đất Ngô trung nằm ở đông bộ tỉnh Giang tô và tây bộ tỉnh Triết giang.

Ngô âm ở đây có nghĩa bình thường: giọng nói của TỐ; lối nói thông thường của người đất Thục.

[3] THỤC TẤU, cụ giả đất Thục, chỉ cho Văn trưởng lão, cùng quê với Ông ở đất Thục.

[4] NGA MI, núi Nga Mi, hai ngọn đối nhau như hai nét lông mày. Nhà Phật gọi là núi Quang Minh. Đạo gia gọi là Hư linh động thiên; hoặc Linh Lăng thái điện thiên. Núi ở phía Tây nam huyện Nga mi tỉnh Tứ Xuyên. Tại tây bắc huyện giáp tỉnh Hà Nam cũng thấy một ngọn mà ông cho là giống với Nga Mi ở quê ông nên đặt tên là Tiểu Nga Mi, trên đó có đền thờ Tam Tô (ba cha con Ông)

[5] THIÊN THAI, ngọn núi phía bắc huyện Thiên thai tỉnh Triết Giang. Tương truyền, đời Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu vào núi hái thuốc mà gặp tiên.

[6] TRIẾT ĐÔNG, đông nam bộ trong tỉnh Triết Giang

[7] DẠ VẤN, có chỗ chép SẦU VẤN

[8] BA TẤU, cũng như Thục tấu, do chữ Ba thục (xem chú thích bài trước)

[9] HOANG ĐỒN, có chỗ chép HOANG THÔN

[10] VÃNG SỰ: hai câu 3 và 4, có lẽ ông muốn nhắc đến chuyện năm tân hợi, xích mích đảng Vương An Thạch, suýt vong mạng. Nay đi tìm lại người cố cựu, thấy lại tình quê hương vẫn đậm đà. Nhưng tình đó không nói thành lời đượ. Chỉ có “Con Oanh học nói trên cành mìa mai” thôi ư?

[11] HƯƠNG TÍNH, giếng làng, chỉ cho tình hương lý

[12] VIÊN TRẠCH, tăng đời Đường; bạn là Lý Thiện Nguyên ba lần chứng kiến sự tái sinh của sư. Lần chót, do hẹn gặp nhau tại chùa Thiên Trúc, vào đêm trăng thu, Thiện Nguyên y hẹn, vừa đến cổng chùa, bỗng thấy một mục đồng ngồi trên lưng trâu ca:

Tam sinh thạch tượng cự linh hồn

Thường nguyệt ngâm phong bất yếu luân

Tầm quĩ tình nhân viễn tương phỏng

Thử thân tuy dị tánh thường tồn

[13] CÁT HỒNG, người đời Tấn, tự xưng Tiểu Cát tiên ông; thích phép đạo dưỡng của thần tiên; nghe đồn Giao chỉ có nhiều đan sa, dẫn con cháu đến núi La phù luyện đan, khi đan thành thì thi thể đã rã. Ở đây ngụ ý người không sao thoát khỏi cái chết.

[14] THỦY TIÊN VƯƠNG, Ông tự chú: trên hồ có miếu Thủy Tiên vương

[15] TÂY HỒ, có tám nơi tất cả, mà trong bài này chỉ cho Tây hồ thành tây huyện Hàng châu tỉnh Triết giang. Hồ này còn có những tên khác: hồ TIỀN ĐƯỜNG, hồ MINH THÁNH, hồ KIM NGŨU. Nhân câu thơ của Ông: “Dục bả “Tây hồ tĩ Tây Tử”, nên cũng được gọi là hồ Tây Tử. Ba mặt là núi vây quanh; nam và bắc có hai ngọn núi cao đối nhau, trong hồ có các con đê Tô, Bạch, chia nước hồ ra làm HỒ TRONG và HỒ NGOÀI và HỒ SAU. Bốn mùa phong vật tốt tươi, với 10 cảnh trí nên thơ và nổi danh.

[16] TÂY TỬ, tức Tây Thi

[17] CÔ PHƯƠNG, cao vọi một mình, tuyệt hẳn thói tục.

Thơ Hàn Dũ:

Dị chất ky xử quần

Cô phương nan ký lâm

(chất riêng không cùng bọn. Cao vọi khó ở rừng)

Thơ Chu Hy:

Long đông điều bách hủy

Giang hải lệ cô phương

(Trời lạnh cây cỏ úa. Sông biển một mình trôi.)

[18] THI TAO, nổi sầu héo của thơ. Thơ buồn khổ

[19] BÀN NH VIỆT, có lẽ con còng, loại cua nhỏ

[20] ĐỒNG ĐẤU CA. Chữ trong thơ Mạnh Giao

Đồng đấu âm giang tửu

Thủ phách đồng đấu ca

(Đấu đồng uống rượu sông, tay vỗ đấu đồng ca)

[21] ĐẠP THUYỀN, ĐỘC TỐC. Thơ Mạnh Giao:

Cước đập tiểu thuyền đầu

Độc tốc vô quyền sa

(Gót đập đầu thuyền nhỏ, lênh đênh không bến cỏ.)

[22] ĐẠP LĂNG, ĐẠP THỔ. Chữ trong thơ Mạnh Giao:

Nùng thị đập lăng nhi

Mỗi đập thanh lăng du

Tiểu y hương cống lang

Đạp thổ xưng phong lưu.

(Ta là người sóng xanh, cười sóng mà rong chơi. Cười y gã hương cống, dầm đất gọi phong lưu.)

[23] TẶNG TIỀM: Tặng Đạo Tiềm ở Tiền Đường, hiệu Sam Liêu Tử, tro vo như sao Hòm hoàng hôn, là bạn thơ rất thân với Đông Pha.

III. TRỜI ÓNG Ắ BẠC TƯỜNG RÊU LỮ THỨ (1080-1085)

LỜI DẪN

Trên đoạn đường Lữ Thứ, lịch sử bỗng đổ dồn lên Đất Trích. Đó là vùng đất hoành hành của mưa rừng gió núi, của Thiên Nhiên tàn bạo. Tạo hóa thì hung hăng, mà tạo vật thì bé bỏng. Giữa những đêm giông bão dị thường, giữa lúc đèn mờ khuya khoắt, con chuột đói mò ra đi kiếm ăn. Hoặc trong đám hoa rừng cỏ dại, chướng khí sơn lam, nhánh hải đường với nụ sơn bé bỏng cũng mang cốt cách thanh cao ra mà chen chúc.

Cuộc lịch nghiệm nơi vùng đất Trích tàn bạo với nỗ lực phấn đấu kỳ cùng, trước thảm họa của Tử sinh trường mộng, ở đây cũng đã sẵn sàng vạch sẵn lối gai rừng để nghe đồng vọng của Lô sơn chân diện mục. Trong khi đó, thảm họa lịch sử theo nước lũ Trường Giang đổ vào Xích Bích. Thế thì, tại chỗ này, Lịch sử đã mang tài

hoa của nó tụ về trong tinh thể Đông Pha. Và từ đó, Đông Pha cư sĩ bước ngay vào dòng Lịch sử Chung của một dân tộc, làm cha già tóc trắng cho Một dân tộc.

Những bài thơ sau đây, không có những bài về Lô sơn hay đồng Lô sơn, hay mang âm hưởng ẩn hiện nào đó của Lô sơn chân diện mục, cũng không có những bài xuôi giòng Đại giang Đông khứ, trên mặt sông Xích Bích. Hai chỗ đó là tinh thể và cách điệu tài hoa của ông. Một đặng là Lô sơn ẩn hiện giữa mây trắng sương mù ôm ấp những khát vọng sâu thẳm nhất của con người. Một đặng là nước lũ của một giang sơn như họa cuộn anh hùng hào kiệt một thời theo thảm họa lịch sử đổ dồn vào biển rộng mù khơi. Nhưng đây là những tinh thể kết tụ trong phương trời viễn mộng. Nếu nơi đây chúng ta nghe được tận cùng những phấn đấu gian khổ của tồn sinh, những phần nộ và những ngậm ngùi cay đắng của tồn sinh, thì phương trời viễn mộng kia tức khắc sẽ mở ra.

I

Năm 1078, tháng 7, đổi sang Hồ châu, ông dâng biểu tạ về triều. Bị sàm tấu, phải ngồi tù. Án từ không nhất quyết. Thần tông mển tài, miễn tội tử. Lại nhờ em ông, Tử Do xin đổi chức quan chuộc tội cho ông. Tháng 12 năm đó ông ra khỏi ngục.

Khi ở trong ngục, ông làm 2 bài thơ, nhờ cai ngục gởi cho Tử Do. Thơ tự trách và có vẻ tuyệt vọng, vì ông tưởng là không thoát khỏi án tử hình.

Đại khái:

Thị xú thanh sơn khả mai cốt
Tha niên dạ vũ độc thương thần
Dữ quan thế thế vi huynh đệ
Hựu kết lai sinh vị liễu nhân

Nơi này non xanh có thể chôn xương được. Sang năm mưa đêm chỉ riêng hồn mình lạnh lẽo. Ước nguyện cùng nhau (ông và Tử Do) đòi đòi làm anh em; lại kết duyên nợ đòi vĩnh viễn của văn chương.

Ông được tha, giáng chức làm đoàn luyện phó sứ, bị đày đi quản thúc ở Hoàng châu.

Tháng giêng năm canh thân 1079, ông lên đường. Tử Do từ Nam đô đến gặp ông tại Trần, ở lại cùng ông ba ngày, rồi chia tay. Ông làm bài thơ chia tay. Đại khái:

Biệt lai vị nhất niên
Lạc tận kiêu khí phù

Mới cách nhau chưa đầy một năm, cái kiêu khí đã tan hết. và ông tự trách;

Chí ngôn tuy cứu phục
Phóng tâm bất tự thâm

Đã học lời của Thánh Hiền từ bao lâu nằm lòng rồi, nhưng vẫn phóng tâm bừa bãi, gây tai vạ.

Ngày 18 tháng giêng năm đó, trên đường đi ngang Thai châu gặp tuyết, ông làm 2 bài thơ cho Tử Do, lại nói:

Vãn tuế ích khả tu
Phạm tuyết phương nam bôn
Càng già lại càng thêm thẹn; đội tuyết mà phải chạy sang nam!

Ngang Tân tức, gặp người đồng hương lập nghiệp ở đó, ông tặng bài thơ thất ngôn cổ thi:

Trần ai ngã diệp thất thâm thân
Thử hành táng đấng vưu khả bỉ

Ông nói, mình cũng sa chân vào chốn trần ai, lưu lạc tha phương; nhưng cái đi đó gian nan quá tệ.

Các nơi đi ngang qua, ông vẫn làm thơ, vẫn ngoạn cảnh; nhưng lời thơ đượm nỗi buồn phiền u ám. Khi chơi chùa Tịnh cư, nơi này trước kia Trí Khải gặp Huệ Tư đại sư mà đắc đạo, rồi về núi Thiên Thai trụ trì, lập ra Phật giáo Thiên Thai tông; ông làm thơ có những câu:

Bất ngộ tục duyên tại
Thất thân đạp nguy cơ

Chưa tỏ ngộ đạo lý, tục duyên còn nặng; để cho sa chân vào bước nguy cơ.

Và những câu khác:
Khế thủ lưỡng túc tôn
Cử đầu song thế huy
Linh sơn hội vị tán
Bát bộ do quang huy

Cúi đầu lạy đức Như Lai; cất đầu dậy lau đôi hàng lệ. Tưởng như trên hội Linh Sơn ngày nào như lai giảng kinh Pháp hoa nói đạo lý thượng thừa, bây giờ vẫn còn đó, tám bộ chúng vẫn rục rĩ

Lời thơ tuy không cao ngạo mà đảm lược hùng tâm vẫn còn. Cõi thơ của ông vì vậy mà mênh mông heo hút; lời thơ của ông là cả giọng chí thành. Sâu khổ thì có,

mà sâu hận thô lỗ thì không. Đó là một điểm nhỏ trong cái phong vận tao nhã và cao kỳ và bao la của ông.

Rồi đến Hoàng Châu, ngủ đêm tại chùa Thiên trí. Cảnh chùa hoang lương. Hình ảnh trong thơ hiện ra một màu hiu hắt. Một ngọn đèn tàn leo lét trên bàn Phật; một con chuột đói bò ra kiếm ăn,; mưa đêm đổ xuống hàng tre; và một bài thơ cổ sót lại trong trí nhớ. Khách phong trần lưu lạc gặp cảnh thơ đó có thể rũ sạch được những oan tình u ẩn nghìn đời.

Phật đăng tiệm ám cơ thử xuất
Sơn vũ hốt lai tu trúc minh
Tri thị hà nhân cự thi cú
Dĩ ưng tri ngã thử thời tình.

Ông tự viết lời dẫn : “: Lúc thiếu niên, có lần tôi đi ngang qua một thôn viện, thấy trên vách có thơ:

Dạ lương nghi hữu vũ
Viện tĩnh tợ vô tăng
Đêm lạnh chừng mưa gió
Chùa vắng như không sư.

“Không biết thơ của ai. Ban đêm, ngủ lại chùa Thiên Trí, Hoàng Châu. Sư trong chùa đều vắng hết. Nửa đêm trời mưa. Ngẫu nhiên nhớ bài thơ đó, nên làm một bài tuyệt cú.”

Bấy giờ ông vừa ở tù ra, bị đày tới Hoàng Châu. Lời thơ có vẻ mông lung, cay đắng.

Ngày 1, tháng 2, tới Hoàng Châu. Gia đình Ông ở cả tại Nam Đô, chỉ một mình Tử Mai, con trai lớn của Ông, đến với Ông. Khi mới đến Hoàng Châu, ông làm bài thơ dưới đây:

Tự tiểu bình sinh vị khẩu mang
Lão lai sự nghiệp chuyển hoang đường
Trường giang nhiều quách tri ngư mã
Hảo trúc liên sơn giác duẩn hương
Trục khách bất phương viên ngoạ trí
Thi nhân lệ tác thủy tào lang
Chỉ tâm vô bổ ti hào sự
Thượng phi quan gia áp tử nang
Cười ta bình sinh miệng nói nhăng
Già rồi sự nghiệp càng hoang đường

Trường giang vỗ bến cho cá béo
Tre rậm đây non thơm mùi măng
Khách lang bạt khỏi phiên viên ngoại
Lệ nhà thơ ghi sổ tang bồng
Chỉ thẹn không nên chuyện gì hết
Uổng thay dốc túi rượu nhà quan

(Ông tự chú cho câu chót: Quan kiểm hiệu có lệ nếu ai làm được nhiều việc thì thưởng một bình rượu khi về. Ở đây, ý muốn nói, Ông tới là bận rộn người ta phải tốn công ghi danh vào sổ bạ)

2.

HẢI ĐƯỜNG

Giang thành địa chướng phần thảo mộc
Chỉ hữu danh hoa khổ ưu độc
yên nhiên nhất tiểu trúc ly gian
Đào lý mạn sơn tổng thô tục
Dã tri tạo vật hữu thâm ý
Cố khiến giai nhân tại không cốc
Tự nhiên phú quý xuất thiên tư
Bất đãi kim bàn tiến hoa ốc
Chu thần đắc tửu vụng sinh kiếm
Thúy tỵ quyển sa hồng ánh nhục
Lâm thâm vụ án hiệu quang trì
Nhật noãn phong khinh xuân thụ túc
Vũ trung hữu lệ diệc thê thương
Nguyệt hạ vô nhân cánh thanh thực
Tiên sinh bảo thực vô nhất sự
Tán bộ tiêu dao tự môn phúc
Bất vấn nhân gia dĩ tăng xá
Trụ trượng xao môn khán tu trúc
Hốt phùng tuyệt diễm chiếu suy hủ
Thán tức vô tín khả bệnh mục
lậu bang hà xứ đắc thử hoa
Vô nãi hiệu sự đi Tây Thục
Thốn căn thiển lý bất dị đảo
Hàm tử phi lai định hồng hộc
Thiên nha lưu lạc cu khả niệm
Vị ẩm nhất tôn ca thử khúc
Minh triêu tửu tỉnh quá độc lai
Tuyết lạc phân phân na nhãn xúc

海棠

江城地瘴蕃草木
只有名花苦幽独
嫣然一笑竹篱间
桃李满山总粗俗
也知造物有深意
故遣佳人在空谷
自然富贵出天姿
不待金盘荐华屋
朱唇得酒晕生脸
翠袖卷纱红映肉
林深雾暗晓光迟
日暖风轻春睡足
雨中有泪亦凄怆
月下无人更清淑
先生食饱无一事
散步逍遥自扪腹
不问人家与僧舍
拄杖敲门看修竹
忽逢绝艳照衰朽
叹息无言揩病目
陋邦何处得此花
无乃好事移西蜀
寸根千里不易到
衔子飞来定鸿鹄
天涯流落俱可念
为饮一樽歌此曲

明朝酒醒还独来

雪落纷纷哪忍触

Ông cư ngụ tại chùa Định Huệ. Phía đông chùa, hoa tạp đầy núi, giữa đó chen một cây hải đường. Thổ nhân không biết là quý. Nhân đó, làm bài thơ vịnh hải đường.

Thơ ngụ ẩn tình. Cốt cách trang nhã của hải đường gây nên nơi ông một cảm hứng tuyệt diệu. Lối thơ này, thường dễ trở thành một đề tài sáo, giả tạo và khoa trương. Kiểu cách của nó là sao cho đạt đến mức nói riêng vật mà tình ẩn, nói tiếng tình mà vật hiện. Nhưng còn phải đợi bàn tay tài hoa phổ vào mới thành tuyệt diệu. Vật trở thành cao quý trong tình ẩn, và người cũng trở thành tao nhã nơi vật hiện.. Cái đó là do phong tư tú lệ của tao nhân; tay phàm tục khó mà vươn tới mức. Nó hệ ở chỗ tương ứng của thanh khí lễ hằng. Cho nên, tiết nhịp của bài thơ không cần sôi nổi lãng mạn mà nguồn cảm hứng rung động sâu xa như là bất tận. Chỗ đó, Ký Hiếu Lam phê rằng: “Hoàn toàn nói về hải đường, nhưng tự ngụ ý phong tư tú lệ của mình. Bắt đầu hứng khởi thì thâm trầm vi nhiệm. Nửa chừng thì nở rộ tươi sáng. Lối thơ đó nếu không thực sự là Đông Pha thì không ai làm nổi. Đông Pha nếu không hứng khởi trong một lúc, vị tất đã làm nổi”

Đất giang thành nhiều chướng khí nên nhiều cây cỏ hoang dại.

Chỉ có một loại danh hoa, cây hải đường, mọc chen lẫn giữa đó, nằm lẻ loi buồn tẻ.

Một khi nó nhón nhơ hé nụ nơi hàng dậu,

Thì tất cả đào, lý khắp một vùng núi này thấy là thô tục

Thế nên mới biết tạo vật có thâm ý,

Nên khiến cho loài hoa quý đó lánh mình nơi hang hốc vắng vẻ.

Cái cốt cách cao sang của nó vốn là trời cho tự nhiên vậy,

Không phải đợi có mâm vàng dâng vào cửa nhà sang cả mới thành quý.

Nụ hồng tươi như say men rượu ửng lên đôi má,

Tàn lá như cánh tay áo màu xanh thắm vén lên giải lụa để lộ thịt da ánh hồng.

Sa mù phủ mờ cả khu rừng dày chằng chịt nên nắng mai lên trễ,

Mặt trời ấm, gió nhẹ, giấc ngủ mùa xuân rất thoải mái.

Lúc mưa, trong cơn mưa những giọt nước đọng long lanh trông cũng khá sâu muộn;

Lúc có trăng, dưới trăng vắng bóng người, trông lại càng yếu diệu cao sang.

Tiên sinh ăn một bữa no, không một việc làm,
Ông thả bước tiêu dao, tự sờ tay vào bụng của mình.
Không cần hỏi đó là nhà của người tục hay của sư tăng.
Chống gậy đến gõ cửa xem hàng tre đứng thẳng
Bỗng gặp một vẻ tuyệt diệu bừng lên giữa hàng giậu đổ nát.
Ông than thở không nói một lời, nhướn con mắt mờ kém lên:
Đất quê này sao lại có thứ hoa này?
Há không phải do người hiếu sự mang nó từ đất Tây thực đến?
Nhưng tắc rễ ngấn của nó không dễ gì mang đi xa xôi như vậy nổi.
Có lẽ chim hồng hay chim học ngậm hạt của nó mang đến đây.
Cũng đáng ngậm ngùi cho nó lưu lạc tận ven trời xa xôi này;
Nên vì thay nó mà uống một chén và ca một khúc ca đó.
Sáng hôm sau, tỉnh rượu lại, đến đây một mình,
Thấy tuyết bay phoi phới, tưởng chừng như không nỡ đựng đến nó.

3.

Bấy giờ khoảng cuối tháng 2 hay đầu tháng 3 gì đó. Ông đến Hoàng châu trên dưới đã một tháng. Sau cơn mưa tạnh, ông thả bộ đến dưới đình Tứ vọng, bên trên hồ cá, rời từ gò đông phía trước chùa càn Minh trở về, làm hai bài thơ luật năm chữ. Mùa hái đường đã qua, đang đợi mùa mai năm tới. Cảnh chiều, tiếng ếch nhái sau cơn mưa, tiếng chim trong nắng ngả về chiều, bóng người vắng vẻ. Cũng là một nỗi niềm tâm sự nào đó của tuổi ông.

(I)

Vũ quá phù bình hợp
Oa thanh mãn tứ lân
Hải đường chân nhất mộng
Mai tử dục thường tân
Trụ tượng nhân khiêu thái
Thu thiên bất kiến nhân
Ân cần mộc thục được
Độc tự điện dư xuân

(II)

Cao đình cửu dĩ phế
Hạ hữu chúng ngư đường.
Mộ sắc thiên sơn nhập
Xuân phong bách thảo hương
Thị kiều nhân tịch tịch
Cổ tự trúc thương thương
Quán hạc hà lai xứ
Hào minh mãn tịch dương

雨過浮萍合
蛙聲滿四鄰
海棠真一夢
梅子欲嘗新
拄杖閑挑菜
鞦韆不見人
殷勤木芍藥
獨自殿餘春
高亭久已廢
下有種魚塘
暮色千山入
春風百草香
市橋人寂寂
古寺竹蒼蒼
鸛鶴來何處
號鳴滿夕陽

Mưa qua bèo kết tụ
Ếch kêu dậy xóm làng
Hải đường qua con mộng
Còn đợi mùa mai sang
gậy thọc chơi rau cỏ
Người không, vắng bóng tường
Chăm chỉ cây thược dược
Một mình riêng một xuân
Đình cao phế mấy độ
Phía dưới có ngư đường
Bóng chiều chen bóng núi
Gió thoảng bay ngàn hương
Cầu chợ người thưa thớt

Chùa xưa tre xanh xanh
Cò vạc từ đâu đến
Kêu réo dậy tà dương

4.

Ngụ tại chùa Định Huệ được 3 tháng; tháng 5, ông dời sang Lâm cao đình (phía nam huyện Hoàng cương tỉnh Hồ bắc, bắc ngạn sông trường giang. Cũng gọi là lâm cao quán)

Tử Do lược ký: Từ đình nhìn ra, nam bắc chừng trăm dặm, ban ngày ghe thuyền lui tới phía trước, ban đêm nghe tiếng như ngư long kêu gào ở phía dưới; phía tây trông thấy các ngọn núi huyện Vũ dương; gò đồng nhấp nhô, cây cối hàng hàng, khói bốc cuồn cuộn, rải rác nhà ngư phủ, tiều phu, đếm được đầu ngón tay.

Ông đến Lâm cao đình, dựng nhà ở, đặt tên là nhà Tuyết, vì làm trong mùa đại tuyết; đọc Chiến quốc sách, và làm bài thơ dưới đây:

Ngã sinh thiên địa gian
Nhất nghị ký đại má
Khu khu dực hữu hành
Bất cứu phong luân tả.
Tuy vận tâu nhân nghĩa
Vị miễn vi hàng ngạ
Kiếm mẽ hữu nguy xuy
Châm chiên vô ổn tọa
Khởi vô giai sơn thủy
Tá nhãn phong vũ quá
Qui điền bất đãi lão
Dũng quyết phàm kỷ cá
Hạnh tư phế khí dư
Bì mã giải yên đà
Toàn gia cố giang địch
Tuyết cảnh thiên vi phá
Cơ bản tương thừa trừ
Vị kiến khả điếu hạ
Đạm nhiên vô ưu lạc
Khổ ngữ bất thành ta

我生天地間，
一蟻寄大磨。
區區欲右行，
不救風輪左。

雖云走仁義，
未免違寒餓。
劍米有危炊，
針氈無穩坐。
豈無佳山水，
借眼風雨過。
歸田不待老，
永訣凡幾個。
幸茲廢棄餘，
疲馬解鞍馱。
全家占江驛，
絕境天為破。
飢貧相乘除，
未見可弔賀。
澹然無憂樂，
苦語不成些

Ta sinh trong trời đất
Như kiến bò cõi đá
Nhắm hữu khu khu đi
Không kể gió xoay tả
Nói chạy theo nhân nghĩa
Chưa khỏi chuyện cơm áo.
Gạo như gươm, thối rât mặt
Áo như kim chích ngòi không yên
Há không non nước đẹp
Ghé mắt mưa gió qua
Về ruộng nỡ đợi già
Sức lực còn đôi chút
May nhờ đất phế thái
Ngựa cùng thảo yên cương
Lấy bến sông làm nhà
Trời dọn cho tuyệt cảnh
Đói rách thừa trừ nhau
Khỏi chia buồn chia vui
Vừa vừa không cực sướng
Nói chi đến chuyện khổ

5

Buổi sáng, đến Ba hà khẩu đón Tử Do:
Khứ niên ngự sử phủ

Cử động xúc tứ bích
U u bách xích tỉnh
Ngưỡng thiên vô nhất tịch
Cách tường văn ca hô
Tự hận kế chi thất
Lưu thi bất nhân tả
Khổ lệ tí chỉ bút
Dư sinh phục hà hạnh
Vinh sự hữu kim nhật
Giang lưu kính diện tĩnh
Yên vũ khinh mạc mạc
Cô chu như phù ế
Điểm phá thiên khoảnh bích
Văn quân tại Từ hồ
Dục kiến cách chỉ xích
Triêu lai hảo phong sắc
Kỳ vĩ tây bắc trịch
Hành đương trung lưu kiến
Tiểu nhân thanh quang dật
Thử bang nghi khả lão
Tu trúc đái tuyền thạch
Dục mãi Kha thị lâm
Tư mưu đãi quân tất

去年御史府
举动触四壁。
幽幽百尺井，
仰天無一席。
隔墙聞歌呼，
自恨計之失。
留詩不忍寫，
苦淚漬紙筆。
餘生復何幸，
榮事有今日
江流鏡面淨，
煙雨輕霧霧。
孤舟如鳧鷖，
點破千頃碧。
聞君在磁湖，
欲見隔咫尺。
朝來好風色，

旗腳西北擲。
行當中流見，
笑眼清光溢。
此邦疑可老，
修竹帶泉石。
欲買柯氏林，
茲謀待君必

Mấy câu đầu, ông tả lại cảnh ngồi tù tại phủ ngự sử năm ngoái. Phần giữa nói tâm trạng của ông khi đi đón Tử Do, vào buổi sáng, tại Ba hà khẩu. Cuối cùng, ông nói với Tử Do về tình trạng sinh sống thường nhật, và cùng những dự tính ngày sau. Ông có cảm giác như vĩnh viễn lưu đày tại đất Hoàng Châu đó.

Năm ngoái phủ ngự sử
Tay chân chạm vách tường
Hun hút trăm thước giếng
Trông trời không chiếu manh
Nghe ca hô cách vách
Hận mình tính hồng tron
Thư lưu không nỡ viết
Lệ khổ đầm giấy bút
Còn sống thế là may
Mới có niềm vui này

Sng trôi mặt nước phẳng
Mưa nhẹ khói mù bay
Thuyền lẻ như cò vạc
Chấm phá biếc trời mây
Nghe chú tại Từ hồ
Muốn gặp trong gang tấc
Buổi sáng phong cảnh tốt
nhắm Tây bắc phát cò
Rồi gặp ở trung lưu
cười hai mắt sáng chói
Đất này thôi dưỡng già
Hàng tre ôm đá suối
Muốn mua rừng họ Kha
Đội chú lo mới nổi

6.

ĐÔNG PHA BÁT THỦ 東坡八首

I

Phế lỗi vô nhân cố
Đồi viên mãn bồng cao
Thùy năng quyên trợ lực
Tuế vãn bất thường lao
độc hữu cô lão nhân
thiên cùng vô sở đào
đoan lai thập ngõa lịch
tuế hạn thổ bất cao
kỳ khu thảo cực trung
Dục quát nhất thốn mao
Vị nhiên thích lỗi thán
Ngã lẫm hà thời cao

II

Hoang điền tuy lãng mãng
Cao tì các hữu thích
Hạ thấp chủng canh thuật
Đông nguyên thì táo lật
Giang nam hữu Thục sĩ
Tang quả dĩ hứa khất
Hảo trúc bất nam tài
Đản khùng tiên hoành dật
Nhưng tu bốc giai xứ
Qui dĩ an ngã thất
Gia đồng thiêu khô thảo
Tẩu báo ám tình xuất
Nhất bảo vị cảm kỳ
Biều ẩm dĩ khả tất

III

Tự tích hữu vi tuyền
Lai tùng viễn lĩnh bối
Xuyên thành quá tụ lạc
Lưu ác tráng bồng ngải
Khứ vi Kha thị pha
Thập mẫu ngư hà hội
Tuế hạn tuyền dĩ kiệt

Khô bình niêm phá khối
Tạc dạ nam sơn vân
Vũ đảo nhất lê ngoại
Huyền nhiên tầm cố độc
Tri ngã lý hoang hội
Nê cần hữu túc cần
Nhất thốn ta độc tại
Tuyết nha hà thời động
Xuân cư hành khả quái

I

Chúng đạo thanh minh tiền
Lạc sự ngã năng sở
Mao không ám xuân trạch
Châm thủy văn hảo ngữ
Phân ương cập sơ hạ
Tiệm hỉ phong điệp cử
Nguyệt minh khán lộ thượng
Nhất nhất châu thù lữ
Thu lai sương huệ trọng
Điên đảo tương xanh trụ
Đản văn huề lũng gian
Trách mãnh như phong vũ
Tân xuân tiện nhập tạng
Ngọc điệp chiếu không lữ
Ngã cứu thực quan thương
Hồng hủ đẳng nê thổ
Hành đương tri thủ vị
Khẩu phúc ngữ dĩ hứa

V

Lương nông tích địa lực
Hạnh thử thập niên hoang
Tang giá vị cập thành
Nhất mạch thứ khả vọng
Đầu chúng vị dĩ nguyệt
Phúc khối dĩ thương thương
Nông phu cáo ngã ngôn
Vật sử miêu điệp xương

Quân dục phú binh nhĩ
Yếu tu túng ngưu dương
Tái báı tạ khỗ ngôn
Đắc bảo bất cảm vong

VI

Chúng tảo kỳ khả bác
Chúng tùng kỳ khả đoạn
Sự tại thập niên ngoại
Ngô kế diệc dĩ khác
Thập niên hà thúc đạo
Thiên tải như phong bạc
Cựu văn Lý Hành nô
Thử sách nghi khả học
Ngã hữu đồng xá lang
Quan cư tại Tiềm nhạc
Di ngã tam thốn cam
Chiếu tòa quang trác lạc
Bách tài thảng khả trí
Đương xuân cập băng ác
Tường kiến trúc ly gian
Thanh hoàng chiếu ốc giác

VIII

Phan tử cựu bất điệu
Cô tửu Giang Nam thôn
Quách sinh bản tương chủng
Mại dục Tây thị viên
Cổ sinh diệc hiếu sự
Khủng thị áp nha tôn
Gia hữu thập mẫu trúc
Vô thời dung khấu môn
Ngã cùng giao cựu tuyệt
Tam tử độc kiến tồn
Tùng ngã ư Đông Pha
Lao hưởng đồng nhất xan
Khả liên Đỗ Thập di
Sự dữ Chu Nguyễn luân
Ngô Sư Bốc Tử Hạ
Tứ hải giai đệ côn.

VIII

Mã sinh bản cùng sĩ
Tùng ngã nhị thập niên
Nhật dạ vọng ngã quý
Cậu phận mãi sơn tiền
Ngã kim phản lụy quân
Tá canh chuyết tư điền
Quát mao qui bồi thượng
Hà thời đắc thành chiêm
Khả liên Mã sinh sĩ
Chỉ kim khoa ngã hiền
Chúng tiểu chung bất hối
Thí nhất đương hoạch thiên

廢壘無人顧，
頽垣滿篷篙。
誰能捐筋力，
歲晚不償勞。
獨有孤旅人
天窮無所逃
端來拾瓦礫
歲旱土不膏
崎嶇草棘中
欲刮一寸毛
喟焉釋耒嘆
我廩何時高

荒雖浪莽
高庫各有適
下隲種秔稌
東原蒔棗栗
江南有蜀士
桑果已許乞
好竹不難栽
但恐鞭橫逸
仍須卜佳處
規以安我室
家僮燒枯草
走報暗井出
一飽未敢期
瓢飲已可必

自有微泉
來從遠嶺背
穿城過聚落
流惡壯蓬艾
去為柯氏陂
十畝魚蝦會
歲旱泉已竭
枯萍粘破塊
昨夜南山雲
雨到一犁外
泫然尋故瀆
知我理荒蒼
泥芹有宿根
一寸嗟獨在
雪芽何時動
春鳩行可膾

種稻清明前
樂事我能數
毛空暗春澤
針水間好語
分秧及夏初
漸喜風葉舉
月明看露上
一一珠垂縷
秋來霜穗重
顛倒相撐拄
但聞畦隴間
蚱蜢如風雨
新春便入甌
玉粒照筐筥
我久食官倉
紅腐等泥土
行當知此味
口腹語已許

良農惜地力
幸此十年荒
桑柘未及成
一麥庶可望
投種未逾月
覆塊已蒼蒼

農父告我言
勿使苗葉昌
君欲富餅餌
要須縱牛羊
再拜謝苦言
得飽不敢忘

種棗期可剝
種松期可斫
事在十年外
吾計亦已悞
十年何足道
千載如風雹
舊聞李衡奴
此策疑可學
我有同舍郎
官居在灑岳
遺我三寸甘
照座光卓犖
百栽倘可致
當及春冰渥
想見竹籥間
青黃照屋角
潘子久不調
沽酒江南村
郭生本將種
賣葯西市垣
古生亦好事
恐是押牙孫
家有十畝竹
無時客叩門
我窮交舊絕
三子獨見存
從我菸東坡
勞餉同一餐
可憐杜拾遺
事與朱阮掄
吾師卜子夏
四海皆弟昆

馬生本窮士
從我二十年

日夜望我貴
求分買山錢
我今反累君
借耕輟茲田
刮毛龜背上
何時得成氈
可憐馬生癡
至今夸我賢
眾笑終不悔
施一當獲千

Đông Pha, khoảng đất phía đông Hoàng Châu. Ông về làm ruộng ở đó, tự hiệu Đông Pha cư sĩ. Tám bài thơ làm tại đây, tả cảnh sinh hoạt thường nhật của Ông.

Ông tự viết lời dẫn cho cả tám bài thơ:

“Tôi đến Hoàng Châu được hai năm, càng ngày càng túng quẫn. Người bạn cũ Mã Chính Khanh, cảm cảnh tôi thiếu ăn, nên lo hộ trong quân cho tôi được vài mươi mẫu đất trồng trọt, để tôi ở đó cày cuốc. Đất bỏ hoang từ lâu, gai, tranh, gạch ngói, các thứ chen chúc nhau tràn lan. Mà năm lại gặp đại hạn, việc khai khẩn quá mệt nhọc, gân sức rã rời hết, buông cây đứng than thở. Mới làm các bài thơ đó. Tư an ủi sự siêng năng của mình sẽ được đền bù năm sau, do đó quên cả mệt nhọc”

Tám bài thơ thuật sự, nên chương pháp như một bài tản văn. Lời thơ và tình tự, chất phác và nồng nàn. Ở đây có thể thưởng thức tài làm thơ lão luyện của ông. Và cũng có thể nghe được đâu là tâm tình dịu ngọt của một nhà thơ. Ông nói tới những công lao cực nhọc của người làm ruộng, những lo lắng khi trời hạn hán. Rồi tới cái vui và tình làng xóm giao hảo. Tại đó, ông có ba người bạn nông dân thân thiết, bác Phan, bác Quách và bác Cổ. Thú đồng quê cực nhọc mà tựa như nhàn. Hai câu kết trong bài (I) là hững hờ như mạch ngầm chảy suốt qua cả tám bài:

Vị nhiên thích lỗi thán

Ngã lẫm hà thời cao

Buông cây đứng than thở

Kho lúa bao giờ đầy?

Ông đã ghi lại ý tưởng đó trong lời dẫn. Buông cây đứng than thở, đứng bụi ngùi thờ dài.... Thờ dài cho kho lúa đầy cao, và cũng thờ dài cho trời thơ và cõi mộng xa xôi.

(I)

Ruộng đất bỏ hoang, không ai đoái tưởng tới. Vườn tược đổ nát, lau lách mọc đầy. Ai mà ra gân sức cho nổi; rồi vãn một năm không bù lại công khó.

Chỉ có người bị lưu đày cô quạnh, góc bể chân trời không chỗ trốn, mới hăm hở đến dọn gạch, dọn ngói. Năm hạn, đất không dẻo. Giữa đám gai lồm chồm, chùng như muốn bút từng sợi lông. Rồi bụi ngùi buông cày đứng than thở, biết bao giờ cho đụn lúa đầy cao?

(II)

Ruộng hoang dù cỏ dại mọc đầy, nhưng cũng cất được căn nhà thấp. Chỗ trũng thấp thì trồng lúa canh, lúa thuật; đất bằng ở mé đông trồng rau thì là, trồng táo, trồng dẻ.

Đất Giang nam bấy giờ có kẻ quê ở đất Thục (tức là ông) đã yên phận trồng dâu trồng trái. Tre tốt trồng không khó, nhưng sợ người ta chặt làm roi (Gieo cái tài sản của mình cho tốt, tâm mình cho thẳng như tre, tránh sao khỏi đời nó bẻ làm roi)

Nay đã chọn được chỗ ở tốt, việc nhà đã thu xếp ngăn nắp rồi. Sắp trẻ đốt cỏ khô, chạy tới báo tin có mạch nước ngầm. Nhưng một bữa no, không mong gì hơn nữa; uống nước trong cũng đã đủ lắm.

(III)

Chỗ này trước kia có con suối nhỏ, từ sau dãy núi xa xôi chảy đến, len lỏi qua thị thành, qua các làng mạc, cuốn đi những thứ hại, làm tươi tốt lau sậy. Rồi chảy qua bờ ruộng nhà họ Kha, cả mùi mầu đầy những tôm và cá. Đến năm nay, trời hạn, suối cũng cạn; bèo khô dính bám vào những mảng đất lở.

Đêm hôm qua, mây kéo trên núi nam, mưa dông chùng ngập lối cày, mênh mông chảy theo con lạch cũ; mới biết ta đã dọn sạch hết cỏ dại. Rau cần, mọc chen dưới bùn, còn lại chút rễ, vẫn chùng một tác. Chồi trắng như tuyết bao giờ động, để đến mùa xuân, bắt chim cưu mà ăn thịt thái (Ông tự chú: Người đất Thục quý chồi non rau cần, xắt nó trộn với thịt thái chim cưu mà ăn)

(IV)

Trồng lúa trước thanh minh, có thể tính được nổi vui sướng của mình. Trời mưa bay như lông bay, phủ mờ ao hồ mùa xuân; nghe những tiếng hớn hỏ nói lúa đã chích nước (ông tự chú: Người Thục gọi mưa bay là mưa lông. Lúa khi vừa trở, nông phu bảo nhau là lúa sẽ chích nước.)

Rải mạ đợi mùa hè, mừng dần thấy gió đã lay ngọn. Trăng sáng rọi trên sương, như từng hạt ngọc kết vạt áo rũ. Mùa thu, sương nặng trên bông lúa; cọng lúa

ngiênng ngựa giữ nhau đứng vững. Nghe trên các bờ ruộng, cào cào kêu như mưa như gió (Ông tự chú: tại đất Thục, vào mùa lúa chín, cào cào bay từng đàn giữa ruộng; dáng như sâu lúa, nhưng không làm hại lúa.)

Xuân mới, chọt đi vào trong chậu; hạt ngọc lấp lánh trong thúng mủng. Từ lâu, ta ăn gạo thóc quan, trái hồng thúi coi như đất bùn. Đâu biết được mùi vị này, đã chịu vừa miệng vừa bụng ta lắm rồi.

(V)

Nhà nông giỏi thì biết tiết sức của đất. Đất này nhớ mười năm bỏ hoang, dâu đỏ dâu đen chưa đến lúc lớn, có thể mong được một mùa lúa mạch. Gieo giống chưa đầy tháng, đã thấy xanh mượt trên các gò đất. Nông phu bảo ta rằng, đừng để lá mạ lên hết mức; nếu anh muốn giàu bánh trái, nên thả trâu dê ra. Lại bái tạ lời thiết tha đó. Được no cơm, sẽ không dám quên.

(VI)

Trồng cây táo chờ đến mùa bóc vỏ; trồng cây thông cũng chờ đến mùa đốn được. Đó là việc mười năm sau; nhưng việc tính toán của mình coi như đã tốt đẹp. Mười năm có là bao? Một nghìn năm thì cũng như gió rào, mưa đá. Xưa kia, có nghe chuyện người tó của Lý Hành. Cái cách đó có lẽ học được.

Tôi có người bà con, làm quan ở Tiềm Nhạc, tặng cho cây cam chừng ba tấc; rọi chỗ ngồi sáng chói. Trồng nó hàng trăm lần mới được. Gặp lúc mùa xuân, tuyết bám đầy, tưởng chừng như nơi hàng đậu, màu xanh màu vàng rũ bên góc nhà.

(VII)

Bác Phan từ lâu không đến rủ đi mua rượu xóm Giang nam. Bác Quách đang sửa soạn gieo giống, bán thuốc ở chợ Tây. Bác Cổ lại khá bày vẽ, chắc là bắt con cháu nhín răng. Nhà có mười mẫu tre, không hề có người đến đập cửa. Ta còn ở bước đường cùng, bạn ngày xưa không còn ai. Chỉ còn thấy có ba bác đó, theo ta ở Đông pha, cùng làm lưng mệt nhọc rồi cùng chung bữa. Khá thương Đỗ Thập Di (Đỗ Phú). Việc gì mà bàn với Chu Nguyễn? Thầy ta là Bốc Tử hạ, bốn biển đều là anh em.

(VIII)

Bác Mã vốn một gã nghèo cùng, theo ta hai mươi năm; ngày đêm coi trọng ta, xin góp tiền mua núi! Ta nay làm lụy đến bác. Nhờ bác cho cày ruộng đó. Nhưng nhờ lông trên lưng con rùa, bao giờ dệt thành chiếc mũ dạ cho nổi? Đáng thương bác mã dạI dệt, đến nay cứ tăng bốc ta là hay. Người ta cười cho mà không hối, cứ như cho một lấy lại nghìn!

7.

Mùa đông chí, cháu ông, An Tiết đến thăm. Ông ra Hoàng châu đến bây giờ đã gần hai năm. Tình cố quận, tình tha hương, cả hai đều mặn mà. Tuổi ông lúc đó gần tròn 46, mà đầu đã bạc. Mùa thu, tóc trắng, đầu đầu cũng đồng vọng âm hưởng tịch liêu. Một già một trẻ, nơi đồi núi xa xăm, sự đời như sóng nước Trường Giang; tháng 9 đã bắt đầu mùa nước lũ; cuối đông, sương mù kéo dài trùng điệp. Cái nông nản, thắm thiết của hồn thơ, biết đâu là cùng tận? Con chuột đói lần ra trong những đêm vắng. Tọa vật vốn dĩ vô tình, nhưng tuế nguyệt la đà, mây trời chìm nổi; thì trên những triền núi cheo leo, có khi cũng có thể nghe được tiếng đồng vọng mơ hồ của đêm dài heo hút. Đồng vọng đó cũng có thể thấy ở chỗ “năm tháng cheo leo”, hay năm tháng tro vơ. Nắng buổi chiều trọt dốc dài trên sườn núi, ruồi dài giữa cô quạnh mông lung. Cái đó như là tâm sự được ký thác bên kia bờ viễn mộng; tâm sự riêng biệt của năm tháng, hay của cánh chim hồng, bay ngang qua dòng thác thời gian đổ xuống ào ạt?

I

Nam lai bất giác tuế tranh vanh
Tọa bát hàn hôi thính vũ thanh
Già nhãn văn thơ nguyên bất độc
Bạn nhân đặng hòa diệc đa tình
Ta dư lạo đạo vô qui nhật
Linh nhữ ta đà dĩ bán sanh
Miễn sử Hàn công bi thế sự
bạch đầu hoàn đối đoản đặng khanh[1]

I

Tâm suy diện cải sấu tranh vanh
Tương kiến duy ưng thức cự thanh
Vĩnh dạ tư gia tại hà xư
Tàn niên tri nhữ viễn lai tình
Úy nhân mặc tọa thành si độn
Vấn cự kinh hô bán tử sanh
Mộng đoạn tửu thính thu vũ tuyết
Tiểu khan cơ thử thượng đặng khanh

南来不觉岁峥嵘

坐拨寒灰听雨声

遮眼文书元不讀

伴人燈火亦多情
嗟余潦倒無歸日
今汝跼已半生。
免使韓公悲世事
白頭遑對短燈檠
心衰面改瘦崢嶸
相見惟應識舊聲
永夜思家在何處
殘年知汝遠來情。
畏人默坐成痴鈍
問舊驚呼半死生
夢斷酒醒山雨絕
笑看饑鼠上橙檠。

(I)

Từ sang nam, bỗng chốc năm đã chày heo hút,
Giữa đêm dài ngòi khơi tro lạnh nghe mưa rơi
Tay che mắt, thơ văn nguyên chẳng đọc,
Bên bóng đèn ánh lửa ấm tình người
Ta lận đận mấy năm trường lưu lạc,
Cháu bon chen bươn bả nửa đời rồi.
Thế sự đó ông Hàn xưa khỏi khóc,
Đèn vẫn chân tóc trắng vẫn chưa thay.

(II)

Tâm suy mặt đổi gầy hốc hác,
Gặp nhau qua giọng cũ mà thôi
Quê hương xa đồng vọng đêm dài
Cháu lận lội xuôi tình năm tháng lại
Ngòi lặng tiếng bởi sợ người nên ngậy đại,
Bạn bè xưa sống chết nghĩ mà kinh
Rượu tỉnh mơ tàn mưa đã dứt
Cười xem chuột đói leo chân đèn

Cơ nhân hốt mộng phạn tắng dật
 Mộng trung nhất bảo bách ưu thất
 Chỉ tri mộng phạn bản lai không
 Vị ngộ chân cơ thị hà vật
 Ngã sinh vô điền thực phá nghiên
 Nhĩ lai nghiên khô ma bất xuất
 Khứ niên thái tuế không tại dậu
 Bàng xá hồ tương bất dụng khát
 Kim niên hạn tuế phục như thử
 Tuế vãn hà dĩ kiềm ngô đột
 Thanh thiên đấng đấng hô bất vãn
 Huống dục kê thủ hào nê Phật
 Ứng trung tích dịch vuu khả tiếu
 Kỳ kỳ mạch mạch hà đẳng trật
 Âm dương hữu thì vũ hữu số
 Dân thị thiên dân thiên tự tuất
 Ngã tuy cùng khổ bất như nhân
 Yếu diệc tự thị dân chi nhất
 Hình dung tuy thị táng gia cầu
 Vị khảng nhị nhĩ tranh đầu cốt
 Đảo quán lạc trách tạ bằng hữu
 Độc dữ vãn lôi cộng khuê tất.
 Cố nhân sân ngã bất khai môn
 Quân thị ngã môn thùy khảng khuất
 Khả liên minh nguyệt như bát thủy
 Dạ bán thanh quang phiên ngã thất
 Phong tùng nam lai phi vũ hầu
 Thả vị bì nhân tây chung uất
 Khiên thường nhất họa khoái tai dao
 Vị hạ cơ hàn niệm minh nhật

飢人忽夢飯甌溢，
 夢中一飽百憂失。
 只知夢飽本來空，
 未悟真飢定何物。

我生無田食破硯，
爾來硯枯磨不出。
去年太歲空在酉，
傍舍壺漿不容乞。
今年旱勢復如此，
歲晚何以黔吾突。
青天蕩蕩呼不聞，
況欲稽首號泥佛。
甕中蜥蜴尤可笑，
跂跂脈脈何等秩。
陰陽有時雨有數，
民是天民天自卹。
我雖窮苦不如人，
要亦自是民之一。
形容可似喪家狗，
未肯聃耳爭投骨。
倒冠落幘謝朋友，
獨與蚊雷共圭華。
故人嗔我不開門，
君視我門誰肯屈。
可憐明月如潑水，
夜半清光翻我室。
風從南來非雨候，
且為疲人洗蒸鬱。
褰裳一和快哉謠，
未暇飢寒念明日。

II

Khứ niên đông pha thập ngỏ lịch
Tự chúng hoàng tang tam bách xích
Kim niên ngải thảo cái tuyết đường
Nhật chích phong xuy diện như mặc
Bình sinh lại đọa kim thủy hồi
Lão đại cần nông thiên sở trực
Phái nhiên lệ tứ tam xích vũ
Tạo hóa vô tâm hoàng nan trác
Tứ phương thượng hạ đồng nhất vân
Cam chú bất vi long sở cách
Bồng cao hạ thấp nghinh hiếu lỗi
Đặng hỏa tân lương thôi dạ chức
Lão phu tác bãi đắc cam tẩm
Ngọa thính tường đông nhân hưởng kịch
Bôn lưu vị dĩ khanh cốc bình
Chiết vi khô hà tứ phiêu nịch
Hủ nho thô lệ chi bách niên
Lực canh bất thọ chúng mục liên
Pha pha lậu thủy bất nại hạn
Nhân lực vị chí cầu thiên toàn
Hội đương tác đường kính thiên bộ
Hoành đoạn tây bắc già sơn tuyền
Tứ lân tương suất trợ cử xử
Nhân nhân tri ngã nang vô tiền
Minh niên cộng khan quyết cử vũ

Cơ bão tại ngã ninh quan thiên
Thùy năng bặt ngã điền gian âm
Túy đảo duy hựu chi đầu chuyên

去年東坡拾瓦礫，
自種黃桑三百尺。
今年刈草蓋雪堂，
日炙風吹面如墨。
平生懶惰今始悔，
老大勸農天所直。
沛然例賜三尺雨，
造物無心悅難測。
四方上下同一雲，
甘澤不為龍所隔。
蓬蒿下濕迎曉未，
燈火新涼催夜織。
老夫作罷得甘寢，
臥聽牆東人響屐。
奔流未已坑谷平，
折葦枯荷恣漂溺。
腐儒羸糲支百年，
力耕不受眾目憐。
破陂漏水不耐旱，
人力未至求天全。
會當作塘徑千步，
橫斷西北遮山泉。
四鄰相率助舉杵，
人人知我囊無錢。

明年共看決渠雨，
飢飽在我寧關天。
誰能伴我田間飲，
醉倒惟有支頭磚。

III

Thiên công hiệu lệnh tái bất xuất
Thập nhật sầu lâm tính vi nhất
Quân gia hữu điền thủy mạo điện
Ngã gia vô điền ưu nhập thất
Bất như Tây châu Dương đạo sĩ
Vạn lý tùy thân duy lưỡng tất
Duyên lưu bất ố tổ diệc giai
Nhất diệp biến chu nhiệm phong đột
Sơn khung mạch khúc đô bất dụng
Nê hành lộ túc chung vô tật
Dạ lai cơ trường như chuyên lô
Lữ sầu phi tửu bất khả khai
Dương sinh tự ngôn thức âm luật
Động tiêu nhập thủ thanh thả ai
Bất tu cánh đãi thu tinh sáp
Kiến nhân bạch cốt phương hàm bôi

公号令再不出，
十日愁霖併為一。
君家有田水冒田，
我家無田憂入室。
不如西州楊道士，
萬里隨身惟兩膝。
沿流不惡惡斥亦佳，
一葉扁舟任風突。
山芎麥麴都不用，
泥行露宿終無疾。
夜來飢腸如轉雷，
旅愁非酒不可開。

杨生自言識音律，
洞簫入手清且哀。
不須更待秋井塌，
见人白骨方銜杯。

Ba bài họa thơ của Không Nghị Phủ. Thơ họa vắn, nhưng cốt cách không phải là họa. Không chỉ tài tình, mà còn tài hoa nữa. Giọng khinh bạc, thì cao vòi vọi. Giọng cay đắng, thì cay cùng cực. Giọng nồng nàn, giọng giận dữ. Trong một cảm tình, Đó há không là những phương trời viễn mộng, trong cùng một lúc, bỗng đột ngột hiện về? Ban đầu ông nói sử tình nằng hặng và cảnh khó của ông. Rồi bất chợt lời thơ như phần nộ, có thể thấy những chỗ ông gằn giọng, Cuối cùng là giọng thơ trở nên điềm đạm, và đến lúc chấm dứt thì ngậm ngùi: rượu nồng cho tình người nồng nàn trong một cõi nhân sinh, và xương trắng lạnh lũng với đất cho lịch sử trở thành những lời vĩnh tịch

Nằng hặng cùng cực, mưa gió cùng cực; mọi cái hiện ra trong sự cùng cực sôi động. Lời thơ có phần nộ, có phóng dật, mang tất cả phong vận tài hoa sôi động, nhưng phảng phất một cõi trầm lặng tịch liêu; một viên đá nhỏ nằm giữa ngã ba đường, trong cảnh tượng náo nhiệt. Hồn thơ tỏa ra từ đó, bao trùm cả một cõi thơ bát ngát. Đá cuội say sưa nghiêng ngửa, và xương trắng lạnh lũng không nói: đâu là trời thơ? Đó là dấu lặng trong một bản đại hòa tấu. Không nên nghe một cách khinh suất.

Dịch nghĩa

(Các bài này vắn nhất đừng cố dịch theo vần điệu. Người đọc dù không biết một tí chữ Hán. Trời thơ sẽ đến bất ngờ. Mai sau xương trắng của mình nín lặng dưới lòng đất, nhưng đá cuội bên đường sẽ nghe ra hể, và gặt đầu trong sự tình giao ứng.)

I

Người đói bỗng nằm mộng thấy bát com đây;
Một bữa no trong cơn mộng mà một trăm nỗi ưu phiền tiêu tất cả
Chỉ biết rằng cái no trong mộng bán lai là không.
Chứ chưa tỏ ngộ được cái đói thực sự là cái gì.
Tôi sinh ra không có ruộng, kiếm ăn bằng nghiền mực mè;
Từ lâu nghiền mực đã khô, mài không ra

Năm ngoái sao Thái tuế năm tro tại dậu,
Nhà bên cạnh, một lọ tương cũng không chịu xin.
Mà năm nay, cái thế hạn lại như vậy.
Cuối năm, lấy gì nấu cho đen ống khói nhà tôi?
Trời xanh vôi vọi, kêu không thấu.
Còn lại muốn cúi đầu rêu Phật đất nữa ư?
Con thần lẩn trong vò lại đáng nực cười
Bò tới bò lui lịch kịch, chẳng ra đầu đuôi gì cả.
Âm dương có thời, mưa gió có số
Dân là dân của trời, trời phải thương;
Tôi tuy cùng khổ, chẳng hơn được ai,
Nhưng cũng là một người trong đám dân đó.
Hình dung tuy như con chó nhà ma,
Nhưng chưa chịu vĩnh tai dành cái mẩu xương vớt ra đó.
Bút giải, lột mũ, tạ bạn bè,
Một mình cùng với lũ ruồi, chúng kêu vo vo như sấm, bu lại trên đám hành.
Bạn bè giận tôi không mở cửa
Nhưng ngài thử coi, ai khứng nghiêng mình trước cửa nhà tôi?
Chỉ thương tình trăng ngậy thơ tuôn ánh sáng như nước xối,
Nửa đêm đổ ánh sáng mát lọt vào nhà ta,
Gió từ nam thổi tới, chưa phải là lúc có mưa
Nhưng cũng vì cái người mệt mỏi mà rửa sách những nực nội ấm ức trong lòng
Vén tay áo đáp lại bằng một bài dao: rằng sương thay!
Nhưng chưa một thoáng, lại nghĩ tới chuyện đói no ngày mai.

II

Năm ngoái, dọn gạch ngói tại đông pha,
Tự trồng dâu trong ba trăm thước đất.

Năm này cắt cỏ lợp nhà tuyết
Nắng r ám, gió thổi, mặt đen như mực.
Bình sinh biếng nhác, nay mới hối.
Già nua mà chăm chỉ làm ruộng, nên trời thương,
Chiếu lệ đổ mưa rầm rầm, cao ba thước.
Tạo hóa vô tâm, mù mờ khó lường nổi.
Mây cả một vùng, khắp bốn phía, từ trên đến dưới;
Đổ mưa dầm không ngớt, không cho rồng nghỉ ngơi.
Sớm mai, lau sậy dưới đất trùng đã đón luỡi cày.
Đèn lửa sáng tươi trở lại, thúc giục người ta dệt vải ban đêm.
Lão phu làm ruộng xong được một giấc ngon;
Nằm nghe bên tường đông có người khua tiếng guốc.
Nước chảy chưa bao lâu, hầm hố đầy cả.
Lau gầy, sen héo, mặc tình chìm nổi.
Hủ nho giã gạo thô tưởng chừng một trăm năm chưa chắc xong;
Ra sức cày, mà cày không nổi, con mắt mọi người trông thấy mà thương.
Bờ ruộng vỡ, nước chảy tràn vào, bất kể trời hạn.
Sức người chưa ra hết sức, lại phải cầu trời làm trọn cho, mới mong!
Lại phải đào ao, dài một nghìn bộ,
Năm ngang cắt đôi tây bắc, cản suối trên đở xuống.
Hàng xóm kéo nhau đến giúp tay, nhắc hộ cái chày!
Ai ai cũng biết túi tôi không mống tiền.
Sang năm rồi coi, mưa sẽ làm vỡ con kênh đó!
Đói no tại ta, mắc chi đến trời?
Ai có thể ngồi uống rượu với ta giữa ruộng?
Đó là viên sỏi đầu ngã ba, nó đã say nghiêng ngựa.

IV

Ông trời không ban hiệu lệnh mưa nữa.

Mưa một lần suốt luôn mười hôm, dầm dề ứ đọng.

Nhà bác có ruộng, nước tuôn ngập ruộng

Nhà tôi không ruộng lại lo nước tràn lên thềm.

Chẳng bằng như Tây Châu Dương đạo sĩ,

Đi hàng vạn dặm, chỉ theo mình hai cái đầu gối.

Xuôi dòng không ghét, ngược dòng cũng tốt

Một mảng thuyền, mặc tình trôi.

Cỏ thuốc rừng, rượu nếp tẻ, đều không cần.

Lội bùn, ngủ sương, không vội vã;

Nhưng đêm đến, bụng đói, kêu như sấm

Thì cái sầu cô lũ, không rượu, làm sao nguôi?

Lão Dương tự cho giỏi âm luật,

Đưa sáo vào tay, tiếng nghe trong mà buồn.

Khởi đọi giếng mùa thu vỡ nước

Thấy người xương trắng mới ngậm chén.

[1] Đoản đăng khanh, chân đèn vắng, trong một bài thơ của Hàn Dũ. Đại khái: chân đèn dài, tám thước, chỉ để mà dài; chân đèn vắng, hai thước, vừa tiện lại vừa sáng, Anh học trò lúc 20 tuổi, già nhà đi lập danh phận. Đêm đêm chong đèn ngồi đọc sách trước cây đèn chân vắng. Rồi sau giàu sang, chong đèn chân dài cho đẹp nhà đẹp cửa. Cây đèn chân vắng bị bỏ rơi, nằm buồn câm nín tại một góc tường

Bóng đèn khuya, con chuột đói, và nỗi buồn lũ thú

IV. TRỜI TRẮNG SAO IN MỘNG TRIỆU SÔNG HỒ (1086-1093)

LỜI DẪN

Trăng thanh cấm trên kia vùng sa mạc

Trời Vũ lâm in mộng triệu sông hồ

Đó là bầu trời đồng vọng, trong tương ứng. Thơ chen chúc giữa những gió và
nhưng bụi của kinh thành, của ngọc đường kim mã, nên cái đồng vọng nghe ra
những tiếng nghẹn ngào. Thăng hay trầm trong cuộc sống, cái đó không làm ra
Thơ, không tạo dựng nổi cõi thơ. Không phải đi từ cực đỉnh công hầu xuống đến
tận chỗ đọa đày cùng quần áo com mà trời Thơ có thể mở rộng. Thơ là cánh nạn
lạc bầy đi tìm kiếm quê hương khắp suốt sơn cùng thủy tận, mà quê hương vẫn
đồng vọng trong cách điệu không lời, không chốn. Thì người lịch nghiệm tồn sinh
trên đôi cánh mỏng của Thơ, đến đâu chẳng là đất Trích. Gió bắc lạnh kinh hồn
thổi vèo sương tuyết lên cùng sa mạc của đất Trích, cho nên trời trăng sao kia vẫn
in mộng triệu sông hồ. Nhưng, trăng sao trên đó, và sông hồ dưới này, hai cõi
miền xa xôi hoàng viễn. Mộng triệu đó mới thành ra là Viễn mộng. Bầu trời đó
mới trở nên Trời Viễn mộng đọa đày cuộc Lữ. Rồi kỳ cùng của cuộc Lữ sẽ là đâu?

I

(I)

Trúc ngoại đào hoa tam lưỡng chi
Xuân giang thủy noãn áp tiên tri
Lâu cao mẫn địa lô nha đoàn
Chính thị hà đồn dục thượng thì

竹外桃花三两枝,
春江水暖鸭先知
蒌蒿满地芦芽短
正是河豚欲上时

(II)

Lưỡng lưỡng qui hồng dục phá quần
Y y hoàn tộ bắc qui nhân
Diêu tri sóc mạc đa phong tuyết
Cánh đải Giang nam bán nguyệt xuân

兩兩歸鴻欲破群,
依依還似北歸人。
遙知朔漠多風雪,
更待江南半月春

Mùa xuân, ở Huệ sùng, buổi chiều trên sông. Bấy giờ là vào năm bình dân (1086),
ông đã trở về kinh, sau năm năm bị biếm trích. Tâm sự vẫn như cánh nạn lạc bầy,
giữa đất kinh kỳ của sa mạc bắc phương, đây sương tuyết.

I

Ngoài khóm trúc đào hoa mấy nhánh
Nước mùa xuân nắng ấm vệt hay rời
Lau lách um tùm, chồi vi lô vừa lú
Cá lòng sông lên đớp bóng ăn mồi

II

Đường lên bắc mấy cánh hồng lẻ bộn
Bay dật dờ như người trở gót lưu li
Trời sa mạc tưởng chừng sương tuyết nặng
Đội con trăng nửa mảnh ở nam về.

2.

Bấy giờ là năm bình dân (1086), năm đầu của triều vua Triết tông, nguyên hựu thứ nhất. Ông 51 tuổi, được vận thất phẩm phục, vào hầu triều, giữ chức Trung thư xá nhân, rồi được dời sang Hàn lâm viện phụ trách soạn Chế Cáo cho vua

Ngày 29 tháng 11 năm đó, bàn chuyện cũ với Đặng Thánh Cầu. Cầu là Hàn lâm viện thừa chỉ, trước kia làm Vũ xương lệnh, thường chơi Hà Khê, Tây sơn. Lúc Đông Pha bị biếm trích ở Hoàng châu, đối ngạn với Vũ Xương, cũng từng chơi mấy chỗ đó. Thánh Cầu có làm bài minh khắc tại vách đá ở Vũ Xương; nhân đó, Ông làm bài thơ để cho người khắc cạnh bài minh của Cầu. Ông nói những ngày tháng ngao du ở Vũ Xương, trng thời kỳ bị biếm trích. Đây là những câu cuối của bài thơ đó:

Sơn nhân trướng không viên hạc oán
Giang hồ thủy sinh hồng nhận lai
Thịnh công tác thi ký phụ lão
Vãng hoà vạn hác từng phong ai

Người thợ săn bủa lưới giăng trời làm cho vượn, hạc sinh oán. Sông hồ đầy nước, cánh hồng cánh nhận bay đến. Bài thơ làm khắc bên vách đá để ngày tháng cùng kêu với gió thông và các hốc núi.

Làm xong bài thơ đó, mà tình tự còn dài, cảm hứng tưởng còn đồng vọng xa xôi. Ông làm thêm một bài nữa, lấy vận của bài trước. Đó là bài được trích ở đây.

Chu nhan phát quá như xuân phôi
Hung trung lê táo sơ vị tài
Đan sa vị dị tảo bạch phát
Xích từng khước dục tham Hoàng mai

Hàn kê bản tự Viễn công xã
bạch liên thúy trúc y thôi ngô
Đương thời thạch tuyền chiếu kim tượng
Thần quang dạ phát như Ngũ đài
Âm tuyền giám diện chân đắc ý
Tọa khan vạn vật giai phù ai
Dục thâm mộ cảnh phản điền lý
Viễn tổ giang thủy cùng ly đôi
Hoàn triều khởi độc tu lão bệnh
Tự thán tài tận khuynh không lời
Chư công cừ cừ nhược hạ ốc
Thôn thổ phong nguyệt thanh ngưng ôi

Ngã như phế tỉnh cửu bất thực
Cổ trúu khuyết lạc sinh âm đài
Số thi vãng phục tương cảm phát
Cấp tân trừ cự hàn quang khai
Điều tri nhị nguyệt xuân giang khoát
Vân lãng đảo quyển vân phong tòi
Thạch trung vô thanh thủy diệp tĩnh
Vân hà giải chuyển không sơn lời
Dục tợu chư công bình thủ ngữ
Yếu thức ưu hỉ hà tòng lai
Nguyện cầu Nam tông nhất điệu thủy
Vãng dữ Khuất Giả tiên dư ai

朱顏發過如春醅，
胸中梨棗初未栽。
丹砂未易掃白髮，
赤松卻欲參黃梅。
寒溪本自遠公社，
白蓮翠竹依崔嵬。
當時石泉照金像，
神光夜發如五臺。
飲泉鑑面得真意，
坐視萬物皆浮埃。
欲收暮景返田里，
遠泝江水窮離堆。
還朝豈獨羞老病，
自歎才盡傾空壘。
諸公渠渠若夏屋，

吞吐風月清隅隈。
我如廢井久不食，
古甃缺落生陰苔。
數詩往復相感發，
汲新除舊寒光開。
遙知二月春江闊，
雪浪倒卷雲峰摧。
石中無聲水亦靜，
云何解轉空山雷。
欲就諸公評此語，
要識憂喜何從來。
願求南宗一勺水，
往與屈、賈湔餘哀。

Xích Tùng Tử là lão tiên ông đã dạy đạo cho Trương Lương, cái đạo công thành thân thoái của Lão Tử. Hoàng Mai là Ngũ tổ Hoàng Nhân trao diệu lý Thiên tông cho Huệ Năng. Tuệ Viễn, từ đời Tấn, đã ẩn mình thế ngoại trên Lô Sơn, trọn đời không bước qua khỏi Hồ khô; cùng với 18 người bạn, Đông lâm thập bát hiền, lập Bạch Liên xã tu Phật ở đó. Ngũ đài sơn là ngọn núi mà Bồ tát Văn Thù thường lai vãng, có khi hiện thân làm mục đồng hát nghêu ngao. Đó cũng là nhưng phương trời viễn mộng vang dội mãi trong thơ của ông.

Nét thanh xuân nở rộ như rượu nồng trình nguyên chưa lọc,
Mà rừng táo ẩn dật đã chưa gieo trồng trong bụng
Đan sa cũng chưa để gì quét sạch tóc bạc.
Kiếm xích tùng rồi lại muốn hỏi đạo với Hoàng Mai
Dòng suối lạnh vẫn chỉ riêng nơi bạn bè của Tuệ Viễn
Sen trắng, tre xanh, vẫn còn cao xa diệu vợi.
Lúc bấy giờ suối đá chiếu tượng vàng,
Ban đêm thần quang rực rỡ trên Ngũ đài
Uống nước suối, soi mặt, mà thấy được chân ý,
Ngồi coi vạn vật đều như bụi mờ
Những dọn cảnh trời chiều trở về ruộng rẫy

Rong xa cùng sông nước, đi suốt cùng rặng núi Ly đôi (ở bên dòng Trường giang tại tỉnh Tứ xuyên)

Nay trở về triều, đâu chỉ thẹn vì tuổi già và yếu kém,
Mà sầu khô vì tài đã hết, đã dốc cạn chén không;
Các bạn phơi phới như căn nhà rộng
Còn tôi như giếng bỏ lâu không dùng
Thành giếng gãy đổ, rêu mờ phủ kín.

Vài câu thơ qua lại gọi nhớ mà thôi.
Uống cái mới, trù cái cũ, ánh sáng lạnh lẽo mở ra vắng vẻ.
Trời tháng hai, ngoài kia con nước mùa xuân lai láng,
Sóng cuộn cuộn đổ rầm như gió tuôn ào ạt
Đá im hơi dòng nước lặng như tờ,
Làm sao nghe được tiếng sấm dậy trên rừng hoang?
Muốn gặp các bác bình việc đó,
Để biết cái vui buồn từ đâu mà lại,
Chỉ mong một giọt nước đạo Thiên đốn ngộ,
Cùng Khuất Nguyên, Giả Nghị, rửa sạch mọi u sầu.
Ông tự chú: Thơ Vị Ứng Vật:
Thủy tánh bản vân tĩnh
Thạch trung cố vô thanh
Như hà lưỡng tương kích
Lôi chuyển không sơn kinh.

Tánh nước nói là tĩnh
Trong đá vốn không tiếng
Sao khi chúng chạm nhau
Sấm dậy vang núi vắng?

3

Vân hải tương vọng ký thử thân
Na nhân viễn thích cánh thiên cân
Bất từ dịch kỵ lãng phong tuyết
Yếu sử thiên kiêu thức phụng lân
Sa mạc hồi khan Thanh cấm nguyệt
Hồ sơn ứng mộng Vũ lâm xuân
Thiên vu nhược vấn quân gia thế
Mạc đạo trung triều đệ nhất nhân.

云海相望寄此身，
那因远适更沾巾。
不辞驿骑凌风雪，
要使天骄识凤麟。
沙漠回看清禁月，
湖山应梦武林春。
单于若问君家世，
莫道中朝第一人

Từ Tống Triết tông, nguyên hựu thứ 4, năm kỷ ty. (1089), ông xin ra ngoại nhiệm; cốt ý tránh tai vạ. Bấy giờ ông lĩnh chức Long đồ các học sĩ ra coi Hàng châu. Vì ông trực ngôn, gây nhiều oán hận nơi các quan lại đương triều, càng ngày càng nhiều.

Kể từ lúc ông trở về triều, năm nguyên hựu thứ nhất, cho đến năm đó, trải qua bốn năm; ông giữ chức Trung thư xá nhân, rồi Hàn lâm viện học sĩ, Hàn lâm viện thị độc. Trong những năm này, thơ ông phần lớn là những bài thù tạc, đối ứng. Chúng chen chúc với khói bụi kinh thành. Cho nên khi trở lại Hoàng châu, ông dâng biểu về triều, có nói: “Giang sơn cố quốc, đến cũng như đi; phụ lão, di dân, cùng với thần chăm hỏi nhau...”. Đây là lúc sau 15 năm trở lại Hàng châu. Rồi lúc về lại Tây hồ, ông tưởng chừng như gặp lại cái gì đó thao thiết nhất của mình trong quá khứ:

Hoàn tùng cự xã đắc tâm ấn
Tạ tỉnh tiền sinh mịch thủ thơ.

Khi ông lãnh chức Long đồ các học sĩ ra coi Hàng châu, Tử Do thay ông giữ chức Hàn lâm viện Thị độc tại triều. Năm đó, kỷ ty. (1089). Tử Do đi sứ Khiết đan. Năm trước, ông được cử đi, nhưng xin từ.

Bấy giờ ông đang ở tại Hàng châu, nên thơ nói: “Vũ lâm...”, đó là ngọn núi ở Hàng châu. Và Tử Do cũng đang làm Hàn lâm viện thị độc tại triều, nên thơ nói: “... Thanh cấm...” Thanh cấm, tức cấm cung ở nội triều, nơi làm việc của các quan Hàn. Thoạt tiên, thơ go85i húng tự tình giữa ông và Tử Do, nên lời thơ bộc trực và đậm đà. Nhưng rồi trời thơ đó bỗng mở ra cánh cửa hoàng viễn. Trăng trên miền sa mạc bắc phương cùng hiện về trong cõi mộng trên các sông hồ của nam hoa. Đó là cách điệu thanh thiết, và tráng lệ của thơ. Hai câu 5 và 6 thật tuyệt diệu.

Người từ biển đông trông sang;
Người từ mây bắc ngó lại.
Đường xa xôi và tình đắm mấy lần khăn.
Vượt gió tuyết qua mấy trùng quán trọ,
Cho giặc trời trông rõ mặt phượng lân.
Trăng Thanh cấm trên kia vùng sa mạc,
Trời Vũ lâm in mộng triệu sông hồ.
Thiên vu nếu hỏi gia thế chú,
Đừng nói trong triều Đệ nhất nhân

LỊCH NGHIỆM KỶ CÙNG CUỘC LỮ

(.....)

Đài Thành một thuở Thi Thơ
Xe Vàng còn mộng quanh tà áo Thu
Tóc Mai về, sương Ngô điểm mái
Thân tàn như cỏ dại bờ đê
Đăm đăm từ giã Kinh Kỳ
Lao đao thần tử miền quê lạc loài
(thơ của Lý Hạ)

1.

Tống Huy Tông, Thiệu thánh nguyên niên, giáp tuất (1094), Ông 59 tuổi, bị đày xuống Huệ Châu

Năm trước, Ông đang giữ chức Đoan minh điện học sĩ kiêm Hàn lâm viện thị độc. Huy Tông vừa lên ngôi mà mầm họa lớn đã chớm nở tại triều đình. Lại thêm một lần muốn tránh tai vạ không lường, Ông xin ra làm thái thú Định Châu. Nhưng đến năm sau, bị giáng chức, phải đổi đi Anh châu; đi chưa đến nơi, bị cách chức tước lột, đày xuống Huệ châu.

Bước ra đi, với người tiễn khách, thơ ông gửi Sâm Liêu Tử:

Mạc Ngôn Tây Thục vạn lý
Thả đáo Nam hoa nhất du
Phù bệnh giang biên tống khách
Trượng noa phổ khẩu hồi đầu

Đường Tây Thục đã là hiểm trở
Miền Nam hoa một chuyến càn ghê
Người gượng bệnh bên dòng tiễn khách
Gậy cầm tay phổ khẩu ngóng về.

Ai đã từng đọc bài thơ “Đường vào đất Thục” của Lý Bạch, phải biết cái hiểm trở kinh người nó mang những sắc diện hãi hùng như thế nào. Thì đường đi Nam hoa của ông, thử một lần mới biết; với đường vào đất thục, mỗi kinh tâm động phách cũng ra ngoài tưởng tượng. Cuộc tiễn chân, ẩn chứa bi hùng trong nỗi trầm tư lữ thứ.

Tháng 6 năm đó, thuyền ông đỗ bến Kim lăng, gặp giông tố, lời thơ ông vọng về mấy người bạn xa xôi:

Kim nhật giang đầu thiên sắc ác
Pháo xa vân khởi phong dục tác
Độc vọng Chung sơn hoán Bảo công
Lam gian bạch tháp như cô hạc
Bảo công cốt lãnh hoán bất văn

....

Sắc trời như sụp xuống đầu sông. Xe bay mây trôi gió ùng ùng. Chỉ còn nước vọng về Chung sơn mà réo gọi Bảo công. Giữa rừng, nơi tháp trắng lẻ loi như cánh hạc; Bảo công xương lạnh, réo không nghe.

Rồi ngang qua Lô sơn, trời mây bỗng cuộn cuộn, như long lở núi. Ông kêu gọi thần linh yểm trợ:

Ngũ lão sỗ tùng tuyết
Song Khê lạc thiên đàm
Tuy vân mặc đảo ứng
Cố hữu di văn tàm

Ngọn Ngũ lão, đã có lần chào đón ông trong phong vận tài tử, và những con suối từ cao đổ xuống trước kia chúng kêu hùng cho tài hoa thưởng ngoạn. Bây giờ, trông xa xa, Lô sơn bỗng là những biển tượng đọa đày. Chân diện mục đã một lần như vén mở, nhưng vén mở rồi khép lại từ nào, mà trong bước đường Lữ thứ bây giờ, trời Lô sơn trở thành khổ lụy nhân sinh đổ ào ào xuống.

Lại cái màu xanh biếc kia nữa. Màu xanh biếc của ngọn Nga mi, màu xanh trong phương trời đồng vọng quê hương thuở xưa. Trong những ngày đó, ngọn Nga Mi xanh biếc giữa bầu trời là tình tự đầm ấm của quê hương. Nhưng bây giờ, màu đó chợt một lần thoáng qua giấc mộng cũng đủ gây ra vô số đoạn trường:

Thanh Khê điện chuyển thất vân tung
Mộng lý do kinh thúy tảo không

Suối trong sấm sét dậy, sụp đỉnh mây ngàn. Trong giấc mộng, mà còn kinh màu biếc giữa trời.

Cho đến tháng tám, ngày mùng 7, ông vào Cống châu, ngang qua thác Hoàng khùng. Thì nơi đây, thơ đột ngột hiện lên những lời của viễn mộng:

Thất thiên lý ngoại nhị mao nhân
Thập bát than đầu nhất điệp thân
Sơn ức Hỉ hoan lao viễn mộng
Địa danh Hoàng khùng khắp cô thần

2.

Trên đường đi tới Huệ châu, ông gặp chùa Thiên trúc, ghé lại thăm, gặp bút tích của Lão Tô, ông làm thơ và tự viết lời dẫn:

“Tôi năm 12 tuổi, tiên quân từ Kiềng châu về nói với tôi rằng: Gần thành, trong núi có chùa Thiên trúc, có bài thơ Bạch lạc Thiên tự tay viết:

Nhất sơn môn tác lưỡng sơn môn
Lưỡng tử nguyên tùng nhất tự phân
Đông gạn thủy lưu tây gạn thủy
Nam sơn vân khởi bắc sơn vân
Tiền đài hoa phát hậu đài kiến
thượng giới chung thanh hạ giới văn
Diêu tượng ngô sư hành đạo xứ
Thiên hương quế tử lạc phân phân

“Bút thế kỳ đậm, dấu vết như mới, nay đã 47 năm rồi.

“Tôi đến hỏi thăm, thì thơ đã mất, chỉ còn tấm đá khắc mà thôi. Ngậm ngùi nước mắt chảy, nên làm bài thơ đó”

Bài thơ ông như thế này:

Hương Sơn cư sĩ lưu di tích
Thiên trúc thiền tăng hữu cố gia
Không vịnh liên châu ngâm điệp bích
Dĩ vong phi điều thất kinh xà
Lâm thâm dã quế hàn vô tử
Vũ áp sơn khương bịnh hữu hoa
Tứ thập niên tiền chân nhất mộng
Thiên nhai lưu lạc thế hoành tà

香山居士留遺跡
天竺禪師有故家
空詠連珠吟疊壁，
已亡飛鳥失驚蛇。
林深野桂寒無子，
雨浥山薑病有花。
四十七年真一夢，
天涯流落淚橫斜

Hương sơn cư sĩ lưu di tích
Thiên trúc thiền sư có của nhà
Chuối hạt lần không, mòn vách đá

Chim ngàn biên biệt rấn chuồn xa
Mùa lạnh rừng sâu còn quế đại
Người đau mưa núi đượm gừng tra
Bốn bảy năm rồi như mộng ảo
Ven trời đổ lệ đọa đày xa

Thơ như thế là đồng vọng của cõi đời trầm mặc. Nhưng tình thơ nồng đượm khôn cùng, cho nên những tiếng thì thầm của lịch sử tồn sinh ngân vang khúc đoạn trường khổ lụy. Rừng núi thâm u, tiếng lằn chuỗi của thiền sư trong nỗi đời trầm lặng cô liêu mà cũng trở thành những tiếng vang dậy, thì cánh chim đang ngo ngác cũng giật mình sừng sốt bay đi, và con rắn đang cuộn tròn trong hốc đá cũng hoảng sợ chuồn mất. Tiếng đó là tiếng gì mà nghe nó kì dị như thế, nếu không là âm hưởng trầm trọng của thảm họa hoành sinh tràn đầy trong cuộc Lữ, cuộc Lữ của tồn sinh mộng ảo?

3.

Từ Quảng Châu ra đi, còn cách Huệ Châu đất trích khoảng một trăm cây số nữa. Trên đường đi ngang qua La phù sơn. Trước thời nhà Đường, đất này trực thuộc Giao chỉ. Đồi Đông Tấn, có Cát Hồng, tự xưng là Tiểu Cát Tiên ông, và tự hiệu là Bảo Phác Tử, nghe đồn Giao Chỉ có nhiều đan sa, nên dẫn gia đình đến đây để luyện đan. Ông ấy ngụ và chết luôn tại La Phù Sơn này, chưa nếm được tiên đan trường sanh bất tử. Theo lời chú của ông, thơ Lưu Mộng Đắc có kể, tại La phù, nửa đêm có thể thấy mặt trời, và ông cho là chuyện lạ. Núi có hai lầu đá, chùa Diên Tường ở lầu nam, động Chu Minh ở phía sau Xung hư quán, được coi là động trời thứ bảy của cõi Bồng lai. Sau quán Xung hư có đàn Triều đầu, tức đàn ngắm sao, của Chu Minh chân nhân. Gần đàn, ông lượm được 6 con rồng bằng đồng và một con cá cũng bằng đồng. Trong núi có thiết kiều, tức cầu sắt, và thạch trụ; ông nói, ít ai đi tới những chỗ đó. Tuốt trong núi sâu, có khe suối, có con cộp cậm đi tuần sơn thường lai vãng đó.

Tại đây, ông làm thơ:

Nhân gian hữu thứ bạch ngọc kinh
La phù kiến nhật kê nhất minh
Nam lâu vị tất Tề nhật quán
Uất nghi tự dục triều Chu minh
Đông Pha chi sư Bảo Phác lão
Châu Khế tảo dĩ giao tiền sinh
Ngọc đường kim mã cứu lưu lạc
Thốn điền xích trạch kim qui canh
Đạo Hoa diệc thường đạm nhất tảo

Khế Hư chính dục cưu tam bành
Thiết Kiêu thạch trụ liên không hoành
Trượng lê dục sấn phi nhu khinh
Vân Khê dạ phùng ám hồ phục
Đầu đàn trú xuất đồng long nanh
Tiểu nhi thiếu niên kỳ hữu chi
Trung tiêu khởi tọa tồn Huỳnh đình
Cận giả hí tác Lăng vân phú
Bút thế phảng phất Ly tao kinh
Phụ thơ tùng ngã cái qui khứ
Quần tiên chánh thảo tận cung minh
Nhữ ưng nô lệ Thái Thiếu Hà
Ngã diệc quý mạnh Sơn Huyền Khanh
Hoàn tu lược báo Lão Đồng Thúc
Doanh lương vạn lý tâm Sơ Bình

人間有此白玉京，
羅浮見日雞一鳴。
南樓未必齎日觀，
鬱儀自欲朝朱明。
東坡之師抱朴老，
真契蚤已交前生。
玉堂金馬久流落，
寸田尺宅今歸耕。
道華亦嘗啖一棗，
契虛正欲仇三彭。
鐵橋石柱連空橫，
杖藜欲趁飛猱輕。
雲溪夜逢暗虎伏，
斗壇畫出銅龍狞。
小兒少年有奇志，
中宵起坐存黃庭。
近者戲作凌雲賦，
筆勢髣髴籀經。
負著從我盍歸去，
群仙正草新宮銘。
汝應奴隸蔡少霞，
我亦季孟山玄卿。
還須略報老同叔，
贏糧萬里尋初平。

Bài thơ kèm theo một số chú thích của chính ông. Ở đây, hãy ghi lại một ít chú thích đó:

Đạo Hoa: Đòi Đường, đạo sĩ ở Vĩnh Lạc, tên Hầu Đạo Hoa, uống vụng thuốc tiên của Đặng Thiên Sư rồi trốn đi. Ở Vĩnh Lạc có thứ táo không hạch; chỉ một mình Đạo Hoa có chứ không ai có. Tôi (lời ông) ở Kỳ Hạ có lần ăn được một quả

Khế Hư: Tặng đòi Đường. Khế Hư, gặp người dẫn chơi phủ tiên ở Trí Sơn; Chân nhân hỏi: “Ông tuyệt hết tam bành trong lòng chưa?”. Khế Hư không đáp được.

Tân cung minh: (lời chú này của riêng người soạn sách): Quần tiên mỗi khi dựng xong cung điện, cần phải có một bài minh, để ghi khắc. Chuyện nhà thơ Lý Hạ: Lý Hạ chết yếu (26 tuổi); nửa đêm về báo mộng cho mẹ, nói thượng giới vừa dựng xong một cung điện, thiếu người viết bài minh, nên Ngọc đế sai người xuống trần triệu Lý Hạ lên

Thái Thiếu Hà (lời chú của ông): Đòi Đường, có người nằm mộng thấy viết bài thấy viết bài Tân cung minh, nói: Tử Dương Chân nhân Sơ Huyền Khanh, đại lược:

Lương thường Tây lộ
Nguyên trạch Đông tiết
Tân cung hoàng hoàng
Sùng hiên nghệt nghệt

Lại có Thái Thiếu Hà mộng người sai viết bia, đại lược: “Công tích thừa ngư xa, kim lý thụy vân, xúc không ngưỡng đồ, ý lạc luân khôn”. Dưới hết đề: ngũ vân thư các Thái Thiếu Hà thư.

Đồng Thúc: ông tự chú: Tử Do còn có tự là Đồng Thúc.

Nhân gian sao có kính bạch ngọc
Phù sơn canh ba thấy mặt trời

lâu nam chưa chắc quán Tề nhật (cao bằng mặt trời)

Khúm núm như muốn chày Chu minh
Thầy Đông Pha là lão Bảo Phác
Chân Khế là bạn giao du đòi trước
Nhà vàng của ngọc lưu lạc từ xưa
Tấc vườn Đạo Hoa đã từng thưởng thức
Tam bành Khế Hư ruột vẫn đeo mang

Cầu sắt trụ đá kéo bắc ngang không
Lê cao nghều nghệu muốn leo như khi

Đêm gặp cọp rình nơi suối Vân Khê
Ngày bắt nanh rồng trước đàn Triều đầu

Trẻ con nhỏ tuổi có chi lạ
Nửa đêm dậy đọc kinh Huỳnh đình
Vừa rồi làm chơi bài Lãng vân phú
Bút thế tựa tựa Ly tao kinh
Cấp sách theo ta về nhà gấp
Quần tiên đang thảo Tân cung minh
Mi làm đày tớ Thái Thiếu Hà
Ta cũng xấp xỉ Sơn Huyền Khanh
Lại đến tin sơ chú Đồng Thúc
Chứa lương vạn dặm tìm Sơ Bình

4.

Ngày 2 tháng 10 năm đó, giáp tuất (1094) ông đến Huệ Châu. Cảnh vật trông quen thuộc như từng đã thấy một lần đầu đó, trong mộng. Đến đây thì Tô Vũ cũng sẽ nguyện suốt đời chẵn dề, không mong trở về Bắc mạc nữa. Và Quảng Ninh cũng sẽ vĩnh viễn ẩn thân nơi cõi Liêu đông, không bao giờ trở vào lục địa chen chân với đời.

Phảng phất tầng du khởi mộng trung
Hân nhiên kê khuyến thức tân phong
Lại dân kinh quái tọa hà sự
Phụ lão tương huế nghinh thử ông
Tô Vũ khởi tri hoàn Mạc bắc
Quản Ninh tự dục lão Liêu đông
Lĩnh nam vân hộ giai xuân sắc
Hội hữu u nhân khách ngụ công

Phảng phất từng quen há mộng ư?
Chó gào riu rít đến chào ta
Lại dân lạ hỏi chuyện gì thế?
Phụ lão dìu nhau đón lão già
Tô Vũ nào mong về Bắc mạc
Quản Ninh từ nguyện cõi Liêu xa
Lĩnh nam đây rượu vui ngày tháng
Đất trích nhà quan đợi tuổi già.

Cuộc Lữ từ đây cứ cho đi vào cõi mộng không lời. Khách Lữ thứ chọn đất trích làm quê hương. Những gì còn đồng vọng, là những tiếng đồng vọng ngoài kia, của mây phương trời viễn mộng.

5.

Bây giờ đã thấy lại cảnh trăng non, và cây ngô đồng thưa lá. Cõi thơ không nằm nguyên ở đó nữa. Chúng vẫn phơi trần ra đó, chịu đựng tuyết sương băng giá của ngày tháng phiêu du, nhưng âm vang của chúng đồng vọng ở ngoài kia, ngoài những ven trời vạn dặm; ngoài đó là những cánh chim hồng, lẻ loi, và bay bổng giữa mấy triệu phương trời lồng lộng. Từ cõi mộng đơn sơ, đến cái cõi của đọa đày viễn mộng, có hố thẳm tuyết mù, chơi voi không đày. Bên này và bên kia, được nối liền bằng một chiếc cầu độc mộc cheo leo. Làm sao để đi qua, và đi lại, bằng hai chân nặng trĩu của hạng phàm phu tục tử? Một cuộc lữ hành như thế, phải trải qua biết bao là gian khổ, dù nơi đi và chỗ đến chỉ cách nhau trong một móng tâm. Đọa đày viễn mộng là ở chỗ đó ư? Nhưng so lại là đọa đày viễn mộng? Phải chăng tiếng đó chỉ mới vang dội, từ khi một lão đại thần, lồi thồi thê tử, khúm núm dắt nhau chịu đày ải đi về những vùng cùng cực của Nam hoa, hay đi vào tận chốn sơn cùng lộ tuyệt của một đời sống chết? Bơ vơ nơi khách địa, thì tình cố quận và tình tha hương, cả hai đều thắm thiết. Nhưng cố quận thì đâu không là cố quận, và tha hương thì nơi nào lại chẳng phải là tha hương. Đứng bên này mà vọng đến bên kia, con mắt cứ mãi mòn trông đợi. Thế là lao tâm khổ tứ, là quần quai hình hài. Nơi ngọc đường kim mã, mộng bình sinh đã cực đỉnh tang bồng. Nói năng thì như gươm Tần xẻ tóc, và rũ hai tay xuống thì lịch sử trào ra. Đẩy một vạn người bước tới, kéo một vạn người bước lui. Lên núi thì núi rừng cũng biến thành biển lửa. Đưa con mắt hùng thị bốn phương trời, bỗng thấy nước lũ Trường Giang đổ xuống:

Giang sơn như họa
Một thời hào kiệt anh hùng

Ngọc đường kim mã bỗng vang lên những tiếng gào thét đoạn trường. Chim hồng giật mình tung cách bay cao. Biết nơi nào là cố quận, nơi nào là tha hương, để chim hồng đậu lại:

Trạch tận hàn chi bất khảng thê
Tịch mịch sa châu lãnh

Đường ra đi, qua trăng ngàn, qua gió bãi, mây vờn vũ, núi non sụp xuống, nắng chiều đỏ như máu. Đau khổ, kinh hoàng, nên kêu réo, nên ngậm ngùi, và uất hận.

Sơn ức Hỉ hoan lao viễn mộng
Địa danh Hoàng khủng khắp cô thân.

Đất khách là mười tám cái ghèn thác kinh hoàng đổ xuống. Nhưng đất đó đọa đầy thân xác mà không đọa đầy viễn mộng. Quê hương với ân tình thăm thiết kia mới thực là đọa đầy viễn mộng:

Núi nhớ Hỉ hoan đọa đầy viễn mộng
Đất tên Hoàng khủng lệ khóc cô thân

Trên đường vào Nam, ngang qua chùa Nam hoa, ông ghé lại chùa và làm thơ:

Ngã bản tu hành nhân
Tam thế tích tinh luyện
Trung gian nhất niệm thất
Thọ thử bách niên khiển
Khu y lễ Chân Tướng
Cảm động lệ vũ tẩn
Tá sư tích đoan tuyền
Tẩy ngã ý ngữ nghiễn

Ta vốn người tu hành
Ba đời dày tu luyện
Nửa chừng một niệm hư
Trăm năm đọa đọa khiển
Xốc áo lễ Chân Tướng
Cảm động lệ mưa tuôn
Ngọn suối đầu gậy sư
Xin rửa nghiên ý ngữ

Ông nói mượn dòng suối trên đầu gậy Thiền của sư, để rửa sạch cái nghiên mực ý ngữ, nói láo hay nói thêu dệt, của ông. Nhưng, ông ý ngữ như thế nào? Ông làm thơ, lời thơ ông thanh cao thần thánh. Ông làm quan thì lời quan của ông bộc trực thanh liêm. Đó là những lời nói đẹp đẽ; vì đẹp nên là ý ngữ u? Có thể như thế, và chắc chắn không là như thế. Nhưng, ông làm quan thì lời quan nó đầy đọa đời quan của ông. Ông làm thơ thì lời thơ nó đầy đọa trời thơ của ông. Lời thơ của ông thì những là... Hỉ hoan lao viễn mộng. Lời quan của ông thì những là... Hoàng khủng khắp cô thân. Cả hai cùng đầy đọa thân và tâm của ông. Nếu rửa sạch những thứ đó đi, chắc gì đã không là một cõi đọa đầy khác nữa:

Dĩ hỉ thiên tâm vô biệt ngữ
Thượng hiềm thế phát hữu thi ban

Tâm thiên không lời, cái đó ông hâm mộ rồi. Nó cũng trong phương trời viễn mộng của ông. Nhưng Đạo Thơ có lời, cũng là phương trời viễn mộng của ông. Không phải ông bị đầy đọa vì bị ray rứt giữa hai đường. Cái đó dành cho tục tử,

chứ không hề có nơi cốt cách cao kỳ tuyệt diệu như ông. Nhưng cả hai cái đó, thất chặt rồi buông lơi, như một cuộc giao tình đến để rồi đi; cả hai đưa nhau, đẩy nhau, đưa đẩy mãi lên mấy tầng trời cao diệu, trên những phương trời viễn mộng; đưa đẩy nhau cho đến cùng tuyệt càn khôn, trong bất động, trong vô ngôn; trong phương trời đọa đày viễn mộng. Thế thì, cái chỗ đọa đày viễn mộng đó cũng đơn sơ như cõi mộng ban đầu; ban đầu từ một gương mặt trong ngọc trắng ngà không son phấn, rã cánh hồng mà nụ vẫn còn tươi, cho tình lên cao vút với mây trời trong nắng sớm:

Tổ diện thường hiềm phấn uyển
Tẩy trang bất thốn tàn hồng
Cao tình dĩ trực hiểu vân không
Bất dữ lê hoa đồng mộng

Sau hết, và như là bắt đầu, thấy lại nó đơn sơ như mảnh trăng non và như cây ngô đồng thưa lá.

Cõi thơ, có đến và có đi, nhưng không hề có dấu vết. Một cánh chim nhận, một cánh chim hồng ngoài ven trời vạn dặm./.

Nguồn: <https://khungcuahep.com/suu-tam/tue-sy-to-dong-pha-nhung-phuong-troi-vien-mong.html>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 9100 TÁC PHẨM